

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
QUAY PHIM ĐIỆN ẢNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 9 - 2024

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



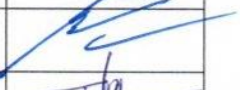
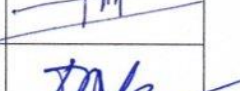
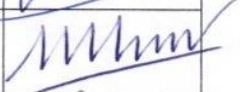
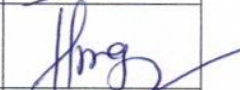
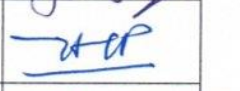
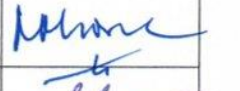
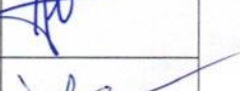
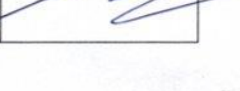
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
QUAY PHIM ĐIỆN ẢNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 9 - 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH QUAY PHIM ĐIỆN ẢNH**

*(Kèm theo Quyết định số 300/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Trần Quang Minh	TS. Trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Phó Chủ tịch	
4	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Trưởng Ban thư ký	
5	Bùi Như Lai	TS. NSUT. Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
6	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
7	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản; Đại diện Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
10	Chế Thị Hồng Phương	CN. Kế toán trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ)	Thành viên	
11	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên	
12	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
13	Đinh Quang Trung	PGS.TS. Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên	
14	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên	
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên	
16	Đặng Thu Hà	TS. Phó trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên	
17	Trịnh Ngọc Sơn	ThS. Phó trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên	
18	Nguyễn Quốc Phương	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên	

19	Lý Thái Dũng	CN. NSND. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên	
20	Trần Diệu Hiền	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên	
21	Vũ Thị Yến	Sinh viên lớp Quay phim điện ảnh K42	Thành viên	

(Danh sách gồm có 21 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	6
PHẦN I. KHÁI QUÁT	8
1. Đặt vấn đề.....	8
2. Tổng quan chung	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	16
Tiêu chuẩn 1	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	16
Tiêu chí 1.2.....	17
Tiêu chí 1.3	20
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	21
Tiêu chuẩn 2	21
Mở đầu.....	21
Tiêu chí 2.1	21
Tiêu chí 2.2	22
Tiêu chí 2.3	23
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	24
Tiêu chuẩn 3	25
Mở đầu.....	25
Tiêu chí 3.1	25
Tiêu chí 3.2	26
Tiêu chí 3.3	28
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	29
Tiêu chuẩn 4	29
Mở đầu.....	29
Tiêu chí 4.1	30
Tiêu chí 4.2	31
Tiêu chí: 4.3.....	33

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	35
Tiêu chuẩn 5	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 5.1	36
Tiêu chí 5.2	37
Tiêu chí 5.3	39
Tiêu chí 5.4	40
Tiêu chí 5.5	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	42
Tiêu chuẩn 6	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 6.1	43
Tiêu chí 6.2	45
<i>Tiêu chí 6.3</i>	47
Tiêu chí 6.4	49
Tiêu chí 6.5	51
Tiêu chí 6.6	52
Tiêu chí 6.7	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	55
Tiêu chuẩn 7	55
Mở đầu	55
Tiêu chí: 7.1	55
Tiêu chí: 7.2	57
Tiêu chí 7.3	57
Tiêu chí 7.4	59
Tiêu chí 7.5	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	61
Tiêu chuẩn 8	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 8.1	62
Tiêu chí 8.2	63

Tiêu chí 8.3	64
Tiêu chí 8.4	67
Tiêu chí 8.5	69
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	71
Tiêu chuẩn 9	71
Mở đầu	71
Tiêu chí 9.1	71
Tiêu chí 9.2	73
Tiêu chí 9.3	75
Tiêu chí 9.4	78
Tiêu chí 9.5	80
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	82
Tiêu chuẩn 10	82
Mở đầu	82
Tiêu chí 10.1	83
Tiêu chí 10.2	84
Tiêu chí 10.3	85
Tiêu chí 10.4	87
Tiêu chí 10.5	89
Tiêu chí 10.6	92
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	93
Tiêu chuẩn 11	93
Mở đầu	93
Tiêu chí 11.1	94
Tiêu chí 11.2	96
Tiêu chí 11.3	98
Tiêu chí 11.4	99
Tiêu chí 11.5	102
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	103
PHẦN III. KẾT LUẬN	104
PHẦN IV. PHỤ LỤC	111

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	QPĐA	Quay phim điện ảnh
3	BLQ	Bên liên quan
4	BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch
5	CBCCVC	Cán bộ, công chức, viên chức
6	CNQPĐA	Chuyên ngành Quay phim điện ảnh
7	CTĐT	Chương trình đào tạo
8	CĐR	Chuẩn đầu ra
9	CTHSSV	Công tác học sinh, sinh viên
10	CTDH	Chương trình dạy học
11	CSGD	Cơ sở giáo dục
12	CSVC	Cơ sở vật chất
13	ĐCCT	Đề cương chi tiết
14	ĐD	Đạo diễn
15	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
16	ĐH	Đại học
17	ĐHSKĐAHN	Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
18	ĐTN	Đoàn thanh niên
19	ĐT,QLKH&HTQT	Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
20	ĐNNV	Đội ngũ nhân viên
21	GV	Giảng viên
22	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
23	GDDH	Giáo dục đại học
24	HCTH (TCCB)	Hành chính, Tổng hợp (Tổ chức cán bộ)
25	HCQT	Hành chính quản trị
26	HP	Học phần
27	KQHT	Kết quả học tập
28	KH	Kế hoạch
29	KH&CN	Khoa học và công nghệ
30	KNTĐA	Khoa Nghệ thuật điện ảnh

31	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
32	MC	Minh chứng
33	NBK	Nhà biên kịch
34	NQP	Nhà quay phim
35	NCKH	Nghiên cứu khoa học
36	NH	Người học
37	NTD	Nhà tuyển dụng
38	NTĐA	Nghệ thuật điện ảnh
39	NV	Nhân viên
40	NGND	Nhà giáo Nhân dân
41	NSND	Nghệ sĩ Nhân dân
42	NSƯT	Nghệ sĩ ưu tú
43	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
44	PGS	Phó Giáo sư
45	PPGD	Phương pháp giảng dạy
46	PVCD	Phục vụ cộng đồng
47	QĐ	Quyết định
48	SKĐA	Sân khấu điện ảnh
49	SV	Sinh viên
50	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
51	TC	Tín chỉ
52	TCCB	Tổ chức cán bộ
53	TĐG	Tự đánh giá
54	TS	Tiến sĩ
55	ThS	Thạc sĩ
56	TB	Thông báo
57	TTTTTV	Trung tâm Thông tin, Thư viện
58	VSKĐA	Viện Sân khấu - Điện ảnh

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Mục tiêu chương trình đào tạo (MTCTĐT) các năm (2018-2024).....	131
Bảng 2: Kết quả khảo sát của các BLQ đối với mục tiêu của CTĐT	133
Bảng 3: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành QPĐA các năm (2018-2024)	134
Bảng 4: Đối sánh chuẩn đầu ra (CĐR) các năm	140
Bảng 5: Cấu trúc đề cương chi tiết học phần được thể hiện qua CTĐT QPĐA của các năm 2018 và 2023 (2018-2024)	140
Bảng 6: Đánh giá của cựu người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2019	141
Bảng 7: Đánh giá của người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2024	142
Bảng 8: Đánh giá của giảng viên về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2024	143
Bảng 9: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp 2019-2024	143
Bảng 10: Ma trận mối quan hệ giữa các học phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT năm 2023	144
Bảng 11: Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp (SVTN)	146
Bảng 12: Tỷ lệ các khối kiến thức trong chương trình đào tạo QPĐA áp dụng các năm	148
Bảng 13: Đánh giá mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với SV tốt nghiệp	148
Bảng 14: Đánh giá của người học về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong đề cương chi tiết học phần và chương trình đào tạo ngành QPĐA năm học 2022- 2023	149
Bảng 15: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT	150
Bảng 16: Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi	150
Bảng 17: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành QPĐA (chính quy và không chính quy) 2019-2024	150
Bảng 18: Thành tích TĐKT của giảng viên Khoa Nghệ thuật điện ảnh (2019-2024) ...	151
Bảng 19: Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa Nghệ thuật điện ảnh (2019-2024)	151

Bảng 20: Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Nghệ thuật điện ảnh (2019-2024)	151
Bảng 21: Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa Nghệ thuật điện ảnh giai đoạn 2019-2024.....	152
Bảng 22: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (từ năm 2019 đến 2024).....	152
Bảng 23: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành QPĐA (từ năm 2019 đến 2024)	152
Bảng 24: Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường Đại học SKĐAHN	153
Bảng 25: Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa Nghệ thuật điện ảnh.....	153
Bảng 26: Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và Tỷ lệ thôi học của SV ngành QPĐA từ khóa tuyển sinh 2019 đến 2024.....	153

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Xây dựng và phát triển thương hiệu là một trong những vấn đề quan trọng, then chốt để thúc đẩy sự phát triển mang tính bền vững, với ý thức nâng cao chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định, là động lực cho sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (Trường ĐHSKĐAHN). Trong quá trình trưởng thành và phát triển, Nhà trường luôn coi trọng việc đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, trong đó có hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT). Để nâng cao chất lượng đào tạo hướng tới đạt yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, đạt được mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) và trước xã hội, Trường ĐHSKĐAHN tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá CTĐT một số ngành trong đó có CTĐT trình độ đại học (ĐH) chuyên ngành Quay phim điện ảnh (CNQPĐA).

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa Nghệ thuật điện ảnh (KNTĐA), trình độ đại học CNQPĐA. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT CNQPĐA căn cứ các tiêu chuẩn và mốc chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học CNQPĐA trong mã ngành Quay phim điện ảnh, truyền hình để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2018 - 2023, trên cơ sở đó, Khoa và Trường có những phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT CNQPĐA được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN bao gồm 21 thành viên và Ban thư ký giúp việc Hội đồng (HĐ) gồm 07 thành viên. Trong đó, PGS.TS. NGND. Nguyễn Đình Thi, Hiệu trưởng Nhà trường - Chủ tịch HĐ; TS. Phạm Đắc Thi, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch HĐ; TS. Trần Quang Minh, Trưởng KNTĐA - Phó Chủ tịch HĐ; TS. Trịnh Thúy Hương, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - Trưởng Ban thư ký. Các thành viên còn lại trong HĐ và Ban thư ký đến từ các phòng chức năng (Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế (PĐTQLKH&HTQT); Phòng Hành chính, Tổng hợp (PHCTH); Phòng Công tác học sinh, sinh viên (PCTHSSV); Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD); Trung tâm Thông tin, Thư viện (TTTTTV); Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (ĐTNCSHCM) và KNTĐA.

Mục đích tự đánh giá CTĐT nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT CNQPĐA, KNTĐA của Trường ĐHSKĐAHN. Nâng cao chất lượng CTĐT CNQPĐA thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm tự đánh giá; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT CNQPĐA; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt

động đào tạo, NCKH và PVCD.

Công cụ đánh giá là 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Mỗi tiêu chí được tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo và công văn 744/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện, và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Bản “Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân CNQPĐA” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT chuyên ngành QPĐA, KNTĐA theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT). Bản báo cáo gồm 4 phần chính: Khái quát; Đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Kết luận và Phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo, trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá các tiêu chí và kết luận mỗi tiêu chuẩn. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược

về các tiêu chuẩn. Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá khách quan theo 7 mức quy định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi một tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 4/7 đến 5/7.

2. Tổng quan chung

Trường ĐHSKĐAHN chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL); quản lý về giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT), đồng thời chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Sứ mạng của Trường được công bố như sau: “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình; thực hiện NCKH và ứng dụng trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; quan tâm, thúc đẩy các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; phát huy tinh thần, bản sắc văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là: “*Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các cơ sở đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khu vực châu Á*”. Tầm nhìn này giúp Trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế.

Năm 2017, Trường ĐHSKĐAHN đã được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia (Do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận). Thành quả đó chính là nhờ vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của nhà Trường. Những mục tiêu được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Trong đề án “Phát triển Trường ĐHKĐAHN giai đoạn 2014-2020” và Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030 đã ghi rõ mục tiêu là: "Xây dựng Trường ĐHKĐAHN thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và đạt trình độ các trường tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật của các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình, múa, nhiếp ảnh và thiết kế mỹ thuật; góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. "Mục tiêu này đã được thay đổi để phù hợp với sứ mạng của Trường trong giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Trường; “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”; đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của Trường; sổ tay sinh viên; các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hằng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để những mục tiêu đã đề ra đạt được hiệu quả cao, Nhà trường có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và bảo đảm chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý để các hoạt động của Nhà trường được thực hiện đúng quy định. Hệ thống văn bản của Trường được công bố minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử Office, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của Khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của Nhà trường, tạo nên một khối thống nhất trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động đào tạo của Trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của Khoa, phòng; Trường còn ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, GV và NV. Sự phân công này được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều

hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì cũng như phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng uỷ, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho Đảng uỷ Trường tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi bảo đảm công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn Thanh niên (ĐTN) Trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phong trào như: Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn Thanh niên Bộ VHTTDL tổ chức; kỷ niệm các ngày lễ lớn với những hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần phục vụ cho việc học tập cũng như tăng tình đoàn kết, gắn bó giữa sinh viên các khoa trong Trường.

Bên cạnh việc chú trọng bảo đảm hiệu quả vận hành về mặt tổ chức, Nhà trường luôn coi chất lượng giáo dục đại học là chìa khoá thành công trong việc phát huy sứ mạng đào tạo của mình. Bởi vậy, từ năm 2014, Trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD. Công tác của Phòng là kiểm tra, giám sát thường xuyên thời gian giảng dạy, chất lượng giảng dạy, tính bảo mật của việc ra đề thi, chất lượng bài thi, tính nghiêm túc của các kỳ thi...

Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 đã giới thiệu khái quát giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2025 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hàng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Thanh tra nhân dân... Ban Giám hiệu trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT CNQPĐA là Khoa NTĐA. Đồng hành với Trường từ thuở sơ khai, quá trình phát triển của Khoa NTĐA trải dài hơn 40 năm lịch sử, là cơ sở đầu tiên của cả nước đào tạo về CNQPĐA - bậc đại học. Năm 1980, để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội Chính phủ đã ban hành Quyết định số 372/CP ngày 17/12/1980 của Hội đồng Chính Phủ về việc thành lập Trường ĐHSKĐAHN với Hiệu trưởng là Giáo sư (GS), Tiến sĩ (TS), Nghệ sĩ Nhân dân (NSND), Đạo diễn sân khấu Đình Quang. Nhà trường đã quy tụ được đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong quản lý giáo dục, giảng viên, nghệ sĩ chuyên ngành Điện ảnh và Sân khấu bậc nhất của cả nước về làm việc và giảng dạy tại Trường. Những ngày đầu thành lập, Khoa chỉ đào tạo các lớp chuyên ngành Quay phim (do NSND - Nhà quay phim Trần Thế Dân chủ nhiệm), chuyên ngành Đạo diễn và Lý luận phê bình điện ảnh (do NGND - Đạo diễn Lê Đăng Thục chủ nhiệm). Đến năm 1982, chuyên ngành Biên kịch mới được thành lập do cố PGS - NBK Bành Bảo và cố PGS - TS NBK Bành Châu chủ nhiệm. Từ năm 2021, KNTĐA thực hiện quản lý các hoạt động chuyên môn đối với hệ đào tạo sau đại học với 2 mã ngành: Nghệ thuật điện ảnh - truyền hình (mã ngành: 8210232) đào tạo trình độ thạc sĩ; ngành Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình (mã ngành: 9210231) đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trải qua hơn 40 năm đào tạo liên tục, CNQPĐA đã đào tạo nhiều cử nhân QPĐA, nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt của ngành điện ảnh, truyền hình trên cả nước. Họ góp phần làm nên diện mạo của nền Điện ảnh Việt Nam qua các thời kỳ chiến tranh, đổi mới, và xây dựng đất nước hiện nay, với những tên tuổi như NSND. NQP Trần Quốc Dũng, NSND. NQP Lý Thái Dũng, NSND. NQP Nguyễn Thước, NSND. NQP Lê Hồng Chương, NSUT. NQP Phạm Thanh Hà, NSUT. NQP Hoàng Tấn Phát, NSUT. NQP Trịnh Quang Tùng, ... vv.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 13 giảng viên trong biên chế, trong đó có 01 PGS, 02 TS, 08 ThS, 02 ĐH đã tốt nghiệp tại các nước có nền điện ảnh tiên tiến nhất thế giới như Mỹ, Pháp.

Sinh viên KNTĐA năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi Liên hoan phim Ong Vàng, Cánh diều vàng, Liên hoan phim ngắn tại Liên hoan phim Quốc gia. Trường ĐHSKĐAHN còn là Thành viên Hiệp hội các Trường Điện ảnh toàn thế giới (The International Association of Film and Television Schools, viết tắt là CILECT), hằng năm đều có phim ngắn gửi đi dự LHP của Hiệp hội và đã đạt các giải thưởng uy tín.

KNTĐA có mối quan hệ tốt với các nhà tuyển dụng (NTD) trong cả nước, các công ty sản xuất phim nhà nước và tư nhân, do đó các GV của Khoa đã tạo dựng nhiều cơ hội để các SV của mình đi thực tập, làm việc tại các đoàn phim... nâng cao nghiệp vụ thực hành, cọ sát thử thách nghiệp vụ ở các trình độ ... và cũng là cơ hội tiếp cận việc làm khi SV ra trường. (Hãng Phim truyện Việt Nam, Hãng phim Truyền hình VFC,

VTV, HTV, các công ty HK, PS và rất nhiều công ty truyền thông tư nhân ...). Cán bộ và sinh viên KNTĐA có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu SV, GV của Khoa có quỹ hỗ trợ các SV không may gặp điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Các hãng sản xuất, kinh doanh cho thuê thiết bị điện ảnh của thế giới và Việt Nam, thông qua các GV đã tài trợ, tổ chức các cuộc thi: Canon, Sony, Fujifilm, Blackmagic... tạo điều kiện cho SV làm phim ngắn trong và ngoài chương trình học tập.

Sứ mạng của Khoa cũng chính là Sứ mạng của Trường, đó là đào tạo các chuyên ngành điện ảnh, cung cấp nguồn nhân lực chính dẫn đầu quốc gia. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệm đào tạo cử nhân chính quy ngành Đạo diễn, Biên kịch, Quay phim, Lý luận Phê bình ĐA.

Khoa đã và đang thực hiện chính sách và hoạt động cụ thể nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy Trường, Chi bộ Điện ảnh, cán bộ viên chức, sinh viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, người học, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ Khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác sinh viên; công tác đoàn thể cũng được chú trọng. Khoa đã phối hợp chỉ đạo liên chi đoàn SV tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo cho người học thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của Khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của SV và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Đội ngũ giảng viên được đào tạo; được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. (ThS Lê Minh Đức tốt nghiệp chuyên ngành Biên kịch tại Học viện phim New York, Mỹ; ThS Nguyễn Hồng Quân tốt nghiệp chuyên ngành Đạo diễn Phim tài liệu theo chương trình Doc Nomads của học bổng Erasmus; ThS Trương Quế Chi tốt nghiệp chuyên ngành Điện ảnh học tại Đại học Sorbonne, Pháp; NSND Lý Thái Dũng học Công nghệ quay phim, sản xuất phim Kỹ thuật số tại ĐH Tổng hợp Nam California, Mỹ). Các GV cũng theo học những khóa ngắn hạn trong nước và ngoài nước để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, hầu hết đều có công trình NCKH, các kịch bản phim điện ảnh, truyền hình, các

tham luận nghề nghiệp tại các hãng phim, các hội thảo điện ảnh, là dịch giả của nhiều cuốn sách, giáo trình Quay phim và Điện ảnh.

Thứ tư, công tác đào tạo, bảo đảm chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. Chương trình đào tạo của Khoa thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thứ năm, Khoa chú trọng công tác NCKH, Thư viện phim của Khoa luôn cập nhật các bộ phim đạt giải thưởng, được đánh giá cao, thành công về mặt thương mại trong nước và trên thế giới để các giảng viên cùng phân tích, thảo luận để sử dụng trong các bài giảng. Đặc biệt, các chuyên đề mới luôn được tổ chức, mời các nhà sản xuất, đạo diễn, quay phim, các họa sĩ thiết kế, hóa trang, phục trang chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong nghề nghiệp để các GV và SV có được những giao lưu thực sự cần thiết: Đạo diễn, Nhà sản xuất Phan Đăng Di, Đạo diễn Nguyễn Hoàng Điệp, Đạo diễn phim tài liệu Tạ Quỳnh Tư, Nhà dựng phim Nguyễn Thị Hào, Đạo diễn hình ảnh Nguyễn Triều Thịnh, Quay phim, Chuyên gia chỉnh màu Tô Quang Định vv.

Cuối cùng, công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể bảo đảm chất lượng của Trường và Khoa. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Cán bộ phụ trách thiết bị có tinh thần trách nhiệm cao, bảo quản tốt các thiết bị máy móc tại phòng thực hành và các thiết bị tại văn phòng. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20- 11, Tết âm lịch. Ngoài ra đơn vị còn tổ chức đi du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ trong các dịp hè, thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, CB yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc bảo đảm và phát huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập đến nay, Khoa Nghệ thuật điện ảnh luôn là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo CNQPĐA tốt nhất khu vực miền Bắc, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành QPĐA được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDDH) quy định trong Luật GDDH. Trên cơ sở mục tiêu này, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT trình độ cử nhân CNQPĐA được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng:

Mục tiêu của CTĐT CNQPĐA được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học [H01.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà Trường [H01.01.01.02]. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học CNQPĐA, người học có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến điện ảnh nói riêng và văn hoá nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H01.01.01.03].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H01.01.01.04]. Đặc biệt từ năm 2020, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường ĐHKĐAHN, Khoa NTĐA đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới các CTĐT do Khoa quản lý, trong đó có chuyên ngành Quay phim điện ảnh thuộc ngành Quay phim [H01.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT CNQPĐA phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật GDDH. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Theo đó, một điểm đổi mới quan trọng là sự thay đổi từ số đơn vị học trình (ĐVHT) sang tín chỉ (TC) và số đầu môn. Từ năm 2020, CNQPĐA đã có những đổi mới và cập nhật các công nghệ liên quan đến cả hai lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật điện ảnh, nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Sinh viên được tiếp cận với những làn sóng sáng tạo mới từ các nền điện ảnh trên thế giới.

Năm 2020, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (BLQ) gồm: Người học, giảng viên, viên chức, người lao động, cựu người học, nhà sử dụng lao động,

chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn...[H01.01.01.06]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H01.01.01.07]. Giai đoạn 2020 - 2024 là giai đoạn một phần bị ảnh hưởng của đại dịch Covid19 tác động mạnh, nên việc lấy ý kiến góp ý, hoặc phản hồi từ các BLQ không được thực hiện bài bản, chuyên sâu.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT CNQPĐA được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKĐAHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về mục tiêu của CTĐT CNQPĐA chưa được tiến hành định kỳ, bài bản.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ theo quy định, KNTĐA phối hợp PĐTQLKH&HTQT tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHKĐAHN với Luật giáo dục đại học sửa đổi và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới (Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2025, KNTĐA phối hợp với PKT&ĐBCLGD định kỳ 2 năm một lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về mục tiêu của CTĐT CNQPĐA.

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ cử nhân CNQPĐA được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2020 theo một quy trình thống nhất [H01.01.02.01]. CDR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H01.01.02.02].

CĐR của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là:

(1) *Về kiến thức*: SV sau khi hoàn thành CTĐT CNQPĐA có khả năng áp dụng những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Sinh viên sáng tạo và xây dựng năng lực tự học trên cơ sở đạt được các CĐR của khối kiến thức cơ sở ngành liên quan đến kiến thức và kỹ năng về điện ảnh, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành QPĐATH và của từng chuyên ngành chuyên sâu như phim truyện, phim truyền hình, phim tài liệu; vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức QPĐA vào nghiên cứu và ứng dụng, phát triển hoạt động nghề nghiệp.

(2) *Về kỹ năng*: Sau khi tốt nghiệp CTĐT CNQPĐA, SV có kỹ năng lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. Bên cạnh đó, SV có các kỹ năng chuyên môn chuyên sâu như thao tác với máy quay, kiểm soát và đảm bảo chất lượng cho từng cảnh quay để hoàn thiện tổng thể bộ phim hoặc các sản phẩm truyền hình, truyền thông khác có trên thị trường. SV thể hiện khả năng cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR CNQPĐA cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật nghề nghiệp QPĐA. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được nhấn mạnh trong CĐR CNQPĐA. Theo đó, SV phải có kỹ năng làm việc nhóm bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

(3) *Về mức tự chủ và trách nhiệm*: Nhóm CĐR cuối cùng hỗ trợ SV hình thành năng lực tự học suốt đời, sáng tạo, chủ động thể hiện ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành QPĐA, xác định được tác động giữa người làm nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. Bối cảnh tổ chức yêu cầu SV có hiểu biết về sự đa dạng văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động

nghề nghiệp.

(4) *Về triển vọng việc làm trong tương lai*: Sau khi tốt nghiệp cử nhân CNQPĐA SV có thể đảm nhận công việc của các nhà quay phim, phóng viên tại các hãng phim, các đoàn làm phim, các đài truyền hình trung ương và địa phương, các công ty truyền thông, quảng cáo; tổ chức các dự án thuộc lĩnh vực điện ảnh - truyền hình, truyền thông, tổ chức làm phim, sản xuất các chương trình truyền hình; vị trí nghiên cứu tại các viện nghiên cứu văn hoá nghệ thuật; tham gia công tác giảng dạy chuyên ngành ở các trường đào tạo điện ảnh - truyền hình, truyền thông, báo chí, văn hóa nghệ thuật. Tuy nhiên, CĐR cho từng môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học **[H01.01.02.03]**.

CĐR của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp (Phim truyện, Phim tài liệu).

Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu **[H01.01.02.04]**. Bên cạnh đó, Khoa NTĐA còn thực hiện việc khảo sát nhà tuyển dụng (NTD), các giảng viên (GV) là các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. KNTĐA đã khảo sát các BLQ đối với mục tiêu và CĐR của CTĐT (Xem thêm phụ lục danh mục bảng biểu: Bảng 2,3,4 - Kết quả khảo sát các BLQ đối với mục tiêu CTĐT, CĐR). Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu NH cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng **[H01.01.02.04, [H01.01.02.05]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, đã bám sát Khung trình độ quốc gia. CĐR bảo đảm được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đo lường, đánh giá CĐR, nhất là các CĐR về kỹ năng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục nghiên cứu thực hiện các yêu cầu về rà soát, cải tiến CĐR đã xây dựng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT (bộ phận đào tạo) và PKT&ĐBCLGD tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành hướng dẫn về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CĐR của CTĐT, nhất là các CĐR về kỹ năng.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được xây dựng từ năm 2017, ban hành năm 2018 và được rà soát, chỉnh sửa bổ sung năm học 2022- 2023. Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng CĐR được Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các BLQ, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, khoa NTĐA đã tiến hành họp xây dựng và thống nhất CĐR [H01.01.03.01]. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các BLQ nên CĐR của CTĐT cử nhân CNQPĐA ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. (Xem thêm Phụ lục 3,4 phần danh mục bảng biểu).

Trong giai đoạn 2019-2024, CĐR của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được định kỳ rà soát điều chỉnh 1 lần. Năm 2023 thực hiện chủ trương của Trường ĐHKĐAHN, khoa NTĐA đã tiến hành rà soát CTĐT trong đó có CNQPĐA. Sau lần điều chỉnh CTĐT năm 2023, CĐR CNQPĐA được xây dựng và ban hành theo Quyết định số 505/QĐ-SKĐAHN, ngày 19/5/2023. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau:

Thứ nhất là lấy ý kiến đánh giá của người học các khóa trước, ý kiến nhà sử dụng lao động [H01.01.03.02], tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường [H01.01.03.03]. Thứ hai, sau khi tổng hợp ý kiến của các bên có liên quan, Khoa tiến hành so sánh với CTĐT với 01 trường quốc tế (trường Cao đẳng Columbia Hollywood, Mỹ) [H01.01.03.04]. Thứ ba, Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá việc điều chỉnh bổ sung CĐR áp dụng cho khóa học kế tiếp, cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai [H01.01.03.05].

CĐR của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được công bố công khai, rộng rãi thông qua website của trường, KNTĐA và sổ tay SV, giúp GV; NH; các BLQ dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT trình độ cử nhân CNQPĐA [H01.01.03.06].

2. Điểm mạnh:

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo quy định. CĐR của CTĐT được cập nhật, thay đổi phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến các BLQ về CĐR chưa rộng rãi và thường xuyên. Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các BLQ chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT; Phòng KT&ĐBCLGD và Phòng CTHSSV tiếp tục truyền thông đến các BLQ về nội dung CĐR thông qua các kênh website, thông báo tuyển sinh, sổ tay SV và

rà soát cập nhật CDR của chương trình.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA chủ động thành lập Ban liên lạc cựu SV để có thêm kênh thông tin liên lạc. Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các DN (hãng phim, Hội điện ảnh...) để gia tăng quy mô của các đợt khảo sát. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cựu SV và NTD để lấy ý kiến về CDR CTĐT.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. CDR của CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được xây dựng theo quy trình rõ ràng, được điều chỉnh và bổ sung kịp thời trên cơ sở tham khảo ý kiến của các BLQ. CDR được công bố rộng rãi trên các kênh truyền thông cơ bản như: website của Trường, của Khoa NTĐA.

* *Điểm mạnh nổi bật*: Mục tiêu CTĐT và CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ.

* *Điểm tồn tại cơ bản*: Số lượng NTD, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CDR chưa nhiều và chưa định kỳ.

* *Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 1*: Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí đạt, trong đó có 1 tiêu chí đạt mức 5/7 và 2 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT CNQPĐA được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường/ Bộ GD&ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT CNQPĐA cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khóa học, CDR của CTĐT và của từng HP cụ thể, bản tổng hợp các HP, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, ĐCCT HP cũng như các thông tin về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân CNQPĐA đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Năm 2014, được chỉnh sửa, rà soát. Năm 2018, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT CNQPĐA được cập nhật, điều chỉnh. Đến đầu năm 2023, Khoa NTĐA đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập nhật **[H02.02.01.01]**.

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ các nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CDR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng

góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình; bản mô tả các học phần. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở GD, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CĐR, cấu trúc khóa học, số đơn vị học phần (số tín chỉ tương đương), nội dung học phần giúp người học có cái nhìn tổng quát về CTĐT [H02.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng NH đạt được khi tốt nghiệp [H02.02.01.03]. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV; cựu sinh viên; nhà tuyển dụng; nhà quản lý, nhằm bảo đảm chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội [H02.02.01.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và thường xuyên được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các BLQ.

Ma trận CĐR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần đối với việc đạt được các CĐR trong chương trình và được cụ thể hóa trong các ĐCCTHP.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ bảo đảm cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT và P.CTHSSV mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các BLQ về số lượng người tham gia khảo sát và phạm vi thực hiện khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần của CTĐT CNQPĐA được KNTĐA xây dựng theo quy trình tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHSKĐAHN [H02.02.02.01]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [H02.02.02.02].

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và

tài liệu tham khảo **[H02.02.02.03]**.

100% đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV; SV năm cuối; cựu SV; các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

2. Điểm mạnh

Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá sinh viên còn đơn giản, chưa chi tiết và cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trong năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT căn cứ vào việc điều chỉnh, rà soát CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH và các quy định hiện hành của Trường ĐHSKĐAHN.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA yêu cầu các GV rà soát ĐCCT HP, diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học. Phối hợp với P.KT&ĐBCLGD trong việc nghiên cứu về phương pháp đánh giá KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học/học phần CNQPĐA được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan có quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, Khoa NTĐA đã đăng tải CTĐT và đề cương các khóa lên website của Trường **[H02.02.03.01]**. Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ GV và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bảng tin của Khoa. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện **[H02.02.03.02]**.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học **[H02.02.03.03]**. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi hội

đồng KHĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài Trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các BLQ [H02.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố kịp thời, rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.CTHSSV và P.ĐT,QLKH&HTQT tiếp tục công bố rộng rãi và công khai bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần lên website của Trường, của Khoa, hoặc triển khai các cách thức công khai để tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.CTHSSV và P.ĐT,QLKH&HTQT xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ, sau đó tổ chức đánh giá theo quy định.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

**Điểm mạnh nổi bật:* CTĐT trình độ đại học CNQPĐA của khoa NTĐA có bản mô tả CTĐT và các ĐCCT được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực Quay phim. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT căn cứ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của HP đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận.

** Điểm tồn tại cơ bản:* Việc khảo sát các BLQ khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT chưa chuyên nghiệp, chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ đối với CTĐT.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 2: *Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.*

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CĐR trong CTĐT trình độ đại học CNQPĐA.

Cấu trúc, trình tự của các học phần CNQPĐA được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến CNQPĐA, hướng đến thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, thực hiện trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các học phần trong CTĐT được sắp xếp theo từng học kỳ, bảo đảm tính hợp lý và logic đồng thời bảo đảm mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát nhằm bảo đảm tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Bắt đầu từ năm 2019, CTDH đại học CNQPĐA được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể như sau:

CTDH của CNQPĐA được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, cụ thể: Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa [H03.03.01.01], kết quả phản hồi của các BLQ [H03.03.01.02] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH bảo đảm việc đạt được CĐR của CNQPĐA thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP [H03.03.01.03], ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng [H03.03.01.04] và mô tả CĐR của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; CĐR của ngành, chuyên ngành và CĐR của mỗi HP; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá NH và thời lượng đào tạo.

CTDH phù hợp với mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức nhằm bảo đảm các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng.

Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Cụ thể, chương trình của CNQPĐA hiện nay được thiết kế gồm 38 đầu môn học trên tổng số 135 tín chỉ, tập trung vào các khối kiến thức chung đại cương, khối kiến thức

ngành bao gồm kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành (gồm các môn học bắt buộc và tự chọn); đồ án tốt nghiệp (thường là 01 bộ phim). Bên cạnh đó là các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Chủ đề của CĐR CTĐT bám sát các trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; năng lực tự chủ và trách nhiệm [H03.03.01.05].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT CNQPĐA phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT [H03.03.01.06]. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H03.03.01.07].

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của CTDH trình độ đại học CNQPĐA được thiết kế bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Các ĐCCTHP thể hiện tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chưa được xây dựng theo phương thức đào tạo tín chỉ; chưa thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi. Việc lấy ý kiến phản hồi về CTDH chưa rộng rãi, chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA chủ động lên kế hoạch và phối hợp với phòng chức năng thực hiện định kỳ rà soát cấu trúc CTDH hợp lý hơn nữa để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy - học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với Phòng ĐT, QLKH&HTQT thường xuyên kết hợp với các nhà khoa học, GV, các NTD và cựu SV để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng CTDH được hoàn thiện hơn. Khoa NTĐA tăng cường công tác dự giờ, tổ chức hoạt động xêmina cấp Khoa và Bộ môn để góp ý xây dựng nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần; đồng thời thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt

được CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT **[H3.03.02.01]**.

Mặt khác, 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể như sau: Tất cả các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo **[H3.03.02.02]**.

Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình **[H3.03.02.03]**.

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, nhất là ý kiến của các doanh nghiệp về chuẩn đầu ra và chương trình dạy học đạt CĐR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CĐR của chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ, đặc biệt ý kiến của các đơn vị sử dụng nhân lực của CTĐT thực hiện chưa thường xuyên.

CTĐT CNQPĐA chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA phối hợp với PĐTQLKH&HTQT xây dựng kế hoạch cải tiến CTDH thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của HP, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm bảo đảm quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm/1 lần, KNTĐA phối hợp với PKT&ĐBCLGD, PĐTQLKH&HTQT tổ chức lấy ý kiến các BLQ trong việc rà soát, điều chỉnh CTĐT. Mỗi năm 1 lần, KNTĐA phối hợp với VSKĐA chủ trì tổ chức ít nhất 01 đề tài KH&CN hoặc hội thảo cấp Khoa/ Trường về đổi mới nội dung, PPGD và KTĐG đối với các HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và CNQPĐA.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH trình độ đại học CNQPĐA được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, bảo đảm chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2023 - 2024, CTDH chuyên ngành Quay phim điện ảnh có 135 tín chỉ, với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 37 tín chỉ, chiếm 26,4 % tổng số tín chỉ của CTĐT; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 39 tín chỉ, chiếm 35,7 %; kiến thức chuyên ngành gồm 59 tín chỉ, chiếm 37,8 %; các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VIII đảm bảo tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VIII [H03.03.03.01].

100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) [H03.03.03.02].

Chương trình dạy học CNQPĐA được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2014, tiếp tục được rà soát và điều chỉnh vào các năm 2018 và 2023 [H03.03.03.03]. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo với CTĐT 01 trường quốc tế (trường Cao đẳng Columbia Hollywood, Mỹ) [H01.01.03.04] bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp.

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT CNQPĐA có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong

CĐR của CTĐT CNQPĐA.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về hiệu quả của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT và P.CTHSSV xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH chuyên ngành Quay phim điện ảnh để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp P.ĐT, QLKH&HTQT, P.KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH đồng thời tiến hành đối sánh với nhiều CTDH ở các lần điều chỉnh sau.

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

* *Điểm mạnh nổi bật:* CTDH được xây dựng trên các yêu cầu của CĐR, trong đó mỗi học phần đều thể hiện rõ sự đóng góp cụ thể vào việc đạt CĐR. Các phương pháp dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra - đánh giá nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR quy định rõ ràng trong CTDH. Các học phần trong CTDH đều xác định mục tiêu và CĐR rõ ràng, có tham chiếu đến CĐR của CTDH và bước đầu lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. CTDH có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo sự logic, nội dung các học phần trong CTDH được cập nhật và có tính tích hợp.

* *Điểm tồn tại cơ bản:* Khi xây dựng CTDH, việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện bài bản, chuyên sâu.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 3: Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT. CNQPĐA cũng như nhiều ngành/ chuyên ngành đào tạo khác trong Trường ĐHSKĐAHN chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2020 - 2025, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV ngành cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và

được rà soát điều chỉnh hằng năm. Năm 2022, Trường ĐHSKĐAHN tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường là: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, ngành nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tư duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu mạnh những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Đồng thời, hướng đến việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo các nhóm mục tiêu chính: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và tổ chức.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2022-2023, CTĐT của CNQPĐA được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT [H4.04.01.01]; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H04.04.01.02].

Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã xây dựng mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục được tuyên bố trong CĐR của CTĐT CNQPĐA, được cụ thể hóa trong từng đề cương chi tiết học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, GV, SV, NTD và toàn xã hội [H04.04.01.05].

Đối với giảng viên, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT bảo đảm tính logic của những HP bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [H04.04.01.06].

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập [H04.04.01.07].

Công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng [H04.04.01.08]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV Khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, sổ tay sinh viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù triết lý giáo dục/ mục tiêu của CTĐT được công bố cho các NTD, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số hoạt động (NTD được mời thỉnh giảng cho CTĐT, hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của đông đảo các NTD trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA chủ trì phối hợp với các BLQ tiếp các hoạt động nhằm công khai, phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 02 năm một lần, Khoa NTĐA phối hợp với Viện SKĐA tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm thường niên với các NTD để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các NTD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả thực trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã được công bố, các hoạt động đào tạo của KNTĐA được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập theo quy chế của Bộ GD&ĐT. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học **[H04.04.02.01]**.

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, CTĐT được Hội đồng KHĐT của Khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước **[H04.04.02.02]**. Từ năm học 2018-2019, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành bài bản, có tính cập nhật, đổi mới **[H04.04.02.03]**.

Từ năm 2019, Bản mô tả CTĐT CNQPĐA được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học **[H04.04.02.04]**. Theo đó, CDR CTĐT CNQPĐA chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng

mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H04.04.02.05]**.

Để hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao nhất, mang lại lợi ích lớn nhất cho sinh viên, Khoa NTĐA đã bố trí GV trong việc giảng dạy các môn chuyên ngành, môn cơ sở ngành, chẳng hạn: Trong môn Quay phim điện ảnh (1-6); môn Nhiếp ảnh, Phân tích phim, Dựng phim, Kịch học, đó là sự kết hợp giảng dạy của các GV trẻ được đào tạo từ các nước G7 với độ tuổi từ 30-35 và các GV giàu kinh nghiệm được đúc kết qua nửa thế kỷ làm nghề. Bên cạnh đó, sự đánh giá của hai đối tượng GV giúp cho SV có cái nhìn đa chiều hơn về quan điểm nghề nghiệp và thẩm mỹ **[H04.04.02.06]**.

Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H04.04.02.07]**.

Cách thức GV hướng dẫn NH được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm sinh viên. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, GV luôn phối hợp tác dụng của các phương pháp giảng dạy (thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, đàm thoại, tạo tình huống học tập ...), họ đề cao việc hướng dẫn người học làm việc theo nhóm, để phát huy tốt nhất sở trường của mỗi SV. Chẳng hạn, trong môn nhiếp ảnh hay phân tích phim, một nhóm 3, 4 sinh viên tự phân công nhau theo sở trường để đảm nhận vai trò: Nhà Biên kịch, Đạo diễn, Quay phim, Biên tập dựng phim. Trong quá trình học, khi làm bài tập đến hết môn, các SV được trải nghiệm qua cả 4 vị trí trên ở vai trò sáng tác **[H04.04.02.08]**. Tỷ lệ 88-92% sinh viên hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV. Như vậy, số liệu trên cho thấy rằng không có trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CDR **[H04.04.02.09]**. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường hiệu quả chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CDR **[H04.04.02.10]**.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Người học được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CDR **[H04.04.02.11]**. Hoạt động thực tập là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 07 đơn vị học trình. SV được cử đến hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hằng năm, KNTĐA tổ chức Hội thi tài năng SV nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành đáp ứng CDR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số SV đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (giải thưởng về kịch bản phim) **[H04.04.02.12]**.

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động NCKH trong SV còn

chưa rõ nét.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học ngành kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CDR. Hoạt động dạy và học giúp người học lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động NCKH trong SV còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho SV thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.ĐT,QLKH&HTQT; Viện SKĐA phối hợp tiếp tục đánh giá và cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các BLQ, chú trọng đến phương thức thực tập nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV, tập huấn cho GV; có nhiều chính sách hơn nữa để GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.KT&ĐBCLGD, P.CTHSSV phối hợp khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/các phương pháp dạy và học. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quy định về hoạt động NCKH của SV. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của NH. ĐCCT của từng HP có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của SV. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT ngành. Chẳng hạn, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như: kỹ năng thực hiện công tác quay phim 1 bộ phim ngắn, kỹ năng xây dựng kịch bản phân cảnh và bản vẽ thiết kế kịch bản phim điện ảnh 90 phút, kỹ năng lựa chọn góc máy, kỹ năng định sáng cho các cảnh quay và phương pháp chiếu sáng cho các thể loại phim khác nhau,... Các kỹ năng mềm là hành vi ứng xử của mỗi người, là cách tương tác với bạn bè, đồng nghiệp, cách làm việc nhóm như: kỹ năng truyền đạt, thuyết phục, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp **[H04.04.03.01]**.

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Tất cả ĐCCT HP đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy đề cương

các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, GV giới thiệu và cung cấp cho SV đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết các tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho SV sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, SV chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu của môn học **[H04.04.03.02]**.

Trong bài giảng, GV đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của SV, giúp SV tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV của Khoa NTĐA đã kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều hình thức dạy học: dạy lý thuyết, thực hành, thảo luận, SV thuyết trình, làm việc với chuyên gia thông qua các chuyên đề công tác quay phim để việc học của SV không bị nhàm chán, mệt mỏi và có tính ứng dụng cao **[H04.04.03.03]**.

Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn TNCSHCM Trường ĐHSKĐAHN tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học **[H04.04.03.04]**.

Hằng năm, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học **[H04.04.03.05]**. Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa NTĐA tổ chức hội thi Tài năng SV và tổ chức đoàn thực tập cho SV CNQPĐA **[H04.04.03.06]**.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của SV về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV khá cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H04.04.03.07]**. Ngoài ra, khảo sát tình hình việc làm của SVTN CNQPĐA do Trường và Khoa tiến hành cho thấy tỷ lệ SV ra Trường có việc làm khá cao. **[H04.04.03.08]**. GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết. Đội ngũ GV Quay phim khá đông, có trình độ chuyên môn cao, có nhiều thành tích, giải thưởng trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, do tình hình thị trường phim điện ảnh đã có nhiều sự thay đổi. Nhu cầu về các thành phần đoàn làm phim đã không còn là nhu cầu bức thiết nhất. Thay vào đó, thị trường cần có những dạng phim như: phim nhạc kịch, phim quảng cáo, ... Mặc dù có các chuyên đề về các dạng phim trên, nhưng cũng đòi hỏi chính đội ngũ giảng viên Quay phim cần có sự thích nghi, phát triển kỹ năng gốc để đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh của thị trường.

2. Điểm mạnh

100% đề cương chi tiết các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương

pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của người học hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động dạy của GV Quay phim đang gặp những trở ngại lớn cần khắc phục như: KNTĐA chưa có những nghiên cứu về thị trường phim đa dạng như: phim nhạc kịch, phim quảng cáo,... đồng thời Khoa chưa có chiến lược trong việc định hướng giảng viên có kế hoạch tiếp cận, thích nghi với yêu cầu mới của thị trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, GV xây dựng chiến lược để nâng cao kỹ năng tự học cho NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tham mưu cho Nhà trường trong bồi dưỡng giảng viên trẻ của Khoa; Đồng thời đề xuất với Nhà trường có chính sách thu hút, sử dụng giảng viên có kinh nghiệm, có thành tích được cộng đồng ghi nhận, có tầm ảnh hưởng về nghề nghiệp (nhưng vướng những quy định về bằng cấp). Từ năm 2024, GV của Khoa NTĐA xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

* *Điểm mạnh nổi bật:* Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, sinh viên tốt nghiệp cần nhanh nhạy thích nghi đáp ứng với sự thay đổi về nhu cầu kịch bản của thị trường, họ phải tự học tập và trải nghiệm thực tế rất nhiều.

* *Điểm tồn tại cơ bản:* Hoạt động đào tạo thực hành phải cầu thị, đáp ứng nhu cầu của thị trường phim có sự thay đổi không ngừng về thể loại và hình thức, đặc biệt trên các kênh truyền thông đa phương tiện. Thị trường Điện ảnh khá thu hẹp, khiến cho QPĐA phải thích ứng linh hoạt trong thời đại mới.

Kết luận đánh giá về Tiêu chuẩn 4: Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các BLQ về mức độ đạt được của người học so với CĐR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên (SV)

CNQPĐA được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá bảo đảm sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được giảng viên (GV) ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập (KQHT), tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá KQHT của NH là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu bảo đảm CĐR cho người học, Trường đã xây dựng các quy định đánh giá KQHT của SV từ giai đoạn tuyển sinh (TS) đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp (TN).

Trường ĐHSKĐAHN thực hiện đánh giá đầu vào đối với NH CNQPĐA theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H05.05.01.01], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, sinh viên học ngành (văn bằng) 2 tuyển sinh đào tạo hệ chất lượng cao [H05.05.01.02].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV CNQPĐA được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHSKĐAHN [H05.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) [H05.05.01.04].

Trường ĐHSKĐAHN, Khoa Nghệ thuật điện ảnh có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. [H05.05.01.05].

Tuy nhiên, Trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm

tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của CNQPĐA.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của NH. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CĐR của chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, các Bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT CNQPĐA rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR, đồng thời phân tích đánh giá KQHT của NH để điều chỉnh phù hợp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KNTĐH phối hợp với P.KT&ĐBCLGD tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra-thi của NH để đánh giá chính xác hơn KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của NH của CNQPĐA- KNTĐA được xác định rõ ràng theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học) và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hình thức niên chế, kết hợp tín chỉ của Nhà trường **[H05.05.02.01]**. Giai đoạn 2019-2024, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (30%) và thi cuối kỳ (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 25 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này; các học phần chuyên ngành có sự kết hợp 2 phương thức trên với phương thức đánh giá về thuyết trình nhóm, hoặc bài tập theo dự án để đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ của SV **[H05.05.02.02]**.

Hoạt động đào tạo một CNQPĐA là một hoạt động đặc thù, do đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng. Với công việc chuyên môn của Quay phim, có nhiều

thang bậc đánh giá (đó là các công đoạn trong quá trình sản xuất 1 bộ phim), cụ thể: (1) Kịch bản phân cảnh (được thống nhất với Đạo diễn), (2) Sơ đồ vị trí đặt máy, (3) Sơ đồ thiết kế cảnh quay (được thống nhất với Đạo diễn và Họa sĩ thiết kế). Giảng viên phải đào tạo kỹ năng từng công đoạn trên cho sinh viên và phải có phương pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được yêu cầu đó của sinh viên. Tại Khoa NTĐA, SV biết chắc chắn yêu cầu của bài tập cuối kỳ (Bài thi cụ thể là đề cương kịch bản đã hoàn thiện và phim ngắn hoàn thiện) ngay từ đầu học kỳ để có sự chuẩn bị các điều kiện thực hiện bài tập ấy - bao gồm cả thời gian, phương tiện kỹ thuật, sự cộng tác với các đồng nghiệp khác như đạo diễn, diễn viên.... và cả tài chính của bản thân SV và với QPĐA thì phim ngắn là chủ yếu), điều này giúp cho nội dung các bài giảng của GV suốt học kỳ luôn bám sát và cung cấp kiến thức cũng như kỹ năng thực hành cần thiết cho SV để SV thực hành làm bài tập cuối kỳ với hiệu quả cao nhất. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần **[H05.05.02.03]**.

SV được cung cấp Sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra **[H05.05.02.04]**. Ngoài ra, SV CNQPĐA được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý Khoa và giảng viên chủ nhiệm của Khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học **[H05.05.02.05]**.

Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho NH trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của NH.

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT CNQPĐA là rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐTQLKH & HTQT, P.KT& ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá KQHT và công khai cho SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tăng cường kênh thông tin và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp NH nhận thức đúng đắn về KQHT của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho NH phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá KQHT đối với SV CNQPĐA được xây dựng đa dạng, bảo đảm có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo quy chế đào tạo; quy định về khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN **[H05.05.03.01]**.

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương và quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT **[H05.05.03.02]**. Thi kết thúc học phần theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này.

Về độ giá trị, đề thi được các GV trực tiếp giảng dạy biên soạn, tùy đặc điểm của môn học (có những yêu cầu về bài thi kết thúc học phần được GV báo trước cho SV ngay từ khi bắt đầu môn học, chẳng hạn môn QPĐA (1-6): SV biết chắc chắn yêu cầu của bài tập cuối kỳ ở ngay từ đầu HK để có sự chuẩn bị các điều kiện thực hiện bài tập ấy - bao gồm cả thời gian và quá trình thâm nhập cuộc sống, đi thực tế sáng tác). Hầu hết, trong các buổi báo cáo đánh giá phim bài tập của SV quay phim, các GV đều mời các GV trong tổ bộ môn, Khoa và các SV cùng khóa của toàn Khoa tham dự, điều này có tác dụng trong việc tạo dựng được không khí tốt, môi trường giao lưu học hỏi giữa các SV trong Khoa... và qua đó, các SV của 3 chuyên ngành quay phim, đạo diễn, biên kịch (là 3 thành phần quan trọng nhất của 1 đoàn làm phim) có thể tìm thấy các mối quan hệ cộng tác trong học tập và làm phim của học kỳ sau. Các bài tập thi kết thúc học phần đều được SV, KNTĐA lưu trữ.

Đối với những môn học có đề thi tự luận, giảng viên biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để bảo đảm từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học **[H05.05.03.03]**, được các bộ môn phê duyệt và P.KT &ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng **[H05.05.03.04]**.

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để bảo đảm tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về PKT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong quy định về thi kết thúc học phần của Trường **[H05.05.03.05]**.

Ngoài ra, để đánh giá KQHT được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai GV chuyên môn dưới sự giám sát của P.ĐTQLKH & HTQT để bảo đảm độ tin cậy và sự công bằng đối với NH, bên cạnh đó Trường ban hành quy định về khảo thí nhằm bảo đảm đánh giá đúng kiến thức NH với phương pháp phù hợp và bảo mật, bảo đảm công bằng cho người học[H05.05.03.06].

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá kết quả của người học từ các BLQ chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của NH), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả NH.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, bảo đảm nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại bằng văn bản chính thức về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy và chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp P.ĐTQLKH & HTQT, P.KT&ĐBCLGD tiếp tục nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá KQHT của NH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho NH nhanh chóng biết được kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian GV chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của NH về kết quả đánh giá [H05.05.04.01]. Điểm đánh giá ý thức học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, GVCN, trên bảng thông báo tại văn phòng qua và công khai trên website, fanpage của Khoa/ Trường. [H05.05.04.02].

NH nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua Sổ tay sinh viên và quy chế khảo thí **[H05.05.04.03]**. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi KQHT cho NH theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của GV **[H05.05.04.04]**.

P.KT & ĐBCLGD Nhà trường phối hợp với Khoa NTĐA tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NH về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ NH của GV. Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo Khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn **[H05.05.04.05]**.

2. Điểm mạnh

KQHT được thông báo kịp thời đến NH và công bố công khai theo thời gian quy định, giúp NH có kế hoạch cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học cũng như các BLQ (cựu sinh viên) về cách thức; thời gian phản hồi KQHT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2025, PKT&ĐBCLGD, P.ĐT,QLKH&HTQT tiếp tục thực hiện và rà soát quy trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, theo tần suất 2 lần /năm Khoa NTĐA; P.KT & ĐBCLGD, P.ĐT,QLKH&HTQT định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH, cựu NH về cách thức; thời gian phản hồi KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của NH và được công bố công khai **[H05.05.05.01]**. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như chương trình

sinh hoạt chính trị đầu khóa, đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên **[H05.05.05.02]**, theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc HP trong thời gian cho phép theo quy định.

Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến GVCN, Khoa chuyên môn và P.ĐT,QLKH&HTQT. Sau khi nhận được đơn, GVCN, Khoa chuyên môn và P.ĐT,QLKH&HTQT sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về KQHT. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm Khoa hoặc Trưởng PKT&ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Chủ nhiệm Khoa (hoặc Trưởng Bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của HP.

Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H05.05.04.03]**.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến 2024, CNQPĐA- KNTĐA chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về KQHT.

2. Điểm mạnh

NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong giai đoạn 2019-2024, Khoa NTĐA chưa có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại: Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của NH về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tiếp tục rà soát và phổ biến quy trình khiếu nại KQHT trên website của Trường, Khoa NTĐA.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.KT&ĐBCLG thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của NH. Tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

* *Điểm mạnh nổi bật:* Việc đánh giá KQHT của NH CNQPĐA được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường ĐHKĐAHN. Khoa NTĐA luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CĐR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải

thiện việc học tập.

** Điểm tồn tại cơ bản:* Việc lấy ý kiến phản hồi các BLQ về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Việc quy hoạch đội ngũ GV của chương trình đào tạo CNQPĐA trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Đội ngũ GV của Trường nói chung và của CTĐT CNQPĐA nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và các hoạt động PVCĐ. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên. Giảng viên của Khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, NCKH, các hoạt động đoàn thể và các hoạt động PVCĐ luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho GV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT CNQPĐA được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn 2030; đề án xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia [H06.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc Trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường [H06.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng CB của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H06.06.01.03]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H06.06.01.04]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo quy trình tuyển dụng VC, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H06.06.01.05]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm

của Khoa **[H06.06.01.06]**. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc **[H06.06.01.07]**. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho CNQPĐA trong 5 năm qua đã cơ bản đáp ứng cho CTĐT **[H06.06.01.08]**. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện đúng quy định hiện hành **[H06.06.01.09]**.

Đa số các GV giảng dạy chương trình CNQPĐA đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghiên cứu tài liệu nước ngoài để phục vụ các hoạt động đào tạo **[H06.06.01.10]**. Trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định **[H06.06.01.11]**.

Do đặc thù đào tạo CNQPĐA, đòi hỏi GV vừa có trình độ học vấn từ thạc sĩ trở lên, vừa có cống hiến, thành tích trong hoạt động nghề nghiệp (yêu cầu của cơ chế quản lý). Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển điện ảnh của Bộ VHTTDL, ngành điện ảnh đã tuyển và cử đi học tập tại các nước có nền điện ảnh phát triển như: Mỹ, Anh, Pháp, Hàn quốc, Úc, Trung Quốc... Nhưng GV giảng dạy ở các trường tại các quốc gia trên chiếm đa số là người làm nghề điện ảnh, họ không có bằng ThS và TS. Những khó khăn trên dẫn đến trong những năm tới số lượng GV có tuổi nghề, nhiều kinh nghiệm, nhiều thành tích được xã hội công nhận lại có bằng ThS, TS và có nhu cầu trở thành GV sẽ ít dần, khả năng thu hút GV cho CTĐT sẽ gặp những trở ngại nhất định.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT CNQPĐA còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp và chính sách đào tạo thực tế (mô tả trên). Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ TS của Khoa còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường xây dựng cơ chế thu hút GV có trình độ cao về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ GV học ThS, TS (trong và ngoài nước) của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.HCTH

(TCCB) rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Trường.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng

1. *Mô tả hiện trạng*

Tính đến tháng 9/2024, KNTĐA có 14 GV (8 nữ và 6 nam), trong đó có 01 Nghệ sĩ Nhân dân, 01 PGS, 02 TS, 08 Ths, 02 đại học, (trong đó có 02 GV đang là nghiên cứu sinh). Độ tuổi trung bình của GV là 38,5 tuổi (36 tuổi đối với nữ và 41 tuổi đối với nam). **[H06.06.02.01].**

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân CNQPĐA do bộ môn Đạo diễn – Quay phim Điện ảnh. Bộ môn có 07 GV, trong 07 giảng viên có trình độ TS, ThS; GV ở trong độ tuổi 30 - 40 chiếm tỷ lệ 60 %, độ tuổi 41 - 60 chiếm tỷ lệ 40 %. Ngoài ra còn có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu trong Khoa, Trường và các giảng viên thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT. **[H06.06.01.03].**

Kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV của ngành QPĐA phù hợp với Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục và Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ GD&ĐT quy định chế độ làm việc của GV và QĐ1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016 của Hiệu trưởng trường ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học và QĐ 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV **[H06.06.02.06].**

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHSKĐAHN (Điều 9 và Điều 10). Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV (Điều 12). Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí Khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo Khoa học tại hội thảo Khoa

học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể **[H06.06.02.07]**.

Việc đánh giá CB, VC căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị, hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định **[H06.06.02.08]**.

Đầu năm học, các GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.6.02.09]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, để hưởng lương tăng thêm và xếp loại thi đua **[H06.06.02.10]**. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó bảo đảm chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt giảng viên của Khoa có nhiều giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận **[H06.06.02.11]**. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV Khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo **[H06 06.02.12]**.

Tỷ lệ GV/SV CNQPĐA đủ và bảo đảm khối lượng trong những năm qua. Tuy nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy ngành quay phim luôn cần tiếp cận cái mới, luôn phải nâng cao trình độ, số lượng GV học lên bậc TS còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo nếu không tính đến việc xây dựng đội ngũ GV.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, các hoạt động PVCĐ của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH (TCCB), P.ĐT,QLKH & HTQT giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA bám sát quy định “Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHSKĐAHN” xây dựng kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ theo từng năm học, đồng thời tổ chức đánh giá hằng năm đối với nội dung này.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN thuộc Bộ VHTTDL quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên hoặc được công nhận Nghệ sĩ Nhân dân đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là Nghệ sĩ Nhân dân) đối với GV giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT ThS, TS; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.*

Đối với chuyên ngành đào tạo QPĐA, ngoài các tiêu chí trên, còn có những tiêu chí đặc thù như: Nếu chưa có danh hiệu (NSND, NSUT) nhưng có thời gian công tác từ 10 năm trở lên - có từ 03 tác phẩm ĐA để tham gia giảng dạy cho chuyên ngành Quay phim [H06.06.03.01]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi Thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước [H06.06.03.02].

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng CB, GV sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù. Ngoài quy trình tuyển dụng CB, GV riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ VHTTDL. Trước năm 2018, thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng CB, GV của Trường phải trải

qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại Trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ VHTTDL **[H06.06.03.03]**. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức tuyển dụng VC để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường **[H06.06.03.04]**.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo trên các bảng tin của Trường. Các CB, GV đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, CB, GV được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H06.06.03.05]**.

Đối với những GV được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm bảo đảm việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể **[H06.06.03.06]**. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn dự giờ các cán bộ giảng dạy khác và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của Nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các Khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, Khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H06.06.03.07]**.

Do đặc thù của chuyên ngành Quay phim đòi hỏi hoạt động thực tiễn cao, trải nghiệm thực hành, thực tế là yêu cầu bắt buộc để có thể làm nghề. Do đó, 50 % các ĐVHT trong CTĐT thiết kế thời lượng thực hành trong nội dung. Khoa NTĐA đã mời nhiều người nổi tiếng trong giới nghề về cộng tác giảng dạy (NSND Trần Quốc Dũng; NSND Nguyễn Thước; NSND Lê Hồng Chương; NSUT Phạm Thanh Hà; NSUT Trịnh Quang Tùng) **[H06.06.03.08]**. Tuy nhiên, một số NSND, NSUT có uy tín từ các hãng phim nhà nước, hoặc đã từng làm công tác quản lý đa phần là nhiều tuổi, đã nghỉ hưu hoặc bị rào cản bởi quy định bằng cấp khiến việc mời những nghệ sĩ như vậy cộng tác với Khoa ngày càng khó khăn.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT CNQPĐA được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H06.06.03.09]**.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm có những trở ngại, mâu thuẫn nhất định đối với thực tế nguồn lực của GV Khoa NTĐA trong những năm tới (chỉ bổ

nhệm người đã có trình độ ThS trở lên, dù đã là NSND hoặc là tiêu chí trưởng Khoa phải là TS đúng chuyên ngành), do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo hoặc có thâm niên, tầm ảnh hưởng trong nghề...thường gặp khó khăn. Hiện tại, GV đạt trình độ TS của Khoa NTĐA còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường giao cho P.HCTH (TCCB) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông (Khi có kế hoạch tuyển dụng).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp P.ĐTQLKH &HTQT, P.HCTH (TCCB) rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VHTTDL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù (Chia theo giai đoạn để có thời gian bổ sung nguồn nhân lực, trước khi nâng cao yêu cầu của tiêu chí). Có chính sách thu hút mạnh hơn nữa như thưởng nóng cho các ứng viên đủ tiêu chuẩn và có tầm ảnh hưởng tốt về nghề muốn về công tác tại Trường. Khoa/Phòng HCTH (TCCB) cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV bảo đảm đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHSKĐAHN nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung về GV. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ VHTTDL tổ chức (nếu có). Cụ thể là 100% GV của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H06.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của Khoa nói chung và GV chuyên ngành QPĐA tham gia mọi hoạt động sáng tác để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H06.06.04.02]**.

Đội ngũ GV tích cực tham gia NCKH dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành: Tham gia làm phim; tham gia các dự án, LHP, hội thảo nghề, hội thảo giáo dục của các tổ chức trong nước, quốc tế, giao lưu giữa các hội thảo, chia sẻ giữa các Khoa trong Trường **[H06.06.04.03]**. GV của Khoa NTĐA đã có nhiều công trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H06.06.04.04]**.

Trường ĐHSKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ GV luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của GV cũng là mục tiêu phấn đấu của các GV Khoa NTĐA **[H06.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn

nghịp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... **[H06.06.04.06]**. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn **[H06.06.04.07]**, các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho CBGV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản **[H06.06.04.08]**.

Hàng năm, Nhà trường đều thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên **[H6.06.04.09]**. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá. Kết quả này tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% giảng viên KNTĐA hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều GV hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H06.06.04.10]**.

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VHTTDL khen tặng đối với GV có thành tích xuất sắc trong các hoạt động nghề nghiệp (được giải trong liên hoan phim); hoặc vinh danh các GV có thành tích trong Hội nghị CCVC hàng năm **[H06.06.04.11]**.

P.KT&ĐBCLGD có lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV **[H06.06.04.12]**.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, Khoa NTĐA chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV của Khoa. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy CNQPĐA đôi khi còn đánh giá mang tính định tính.

2. Điểm mạnh

Giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa NTĐA chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV của Khoa NTĐA, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV có thể phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA phối hợp với P.HCTH (TCCB) tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA phối hợp với P.HCTH (TCCB) xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV giảng dạy của Khoa NTĐA.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích GV nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với GV học ThS, TS, đi đào tạo ở nước ngoài **[H06.06.05.01]**. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. **[H06.06.05.02]**.

Các quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước và nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường. **[H06.06.05.03]**.

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các LHP QG, CDV, LHP sinh viên các trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế **[H06.06.05.04]**.

Tuy nhiên, Khoa NTĐA chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV.

2. Điểm mạnh

GV có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo ThS, TS các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa NTĐA chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp P.HCTH (TCCB)

khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của GV [H06.06.06.01], theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (giảng viên) theo năng lực làm việc [H06.06.06.02].

Đầu năm học, GV phải xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P.KT&ĐBCLGD [H06.06.06.03]. Hằng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H06.06.06.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá giảng viên để thực hiện quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H06.06.04.05].

Tính đến tháng 09 năm 2024, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thu đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H06.06.06.06].

Về NCKH và phục vụ cộng đồng, do đặc thù của đào tạo nghệ thuật điện ảnh, các giảng viên tham gia làm phim, hoặc hoạt động thực tiễn có liên quan đến chuyên

môn như tham gia là ban giám khảo cho Liên hoan phim, LHP sinh viên các trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và quốc tế. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của giảng viên cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm NCKH cho các GV KNTĐA.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, còn ít GV của Khoa NTĐA được khen thưởng về thành tích NCKH mang tính lý luận (công trình NCKH cấp cơ sở/ cấp bộ; bài báo đăng tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành...).

2. Điểm mạnh

Trường có các quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp cũng như các giải thưởng điện ảnh.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2019-2024, các hoạt động NCKH (mang tính lý luận) của GV Khoa NTĐA chưa nhiều, mới chỉ có các đề tài cấp Trường, chưa có GV tham gia đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA tổ chức đánh giá về sự đáp ứng của GV Khoa NTĐA đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCD.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Viện Sân khấu - Điện ảnh, Trường ĐHSKĐAHN là đầu mối xây dựng kế hoạch về KHCN hằng năm của Nhà trường [H06.06.07.01]. Nhà trường đã ban hành Quy định rõ ràng về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN [H06.06.07.02].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định

rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV TN) bảo đảm số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ Khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm bảo đảm về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV **[H06.06.07.03]**.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia làm phim, hoạt động trong ngành ĐA đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức NCKH. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều tác phẩm, sản phẩm Khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác sản xuất với các đài truyền hình, các hội chuyên ngành uy tín như ANTV, VTV,...GV của Khoa NTĐA đạt được các giải thưởng trong nước và quốc tế **[H06.06.07.04]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường có văn bản cụ thể hoá quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ **[H06.06.07.05]**; có các biện pháp để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ **[H06.06.07.06]**. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ CB luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV **[H06.06.07.07]**.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của CNQPĐA mang tính thực tiễn, các NCKH thể hiện trong các tác phẩm, sản phẩm điện ảnh cụ thể, Khoa cũng nhận định rằng, GV chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

3. Điểm tồn tại

GV của Khoa NTĐA chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, KNTĐA phát huy các cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm 1 lần KNTĐA tổ chức hội thảo, tọa đàm để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH. Thực

hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

**Điểm mạnh nổi bật:* Đội ngũ GV trong CNQPĐA có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; NCKH; PVCD của Khoa đã có những thành tích nhất định. Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, đội ngũ GV của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

**Điểm tồn tại cơ bản:* GV của chương trình chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước.

Kết luận đánh giá về Tiêu chuẩn 6: Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, có 4 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên (ĐNNV) Trường ĐHSKĐAHN bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng Hành chính, Tổng hợp; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh sinh viên; Phòng khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục); Trung tâm Thông tin thư viện. Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm Thực hành Sân khấu - Điện ảnh (Xưởng phim thực nghiệm, Nhà hát thể nghiệm, Trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ SV tại các phòng chiếu phim/trường quay/phòng tin học. ĐNNV của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và KNTĐA nói riêng.

Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch ĐNNV được thực hiện theo các quy định của Bộ VHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển ĐNNV. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng [H07.07.01.01]. Số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H07.07.01.02]. Việc xác định nhu cầu về ĐNNV nhằm

đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm [H07.07.01.03]; [H07.07.01.04].

Bên cạnh ĐNNV làm việc tại Trung tâm TTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Trung tâm Âm thanh - ánh sáng sân khấu, nhà hát, xưởng Trường, vv..., các đơn vị phòng chức năng (P.ĐT, QLKH&HTQT; P.KT&ĐBCLGD, P.HCTH; P.CTHSSV) đều phân công chuyên viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho Khoa NTĐA [H07.07.01.05]. Nhà trường đã có chính sách phát triển ĐNNV thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường [H07.07.01.06], Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN [H07.07.01.07], Quy chế chi tiêu nội bộ [H07.07.01.08]. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức [H07.07.01.09], chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ [H07.07.01.10].

Bên cạnh ĐNNV của Trường, Khoa NTĐA còn có các giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và kịp thời hỗ trợ cho NH giúp NH hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H07.07.01.11].

ĐNNV thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng các quy định của Nhà trường. Tỷ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ rất cao [H07.07.01.12].

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như Khoa NTĐA chưa thực hiện thường xuyên công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV; chưa đều đặn phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hằng năm.

2. Điểm mạnh

ĐNNV của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển ĐNNV.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA; các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; Trung tâm TTTV tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia các khóa tập huấn để tăng cường nghiệp vụ chuyên môn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.KT & ĐBCLGD, Khoa NTĐA định kỳ hằng năm khảo sát NH, GV về chất lượng phục vụ của ĐNNV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm bảo đảm chất lượng nhân viên khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt; Trường đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ VHTTDL và quy định khác của các Bộ liên quan **[H07.07.02.01]**. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn ĐNNV rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H07.07.02.02]**.

Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn ĐNNV được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng **[H07.07.02.03]**. Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H07.07.02.04] [H6.06.03.09.DC]**.

Trường ĐHSKĐAHN, Khoa NTĐA và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) **[H07.07.02.05]**. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số nhân viên có thể được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng **[H07.07.02.06]**.

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thực hiện khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường giao Khoa NTĐA phối hợp P.HCTH (TCCB) và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho ĐNNV trong đề án nhân sự cho giai đoạn tiếp theo của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm 1 lần P.HCTH (TCCB) tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của ĐNNV để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của ĐNNV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng

bộ quy trình đánh giá do Trường quy định **[H07.07.03.01]**. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Trường đều phải thực hiện đăng ký thi đua hằng năm **[H07.07.03.02]**. Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học **[H07.07.03.03]**. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ **[H07.07.03.04]**. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục.

Hằng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV **[7.07.03.05]**. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của ĐNNV hằng năm (kể từ năm 2019 đến 2024) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng... và được xét đề nâng lương trước hạn **[7.07.03.06]**. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý Khoa NTĐA được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí **[7.07.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực của ĐNNV của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả và kết quả làm việc được đánh giá hằng năm. Các nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH đối với ĐNNV thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH (TCCB), các phòng chức năng, trung tâm thực hành, TTTTTV tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho ĐNNV. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của ĐNNV để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/ Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH (TCCB), Khoa NTĐA lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của ĐNNV. Duy trì hoạt động này hằng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Các chính sách này được thực hiện từ Bộ VHTTDL **[H07.07.04.01]**. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho ĐNNV tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ **[H07.07.04.02]**. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của ĐNNV, Trường lập danh sách gửi về Bộ VHTTDL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo bồi dưỡng **[H07.07.04.03]**. ĐNNV được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng **[H07.07.04.04]**. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các nhân viên được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về bộ phận tổ chức cán bộ, đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm **[H07.07.04.05]**. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên (NV), hằng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho NV và có phân bổ ngân sách đào tạo **[H07.07.04.06]**. Từ năm 2019-2024, nhiều NV của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng ThS, TS **[H07.07.04.07]**.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Trường ĐHSKĐAHN và Khoa NTĐA luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của ĐNNV và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa luôn cử ĐNNV của Khoa tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn bảo đảm sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của CNQPĐA.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV, nhất là bộ phận hỗ trợ cho KNTĐA còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho ĐNNV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, hằng năm P.HCTH (TCCB); các phòng chức năng; Trung tâm thực hành; Trung tâm TTTV khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH (TCCB), các phòng chức năng, Trung tâm thực hành, Trung tâm TTTTV chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của ĐNNV

và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV theo nhu cầu.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. *Mô tả hiện trạng*

Để việc quản trị kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của ĐNNV dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và quy định trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.01], [H07.07.05.02]. Nhân viên được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trưởng đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi nhân viên; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của nhân viên để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04].

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với nhân viên làm công tác quản lý) và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); nhân viên được đánh giá ở 4 mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình Khoa học được đăng trên tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với CNQPĐA được quy đổi thành các tác phẩm/ sáng tác/ hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...). Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.06] [H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của ĐNNV để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.08]. 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CCVC và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến năm 2021, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H07.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

ĐNNV rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKH hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm...) theo các quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH (TCCB); các đơn vị thuộc Trường hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH (TCCB); các đơn vị thuộc Trường khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm. Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

**Điểm mạnh nổi bật:* Trường có ĐNNV (cán bộ hỗ trợ) bảo đảm về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để ĐNNV học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.

**Điểm tồn tại cơ bản:* Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát các BLQ (nhất là người học) về mức độ đáp ứng của ĐNNV; kinh phí hỗ trợ cho ĐNNV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 7: Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt, trong đó có 01 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, có 4 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN - KNTĐA luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH đóng một vai trò rất quan trọng trong bảo đảm chất lượng của CTĐT. Giai đoạn 2019-2024,

Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN - Khoa NTĐA luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/ quy định về tuyển sinh của Trường/ Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Chuyên ngành QPĐA được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/ xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ và lệ phí và thời gian thi tuyển. Hằng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/ Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách Khoa, Sở GD&ĐT; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) **[H08.08.01.02]**. Ngoài ra các thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới các sở GD&ĐT các tỉnh thành phố, các trường THPT trên toàn quốc; các đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương **[H08.08.01.03]**.

Bên cạnh các quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, Khoa NTĐA còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh. Trước 1 ngày thi của kỳ thi sơ tuyển, Khoa cùng Nhà trường hỗ trợ, giải đáp tất cả các thắc mắc của các thí sinh trực tiếp tại trường, từ chuyên môn tới các thủ tục hành chính giúp thí sinh tránh được các sai sót đáng tiếc. **[H08.08.01.04]**. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, Nhà trường thành lập Tổ truyền thông đi đến từng địa phương để quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường THPT đưa học sinh đến thăm quan hướng nghiệp, trải nghiệm tại Nhà trường **[H08.08.01.05]**.

Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo đúng quy định hiện hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm **[H08.08.01.06]**.

Tuy nhiên, Trường/ Khoa NTĐA chưa phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở

góp ý của các BLQ để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh chưa đáp ứng đầy đủ cho việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, P.ĐTQLKH &HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của trường, của Khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh và các hoạt động chung của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.ĐTQLKH &HTQT thực hiện khảo sát SV; cựu SV; NTD, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực CNQPĐA của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN - Khoa NTĐA thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H08.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H08.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh [H08.08.02.03]. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển [H08.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, đề rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh; đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh. [H08.08.02.05]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website Trường ĐHSKĐAHN [H08.08.02.06]. Tính đến thời điểm, Nhà trường chưa nhận được

bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.07]. Theo đánh giá của GV Khoa NTĐA (NSND - Nhà quay phim Lý Thái Dũng), tiêu chí và phương pháp lựa chọn người học CNQPĐA đã được xây dựng từ 40 năm trước (K1 - 1981) dựa trên tiêu chí và phương pháp của trường Đại học ĐA Liên bang Xô viết (VGIK). Một trở ngại là trong bối cảnh thực tế là tỷ lệ HS vừa tốt nghiệp THPT tham gia tuyển sinh ngày càng tăng, khi đào tạo chuyên môn thuần túy ở độ tuổi quá trẻ, sự lựa chọn nghề nghiệp của các em chưa hoàn toàn chính xác và cũng khó khăn hơn trong công tác đào tạo nghề nghiệp đặc thù cần sự trải nghiệm tối thiểu. Bên cạnh đó, do bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Khoa phải thực hiện biện pháp tuyển chọn NH bằng hình thức trực tuyến đặc biệt là khoá K41 (tuyển sinh năm 2021).

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để bảo đảm tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào CNQPĐA.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học bằng hình thức trực tuyến chưa được đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐT,QLKH &HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh, chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tổ chức tọa đàm, hội thảo để đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH trong bối cảnh mới.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

NH được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của NH. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02]. Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của SV CNQPĐA được quản lý bởi P.ĐT,QLKH&HTQT; P.CTHSSV, P.KT&ĐBCLGD, trợ lý Khoa NTĐA và GVCN, GV chuyên môn [H08.08.03.03]. GVCN, các GV trong bộ môn và Khoa căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ,

tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn NH điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại SV, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định hiện hành **[H08.08.03.04]**.

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập **[H08.08.03.05]**. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của SV được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa trường các đơn vị với Ban Giám hiệu Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần) **[H08.08.03.06]**. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của GV **[H08.08.03.07]**.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố Thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có các thông tin về lớp học, GV, thời gian học, môn học **[H08.08.03.08]**. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, bảo đảm người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/ học phần được phân bổ hợp lý giữa các kỳ, trong đó các môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kỳ đầu tiên khi SV mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các GV của bộ môn tiếp cận SV ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân sinh viên trong từng bài giảng chuyên môn và cả trong đời sống. Do số lượng SV học CNQPĐA luôn ít hơn các chuyên ngành khác, do đó sự dõi theo của GV giúp cho SV có được sự định hướng phát triển và lựa chọn các NTD ngay cả khi chưa tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các học phần trong khung CTĐT của Quay phim đã được Khoa NTĐA được xây dựng chặt chẽ trong "Quy trình sản xuất đặc thù của ngành ĐA", trong đó lấy vai trò của ngành học Quay phim làm trung tâm đúng như vai trò của họ trong công việc sau này.... Vì vậy, hầu hết các bài tập trong các học phần của Quay phim đều có sự cộng tác, đánh giá cùng của các GV và học viên các chuyên ngành nói trên - và ngược lại **[H08.08.03.09]**.

Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để NH phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để bảo đảm hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Sinh viên CNQPĐA có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp cả về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Sổ tay SV, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân **[H08.08.03.10]**.

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý Khoa/ giáo viên chủ nhiệm của Khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm Khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ

trợ SV tốt nhất. SV được đối thoại trực tiếp với toàn bộ GV trong Khoa để giải đáp các thắc mắc của SV về đào tạo, học tập. Qua đây, Khoa, Nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của NH để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ NH (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với SV). Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với sinh viên, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho SV những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với SV, quyền và nghĩa vụ của SV trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của SV nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện. **[H08.08.03.11]**.

Kết quả học tập của từng môn học của NH được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P.ĐTQLKH & HTQT, **[H08.08.03.12]**. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học, phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của sinh viên được P.KT & ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa **[H08.08.03.13]**. KQHT là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam **[H08.08.03.14]**. Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của người học, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác. Cán bộ giảng viên trong Khoa NTĐA là những người giàu kinh nghiệm thực tế, hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với SV nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của SV gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Kết quả học tập từng môn học của NH chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho SV. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.ĐT,QLKH&HTQT, P.KT&ĐBCLGD theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.ĐT,QLKH&HTQT, P.KT&ĐBCLGD, P.CTHSSV xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với NH của Trường ĐHSKĐAHN- Khoa NTĐA được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp.

P.CTHSSV của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV **[H08.08.04.01]**. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn Thanh niên, đội ngũ GV chuyên môn, GVCN và trợ lý của Khoa **[H08.08.04.02]**. Quy trình triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp **[H08.08.04.02]**, phân công cán bộ lớp **[H08.08.04.03]**, đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với NH.

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa **[H08.08.04.03]** giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường đại học. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay SV để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học **[H08.08.04.04]**. Ngoài ra, Trường phân công KNTĐA tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CBGV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa **[H08.08.04.05]**.

Trong suốt quá trình học, NH được hỗ trợ các chính sách như: học bổng, và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên **[H08.08.04.06]**, miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) **[H08.08.04.07]**, đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của SV sau khi TN **[H08.08.04.08]**.

Sinh viên CNQPĐA còn được tham gia những hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và cả bất thường) tùy theo sự kiện, diễn ra trong đời sống ĐA Việt Nam cũng như Quốc tế; tham dự các buổi chiếu phim mở rộng của lớp, của Khoa; tham gia các Liên hoan phim SV trong và ngoài trường; các hội thảo, các buổi chiếu phim hằng năm, hoặc tham gia trải nghiệm nghề nghiệp tại các hãng phim **[H08.08.04.09]**. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù này đã giúp cho SV CNQPĐA có được trải nghiệm nghề nghiệp ngay từ khi còn đang theo học tại Trường **[H08.08.04.10]**.

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường rà soát, PCTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế

hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường có kết luận chỉ đạo kịp thời **[H08.08.04.11]**.

Đặc biệt, đối với những SV xuất sắc, Khoa NTĐA đều đề nghị Nhà trường xem xét đề thi vào lớp tài năng, giúp SV có nhiều điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp **[H08.08.04.12]**.

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ NH, Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện Ban giám hiệu, GVCN, trợ lý Khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV **[H08.08.04.13]**.

Trường, Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV **[H08.08.04.14]**.

Ngoài ra, ĐTNCSHCM Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tổ chức các hoạt động thể thao phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV **[H08.08.04.15]**.

Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể **[H08.08.04.16]**. Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV CNQPĐA đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn.

Giai đoạn 2019-2024, Nhà trường/ Khoa chưa nhận được thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ SV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

3. Điểm tồn tại

Trong thời gian đánh giá, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên hoạt động trao đổi SV với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường và Khoa chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp P.CTHSSV, ĐTNCSHCM, tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên (bằng cả hình thức trực tuyến).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tiếp tục hỗ trợ cho mọi hoạt động của NH trong Khoa. Nâng cao rà soát tất cả các hoạt động hỗ trợ NH các chuyên ngành trong Khoa. Khoa NTĐA phối hợp với P.CTHSSV, P.KT&ĐBCLGD định kỳ hằng năm lấy ý kiến phản hồi của NH, cử NH đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/ Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về bảo đảm môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho NH, các hoạt động này được giao cho PHCTH chủ trì và phối hợp đơn vị trong toàn Trường [H08.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp, Nhà trường luôn hợp đồng với đội vệ sinh của công ty Hoàn Mỹ làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày [H08.08.05.02].

Sơ đồ Trường ĐHSKĐAHN được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, trung tâm thực hành SK-ĐA, phòng chiếu phim, nhà hát, sân tập... Đặc biệt, Nhà trường đã xây dựng Khu Thủy đình với cảnh quan đẹp, được bố trí để thực hiện các hoạt động biểu diễn nghệ thuật ngoài trời [H08.08.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL xây dựng riêng cho các trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H08.08.05.04]. ĐTNCSHCM Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV [H08.08.05.05].

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi NH, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H08.08.05.06].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để NH thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ SV về vấn đề y tế cơ bản [H08.08.05.07]. Giai đoạn 2019-2024, 100% SV Khoa NTĐA được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hằng năm, SV được thăm khám

sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế **[H08.08.05.08]**. SV được cung cấp Sổ tay SV và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường **[H08.08.05.09]**. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả **[H08.08.05.10]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/phòng chống dịch theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch Covid vừa qua **[H08.08.05.11]**.

Ngoài ra, Nhà trường luôn chú trọng hệ thống PCCC. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc, được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ **[H08.08.05.12]**. Ngoài ra, định kỳ Nhà trường tổ chức khóa tập huấn PCCC cho NV để có kỹ năng bảo đảm an toàn về cháy nổ trong Nhà trường **[H08.08.05.12]**. Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo thẻ (bảng tên, chức danh) khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã với SV và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại TTTTTV **[H08.08.05.13]**.

Hình thức NCKH đặc thù và hiệu quả CNQPĐA là kết hợp được với những người làm phim, phải phối hợp để sản xuất được 1 bộ phim (các thể loại), Nhà trường có Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh, ở đây có đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ các sinh viên làm bài tập. Thực chất việc làm phim, hoàn thiện, đánh giá kết quả học tập của SV CNQPĐA là 1 quá trình học tập và NCKH của chính nhóm làm phim đó với nhiều hệ quy chiếu và đối sánh giữa cả 3 chuyên ngành, là 3 thành phần chính: biên kịch, quay phim, đạo diễn. Nhiều bộ phim, clip được chính các em tổ chức sản xuất ngay trong khuôn viên của Trường. **[H08.08.05.14]**.

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV, từ đó đưa ra những giải pháp cho các vấn đề SV gặp phải. Đa số SV hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Nhà trường **[H08.08.05.15]**.

2. Điểm mạnh

NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do Bộ VHTTDL quản lý riêng, do đó quản thể để SV rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường. Khu nhà B đang xây dựng nên có ảnh hưởng chung đến cảnh quan, môi trường giai đoạn tự đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với

P.CTHSSV, P.HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.CTHSSV, P.HCTH sẽ tiến hành định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường ký túc xá, cảnh quan, tâm lý của NH tại Khoa, tại Trường. Tuyên truyền về giữ vệ sinh chung và bảo đảm an toàn trong khi đang xây dựng khu Nhà B.

5.Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

* *Điểm mạnh nổi bật:* Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của CNQPĐA. Chất lượng NH thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức TS cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của NH được lưu trữ tại P.ĐT,QLKH&HTQT, P.CTHSSV của Nhà trường. NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

* *Điểm tồn tại cơ bản:* Trường chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hằng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 8: Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay (Trung tâm âm thanh - ánh sáng SK) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại TTTTTV của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) KNTĐA đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m², trong đó diện tích nơi học: 11.257 m². Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77 m². Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m². Thư viện,

hội trường, các phòng chức năng và Khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp SV **[H09.09.01.01]**.

Từ năm 2018-2022, hệ thống phòng làm việc của Khoa NTĐA được đặt tại khu C2, bao gồm 01 văn phòng Khoa và 01 phòng Trưởng Khoa. Các phòng này có diện tích khoảng 35 m² (bình quân 8 m²/1 giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc (Từ năm 2023, do xây dựng Khu nhà B, Khoa NTĐA hiện đang làm việc tại tầng 5 Khu nhà A1) **[H09.9.01.02]**. Ngoài các phòng học lý thuyết, sinh viên của Khoa NTĐA còn được học tại phòng chiếu phim, trường quay (01 Trường quay tầng1 nhà D, dùng chung với Khoa truyền hình; 01 phòng chụp quy mô nhỏ tầng 1 nhà D, dùng chung Khoa Nhiếp ảnh, TH; 02 Phòng chiếu nhà D, 02 phòng chiếu nhà A - tầng 5 và 7 - sử dụng chung với Khoa TH, TC và Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình). Đến năm học 2019-2020, với số lượng 146 sinh viên chính qui. Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng **[H09.09.01.02]**. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng cơ sở vật chất với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý **[H09.09.01.03]**.

Trường giao cho P.HCTH (HCQT) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch, sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng **[H09.09.01.04]**; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị hằng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp cơ sở vật chất **[H09.09.01.05]**. Nhà trường đã có Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVC hiện có **[H09.09.01.06]**. Bên cạnh đó, hằng năm, trong Hội nghị cán bộ CCVC, Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến CB và GV **[H09.09.01.07]**.

Trong Báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H09.09.01.08]**.

Mặc dù CSVC của Nhà trường thường xuyên được Bộ VHTTDL đầu tư, nâng cấp, nhưng do đặc thù của ngành công nghệ thay đổi nhanh với khoảng thời gian ngày càng ngắn hơn, chi phí đắt đỏ... điều này là một trở ngại lớn cho Trường khi đầu tư thiết bị chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, NCKH.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. CSVC được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Khu nhà C được xây dựng cách đây khá lâu (khoảng 20 năm), do đó kiến thiết cơ bản của cơ sở hạ tầng lạc hậu, xuống cấp; các phòng chiếu phim có màn ảnh lớn đều lạc hậu so với công nghệ hiện nay.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH, Khoa NTĐA tiếp tục có những biện pháp để nâng cao ý thức trong việc giữ gìn trang thiết bị phòng học. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa và SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH đề xuất với Nhà trường cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Khoa NTĐA sẽ đề xuất với Trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và CNQPĐA nói riêng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thông tin, Thư viện của trường ĐHSKĐAHN được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m² **[H09.09.02.01]**. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường ĐHSKĐAHN, phục vụ việc học tập của sinh viên và giảng dạy của viên chức Nhà trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học **[H09.09.02.02]**. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m², trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m²; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m²) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) **[H09.09.02.03]**. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và NCKH. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, Khoa và thư viện; phổ thông bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội điện ảnh, Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh, vv. **[H09.09.02.04]**.

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản

cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi học phần thuộc CTĐT CNQPĐA và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi học phần thuộc CTĐT **[H09.09.02.05]**.

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, NH và các BLQ; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại Trường ĐHSKĐAHN). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim điện ảnh - truyền hình kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ GV và sinh viên (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn **[H09.09.02.06]**).

Hệ thống máy vi tính trong Trung tâm thông tin, thư viện được nối mạng nội bộ và internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch **[H09.09.02.07]**.

Tại thư viện, tài liệu phục vụ cho CNQPĐA là: 110 tựa/ 2212 bản sách, 80 tựa luận văn ThS, chuyên đề tốt nghiệp và 02 tạp chí chuyên ngành, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành và các CSDL dùng chung **[H9.09.02.08]**.

Bên cạnh nguồn học liệu tại TTTTTV, hằng năm, sau kỳ tốt nghiệp SV Khoa NTĐA nộp về Thư viện tất cả các kịch bản và phim tốt nghiệp của chuyên ngành Biên kịch, Đạo diễn, Quay Phim. Khoa cũng lưu trữ để các GV minh họa cho các bài giảng và cung cấp cho SV mượn. Hầu hết các phim của LHP SV, Cilect, các phim đoạt giải của các giải thưởng ĐA Quốc gia, Quốc tế như: LHP Quốc gia, Giải thưởng của Hiệp hội nghề nghiệp Hội Điện ảnh VN, OSCAR, Berlin, Canes, Venise, Hongkong đều được Khoa sưu tập để phục vụ công tác giảng dạy. **[H09.09.02.09]**.

Để nguồn học liệu phong phú và cập nhật, nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người sử dụng, hằng năm Thư viện phối hợp với Khoa trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các Khoa bảo đảm tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường **[H9.09.02.10]**. Nhà trường đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện, hơn 90% bạn đọc đánh giá chất lượng phục vụ ở mức độ tốt **[H09.09.02.11]**.

Cán bộ Thư viện thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn

nghịp vụ và tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý [H9.09.02.12].

2. Điểm mạnh

TTTTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên của Trường nói chung và của CNQPĐA KNTĐA nói riêng. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV và NH tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Ngoài ra, Khoa NTĐA có lưu trữ tư liệu riêng có tính chất chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo. Phòng tư liệu của Khoa được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên thuận lợi cho việc khai thác của CB và SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, TTTTTV phối hợp Khoa NTĐA xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, TTTTTV căn cứ việc rà soát CTĐT, đề cương các môn học/học phần để đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu. Xây dựng chiến lược hợp tác và liên kết với các thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, Trường có phòng thực hành, sân tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành SKĐA, nhà hát (sân khấu biểu diễn) xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 Khoa [H09.09.03.01].

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các Khoa [H09.09.03.02]. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết

với tổng diện tích là: 6682 m². Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng Khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Kịch hát dân tộc v.v... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên. **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của sinh viên (đặc biệt là khối nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Nhiếp ảnh. Các phòng thực hành của Khoa Nghệ thuật điện ảnh, Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình được đầu tư để phục vụ việc thực hành của SV như: bộ bàn dựng phim, máy chiếu phim, máy tính... Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế Khoa học, bảo đảm an toàn điện, an toàn cháy nổ. GV và SV làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây. Tất cả các phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, NCKH của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, bảo đảm việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả **[H09.09.03.07]**.

Để bảo đảm các trang thiết bị trong phòng thực hành, Trường giao cho P.HCTH (HCQT) làm đầu mối quản lý, Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[H09.09.03.08]**. Vào đầu mỗi năm học, P.HCTH (HCQT) có kế hoạch và thông báo đến đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, CSVC. Khoa NTĐA căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ **[H09.09.03.09]**. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị **[H09.09.03.10]**. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT **[H09.09.03.11]**. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp (Các hãng phim Nhà nước và tư nhân đã tài trợ các thiết bị tiền kỳ, các môn học liên quan thiết bị công nghệ hiện mới có sự hỗ trợ từ hãng phim

Truyện VN, Hãng phim TLKHTW; Trung tâm chiếu phim Quốc gia. Giám đốc TT Nguyễn Danh Dương là cựu Trưởng Khoa ĐA luôn hỗ trợ các GV và SV các Phòng chiếu phim tốt nhất để trình chiếu những bài tập quan trọng với định dạng hình ảnh âm thanh tiêu chuẩn Quốc tế). Ngoài ra, do đặc thù đào tạo, Khoa NTĐA còn sử dụng chung các trang thiết bị được hỗ trợ cho các Khoa khác trong Trường (Nâng cấp Máy chiếu phòng chiếu tầng 3 nhà D (2016); 1 bộ Camera RED chuẩn Điện ảnh (2019) [H09.09.03.12].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, GV và người học không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng thực hành [H09.09.03.13]. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị [H09.09.03.14]. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn về phương tiện thiết bị hỗ trợ học đặc thù về hình ảnh (để trình chiếu phim bài tập định dạng hình ảnh có độ nét cao và âm thanh tiêu chuẩn rạp chiếu phim, có định dạng 5.1) hiện còn là yêu cầu cần thiết của Khoa NTĐA. Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư trang thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Việc hỗ trợ từ các đơn vị tuyển dụng hiện tại mang dấu ấn liên hệ cá nhân. (hiện tại, sự hỗ trợ ngày càng khó khăn và có nhiều trở ngại do lịch chiếu phim để kinh doanh nên Trung tâm chiếu phim quốc gia chỉ có thể bố trí giờ vào sáng sớm từ 6h00 - 8h30 hoặc sau 11h đêm nên không thuận lợi cho công việc giảng dạy).

2. Điểm mạnh

Khoa NTĐA có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng (các hãng phim, Trung tâm chiếu phim quốc gia) hỗ trợ thực hành.

3. Điểm tồn tại

Công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Cần nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành. Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp, nên việc cập nhật thực hiện quy trình công nghệ làm phim khép kín chưa thực sự bắt nhịp hiệu quả cao so với trình độ tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ

thông thiết bị. Trường giao cho P.HCTH tham mưu và phối hợp Khoa NTĐA để xây dựng cơ chế phối hợp với NTD, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại để nâng cao hiệu quả hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho các phòng làm việc, các văn phòng Khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H09.09.04.01]. Khuôn viên Trường, thư viện, KTX đều được phủ sóng wifi; tất cả các máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý người học, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm [H09.09.04.02]. Thư viện trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng...@skda.edu.vn. [H09.09.04.03].

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, Khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc. [H09.09.04.04]. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng [H09.09.04.05].

Nhà trường thường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường [H09.09.04.06]. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là P.HCTH (HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, người học sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn [H09.09.04.07].

Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm các

phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp bảo đảm an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐHSKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm [H09.09.04.08]. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên [H09.09.04.09]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2019, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy GV, NH cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H09.09.04.10].

Năm học 2020-2021 nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cách sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để NH cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. Khoa NTĐA đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. Sinh viên CNQPĐA có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của GV, khoá học tốt nghiệp năm 2020 đã được thực hiện bảo đảm đúng quy định [H09.09.04.11].

Mặc dù đã được đầu tư về CSVC cho việc đào tạo, tuy nhiên các thiết bị như Tivi tại khu phòng học Nhà C đã quá cũ, quá nhỏ và không đáp ứng đủ điều kiện tái hiện hình ảnh. Đặc biệt không đáp ứng được khi lớp ghép 40 SV.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ,... còn hạn chế. Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng dựng phim (một môn học thực hành rất quan trọng của SV) cần phải thực hiện thường xuyên hơn. Việc khảo sát ý kiến của GV, nhân viên hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy/học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, P.HCTH tăng cường công tác quản

lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng dựng phim để hỗ trợ giảng dạy nâng cao đối với các chuyên ngành; tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện; xây dựng hệ thống sao lưu dữ liệu liên quan đến đào tạo thường xuyên với tần suất an toàn (khoảng tuần/lần hoặc lâu hơn tùy vào mức độ thông tin quan trọng).

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHSKĐAHN xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức viên chức, người lao động, người học trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể **[H09.09.05.01]**.

Về môi trường, Trường ĐHSKĐAHN luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và người học của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho NH, đặc biệt Khu Thủy đình mới đưa vào sử dụng là khuôn viên thuận lợi cho các hoạt động biểu diễn ngoài trời **[H09.09.05.02]**. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và người học trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường **[H09.09.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường làm việc hằng ngày để bảo đảm vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn Trường. **[H09.09.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường **[H09.09.05.05]**.

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và NH. Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19- Nhà trường đã khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy định của Chính phủ **[H09.09.05.06]**. Nhà trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho SV và CB, NV, GV phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kỳ khám sức khỏe và bảo đảm công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và NH **[H09.09.05.07]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các SV năm nhất và cung cấp dịch

vụ bảo hiểm y tế cho SV **[H09.09.05.08]**.

Về vấn đề bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho CBVC, nhân viên. Để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân. Hằng năm, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng ban, Khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước. **[H09.09.05.09]**.

Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn **[H09.09.05.10]**.

Công tác phòng chống bão lụt, PCCC của Nhà trường luôn được bảo đảm và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ **[H09.09.05.11]**; điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động PCCC, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. **[H09.09.05.12]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ **[H09.09.05.13]**. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng **[H09.09.05.14]**.

Để bảo đảm an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho CB, GV, NH thống nhất thực hiện trong toàn Trường **[H09.09.05.15]**.

Giai đoạn 2019-2024, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà ăn, căng tin của Nhà trường chưa được bố trí. Nhà trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC, người lao động, người học về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc khối VHNT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, CBVC, người lao động, người học. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐHSKĐAHN).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Trường xem xét việc xây nhà ăn, căng tin của Nhà trường. Quy hoạch khu nhà B với những khuôn viên hợp lý bảo đảm hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

* *Điểm mạnh nổi bật:* Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

* *Điểm tồn tại cơ bản:* Thiết bị cho CNQPĐA vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới, tài liệu vẫn còn hạn chế và chậm được cập nhật thường xuyên, chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 9: *Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đạt, trong có 02 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm, có 03 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.*

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để bảo đảm SV đạt được CDR CNQPĐA, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường ĐHSKĐAHN nói chung và Khoa NTĐA nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi

và nhu cầu của các BLQ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc bảo đảm chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, bảo đảm tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời bảo đảm sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, năm học 2023-2024, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/ trung tâm đào tạo, trong đó có Khoa NTĐA [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, năm học 2019-2020, để thực hiện chương trình đào tạo tài năng, Khoa đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các BLQ để bổ sung, phát triển CTĐT CNQPĐA [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.01.03]. Năm 2016, thực hiện công tác kiểm định CLGD Trường cũng như KNTĐA đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05]. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hằng năm, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT CNQPĐA.

Hiện nay, công tác khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của người học được Nhà trường/ Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân. [H10.10.01.06]. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của giảng viên sau khi nhận được phản hồi của người học. [H10.10.01.07]. Trường đang xây dựng dự thảo quy định/quy trình về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa NTĐA thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của NH được thực hiện hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi các BLQ về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhà trường và Khoa tuy đã có ký kết chính thức với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, song việc ký kết trên đối với các nhà tuyển dụng CNQPĐA còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường giao cho Khoa NTĐA quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong Khoa về việc lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Trường giao cho Khoa NTĐA phối hợp với P.ĐTQLKH&HTQT hoàn thiện dự thảo quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/lần) để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần. CTĐT CNQPĐA được thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học [H10.10.02.01]. Nhà trường giao cho P.ĐTQLKH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.02]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh

giá [H10.10.02.03]. CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các BLQ. Căn cứ vào các CĐR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2019 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường, như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học CNQPĐA được điều chỉnh, cập nhật [H10.10.02.04]. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của Khoa, trường hợp và thông qua ĐCCT các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CĐR CTĐT [H10.10.02.06]. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các BLQ, Nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng [H10.10.02.07]. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm bảo đảm chất lượng dạy và học.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với CNQPĐA. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của GV và các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm một lần, Khoa phối hợp với P.ĐTQLKH & HTQT, P.CTHSSV thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và NTD về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CĐR của CTĐT CNQPĐA.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA tiếp tục khảo sát các BLQ để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của CNQPĐA. Khoa NTĐA xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “*Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội*” và Quy chế đào tạo của Trường ĐHKĐAHN **[H10.10.03.01]**; trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hằng năm, P.KT&ĐBCLGD của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi bảo đảm chất lượng đào tạo **[H10.10.03.02]**.

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của CNQPĐA, Khoa NTĐA cũng đề ra quy trình đánh giá học phần **[H10.10.03.03]** dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ **[H10.10.03.04]**. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ **[H10.10.03.05]**. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên do P.KT&ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học CNQPĐA đều được lấy ý kiến **[H10.10.03.06]**. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, Khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp trường cũng như cấp bộ môn; qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa nghệ thuật điện ảnh với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của giảng viên hồ sơ giảng viên chủ nhiệm, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch Khoa học của giảng viên. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyển đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời **[H10.10.03.07]**.

Đầu mỗi năm học, GV của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P.KT&ĐBCLGD, phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của giảng viên là sổ đầu bài **[H10.10.03.08]**. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết

kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân CNQPĐA. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu. P.KT&ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra- thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra-thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, khoa NTĐA tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường và Khoa NTĐA mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, GVCN, chủ nhiệm Bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động NCKH có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim...và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những

nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học **[H10.10.04.02]**.

Khoa NTĐA có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là một danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa NTĐA, của SV Khoa NTĐA **[H10.10.04.03]**, **[H10.10.04.04]**. Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau mỗi tác phẩm điện ảnh đạt giải, các bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành...chính những bài viết này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các bài giảng cho ngành biên kịch điện ảnh **[H10.10.04.05]**. Về chủ quan, những tác phẩm đạt giải hay những đánh giá của dư luận về khả năng nghề của GV - có dấu ấn đóng góp của GV Khoa NTĐA là minh họa thuyết phục nhất cho SV, ví dụ: Một đoạn viết về NSND NQP Lý Thái Dũng (GV môn Quay phim Điện ảnh - Khoa NTĐA) *“Lý Thái Dũng từng đoạt nhiều giải thưởng trong sự nghiệp quay phim như giải quay phim xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 (2001) với *Thung lũng hoang vắng*, lần thứ 14 (2004) với *phim Hàng xóm*, lần thứ 15 (2007) với *Vũ điệu tử thần*, lần thứ 16 (2009) với *Chơi voi*. Top 5 đề cử quay phim xuất sắc nhất châu Á 2009 (AFA) tại Hong Kong năm 2010 với *Chơi voi*. Nhà quay phim Việt Nam đầu tiên quay phim cho kênh National Geographic, phim *Chợ tình ở thung lũng mây*. Đạo diễn hình ảnh (DOP) xuất sắc nhất tại Liên hoan phim quốc tế ASEAN 2017 với phim *Đảo của dân ngụ cư*”* **[H10.10.04.06]**.

Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học **[H10.10.04.07]**. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo Khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm Khoa học của GV và người học trong toàn trường **[H10.10.04.08]**.

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học, ví dụ qua việc tổng kết kinh nghiệm từ việc làm phim, các giảng viên đạt giải thưởng sẽ dùng chính những nội dung mình đạt giải để làm ví dụ cho bài giảng của mình, các SV đánh giá, phân tích những bộ phim đó về các mặt nội dung, hình thức phim, kỹ thuật dựng.... để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các bài viết được đăng tải trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác **[H10.10.04.09]**. Hằng năm, GV Khoa NTĐA luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn Khoa với những GV, chuyên gia từ nhiều nước trên thế giới **[H10.10.04.10]**. Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2024, Khoa NTĐA đã có giảng viên tham gia biên soạn giáo trình liên quan tới nghiệp vụ QPĐA được Hội đồng cấp Trường cho phép triển khai để tiến tới nhiệm thu giáo trình. NSND NQP Trần Quốc Dũng chủ biên và Giảng viên Nguyễn Quốc Phương tham gia biên soạn giáo trình. Những giáo trình này là tâm huyết của các Giảng viên NTĐA, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chín chu về mặt chất lượng. Nó không chỉ đáp ứng được vấn đề thiếu giáo trình chuyên sâu

trong chương trình giảng dạy của Khoa NTĐA mà còn phù hợp với môi trường giảng dạy của Khoa, từ đó mang lại sự tiếp cận dễ dàng hơn cho SV đối với một môn học khó.

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (ngày 20-11; 17-12; 15-3...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục người học.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định riêng về hoạt động NCKH của SV, gắn với quản lý và sản phẩm KHCN đặc thù riêng của từng ngành trong đó có CNQPĐA.

2. Điểm mạnh

Khoa NTĐA có đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong Khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê NCKH/ hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo CNQPĐA.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù đào tạo, CNQPĐA chưa có những đề tài lý luận Khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hằng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài NCKH ứng dụng vào thực tiễn dạy-học. Các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong nước không nhiều và quốc tế là không có. Phần lớn các đề tài NCKH là những kịch bản tác phẩm, đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo, có ý nghĩa trong sáng tạo nghệ thuật và ý nghĩa thực tiễn PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VHTTDL về việc tính điểm NCKH đối với những sản phẩm văn hóa như một bộ phim. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Trường giao cho Viện SKĐA, Khoa NTĐA tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành và thực hiện các văn bản để tổ chức và quản lý tốt, hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường như: Quy chế hoạt động KH&CN, Quy định về NCKH của SV,...; Xây dựng chính sách hỗ trợ cho CB, GV tham dự hội nghị, hội thảo khọc quốc gia và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại

thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc bảo đảm chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hàng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/ Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10.10.05.01]**.

Khoa NTĐA có trợ lý đào tạo, đội ngũ GVCN lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ NH. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV CNQPĐA có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website/facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v **[H10.10.05.02]**.

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.03]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ. Hàng năm, để toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, Nhà trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị CBCCVC **[H10.10.05.04]**.

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị P.HCTH (HCQT) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, bảo đảm hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí bảo đảm cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hàng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các Khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường **[H10.10.05.05]**.

Năm 2022, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/

học tập và NCKH của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B [H10.10.05.06]. Hằng năm, Khoa đề xuất Nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu [H10.10.05.07]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học khu nhà C. [H10.10.05.08].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VHTTDL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo [H10.10.05.09]. Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa [H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của CNQPĐA. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến cơ sở vật chất.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VHTTDL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư CSVC của Trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của của Khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các BLQ về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường giao cho P. HCTH quy hoạch lại không gian riêng cho bố trí không gian riêng cho SV ngành; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng trường quay riêng cho Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa NTĐA tổ chức lấy ý kiến của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường ĐHSKĐAHN nói chung và KNTĐA nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong Nhà trường. Trong năm 2014, Trường chính thức thành lập PKT&ĐBCLGD (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục [H10.10.06.01]. P.KT&ĐBCLGD được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Bảo đảm chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước [H10.10.06.02].

PKT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các BLQ. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động [H10.10.06.03]. Ngoài ra, Khoa NTĐA còn phối hợp với P.KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường ban hành quy định, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của NH một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống [H10.10.06.04]. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐHSKĐAHN, vào cuối năm học hằng năm, tất cả các GV cơ hữu của KNTĐA phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ NCKH và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.06.05]. Từ năm 2019 trở đi, Nhà trường và KNTĐA đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên”; “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của Khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả [H10.10.06.06].

2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Trường/Khoa NTĐA tiếp tục duy trì các hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng (Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường) tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp các phòng chức thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; xây dựng văn hóa bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục thông qua cơ chế lấy ý kiến phản hồi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

* **Điểm mạnh nổi bật:** Công tác nâng cao chất lượng đào tạo CNQPĐA được Nhà trường và Khoa thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và NTD. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, NTD và cựu NH được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm âm thanh, ánh sáng) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy- học và NCKH.

* **Điểm tồn tại cơ bản:** Việc lấy thông tin phản hồi từ các BLQ, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ; việc thực hiện các đề tài Khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 10: Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí đạt, trong đó có 4 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, có 01 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường ĐHSKĐAHN. Nhà trường là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho nền sản xuất và điện ảnh nước nhà. CNQPĐA là CTĐT đặc thù, số lượng SV mỗi khóa không nhiều như các ngành học khác trong Trường, tính từ Khóa đào tạo đại học đầu tiên 1980 đến nay - KNTĐA đã đào tạo khoảng 400 QPĐA hệ chính quy. Học viên những khóa đầu tiên sau gần 40 năm ra trường đã hầu hết trở

thành những nhà quay phim nổi tiếng và hiện đang là những cán bộ chủ chốt của ngành ĐA. Quan trọng hơn, họ làm nên diện mạo của nền điện ảnh, truyền hình Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Tỷ lệ khoảng 70% là SV của KNTĐA, CNQPĐA (Ví dụ: Nhà Quay phim Lý Thái Dũng, Nhà Quay phim Trịnh Quang Tùng)... Hiện nay, CNQPĐA của Khoa vẫn là nơi đào tạo tốt nhất của quốc gia. Số lượng thí sinh dự tuyển vẫn duy trì ở số lượng cao. Số lượng học viên chuyên ngành Quay phim Điện ảnh đang học tại Khoa NTĐA được đào tạo bởi đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa NTĐA, và Khung CTĐT cũng trên nền tảng CTĐT QPĐA của KNTĐA. Ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh đã tốt nghiệp PTTH, một số đã học xong 1 ngành học khác hoặc đang công tác ở những lĩnh vực liên quan. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm, Nhà trường và KNTĐA đã thực hiện giám sát việc đạt CDR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động NCKH của sinh viên QPĐA mang tính đặc thù, không phải là các bài báo, công trình NCKH các cấp, mà là một bộ phim ngắn, phim dài, hoặc các bộ phim cho các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nói chung. Hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, bảo đảm phù hợp với CDR của CTĐT CNQPĐA, thể hiện đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng CTHSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của sinh viên CNQPĐA luôn được giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Khoa, P.ĐTQLKH & HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh [H11.11.01.02]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp xét kỷ luật [H11.11.01.03]. Do đó, với những SV thôi học đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của P.CTHSSV [H11.11.01.04]. Ban

cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại P.ĐTQLKH&HTQT, P.CTHSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo **[H11.11.01.05]**. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hằng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV CNQPĐA được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hằng năm **[H11.11.01.06]**. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm **[H11.11.01.07]**.

Qua đó cho thấy đa số SV CNQPĐA hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Khoa (đào tạo). Ban chủ nhiệm Khoa có các buổi họp với cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Quay phim điện ảnh hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học; quá khó khăn về tài chính, hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp; một số SV không cần làm TN **[H11.11.01.08]**.

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm bảo đảm tiến độ học tập cho sinh viên kịp tốt nghiệp **[H11.11.01.09]**. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi người học gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng **[H11.11.01.10]**.

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỷ lệ SV tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/ Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với Nhà trường. Tỷ lệ người học CNQPĐA bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường

đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm nhưng Nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hằng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2025, P.CTHSSV, P.ĐT, QLKH&HTQT, Khoa NTĐA tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV CNQPĐA. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, bảo đảm việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2025, Khoa NTĐA; P.CTHSSV thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỷ lệ thôi học, cần làm cho người học yêu ngành học đã chọn và nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Bước đầu tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học của SV CNQPĐA bằng việc Khoa NTĐA phối hợp với P.CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho P.ĐT, QLKH&HTQT chủ trì phối hợp với P.CTHSSV, Khoa NTĐA và các đơn vị khác (P.KT&ĐBCLGD, P.HCTH) để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT CNQPĐA. Để tốt nghiệp, sinh viên phải có đủ điều kiện về điểm, phim tốt nghiệp, và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn LLCT... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ ĐH chính quy của KNTĐA là 4 năm (Quy chế và những quy định riêng của Trường). Đặc thù chuyên ngành Quay phim điện ảnh là tốt nghiệp bằng phim ĐA, một sản phẩm mang tính đặc thù công nghệ cao và được làm ra bởi 1 tập thể, trong đó Quay phim là người chịu trách

nhệm chính trong việc trực tiếp thực hiện cảnh quay. Vì vậy kế hoạch TN của một SV Quay phim điện ảnh thường xuyên thay đổi, tỷ lệ SV hoãn TN là việc bình thường với Khoa ĐA, nhiều khi việc hoãn TN lại là giải pháp lựa chọn tốt hơn. Nói cách khác, chậm tốt nghiệp là yếu tố bình thường, không liên quan tới chất lượng Đào tạo **[H11.11.02.01]**. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa tuyển sinh từ 2018 đến 2023 của CNQPĐA được thể hiện ở phức lục 8. **[H11.11.02.02]**. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hằng năm có khoảng 90 % SV CNQPĐA hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân CNQPĐA.

Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: Gặp khó khăn về sáng tạo nội dung; muốn có sự chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt (nghệ thuật; tài chính; nhóm thực hiện); có tỷ lệ nợ môn mà không trả kịp... **[H11.11.02.03]**. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên tốt nghiệp trễ hạn, Nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp sinh viên hoàn thành các học phần, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp (ví dụ: do dịch Covid 19) **[H11.11.02.04]**.

Để hỗ trợ người học bảo đảm CTĐT, Nhà trường có quy định cho SV bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp **[H11.11.02.05]**. Nhà trường gặp khó khăn khi tìm kiếm thông tin để đối sánh vì các đơn khác không công khai các thông tin này.

2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý Khoa, giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của sinh viên; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV bảo đảm tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của việc tốt nghiệp CNQPĐA cũng như kinh phí làm bài tốt nghiệp (làm phim) nên thời gian tốt nghiệp của sinh viên có thể bị kéo dài để đạt được chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, SV sẽ bị vi phạm quy chế do kéo dài thời gian học và ảnh hưởng đến việc được công nhận tốt nghiệp. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD&ĐT (Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.ĐT,QLKH & HTQT tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ SV trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ người học hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA, P.ĐT,QLKH&HTQT phối hợp xây dựng quy trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV (như nếu là SV giỏi, có nhiều triển vọng nhưng gặp khó khăn về tài chính hoặc muốn xin cơ chế/ chính sách của Trường về thời gian tốt nghiệp để hoàn thành phim TN đạt chất lượng). Nghiên cứu để triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập. Để đánh giá chất lượng đào tạo thì tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thước đo quan trọng. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2018, theo quy định của Bộ GD&ĐT [H11.11.03.01], Nhà trường đã phân công P.CTHSSV phụ trách công tác hỗ trợ người học cũng như thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, từ đó cho đến nay, hoạt động đó được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H11.11.03.02]. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.03].

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát. Nhà trường có mối liên hệ gần bó mật thiết với các sở hữu hoạt động nghệ thuật về sân khấu, điện ảnh và truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, SVTN của Trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị mà Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. [H11.11.03.04].

Cần phải nói thêm về đặc thù của CNQPĐA, sinh viên ra Trường không thể ngày một ngày hai trở thành nhà quay phim hoặc có việc làm theo đúng mong muốn, SV được gọi là có việc làm được hiểu theo nghĩa rộng, họ có thể không làm đúng ngành đào tạo

nhưng có thể làm những công việc tại một đoàn làm phim hoặc làm ở bộ phận "Sáng tạo" của các công ty truyền thông...vv. Những việc làm đó là một quá trình tất yếu để chuẩn bị làm nên 1 nhà quay phim trong tương lai (số tuổi thành danh của nghề này từ 40 - 70). Quay phim ĐA là một nghề khá đặc biệt, việc chờ đợi, đòi hỏi SVTN có tác phẩm trong thời gian gần nhất là điều không thể. *Do đó, ngay cả việc thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng cần có một cách đánh giá "đặc thù"*. Thực tế cho thấy, việc SV tốt nghiệp quay phim trở thành người làm ở các vị trí như giám đốc điều hành công ty truyền thông, hãng phim nhỏ độc lập hay bất kể vị trí nào trong hệ thống sản xuất đến khâu phân phối sản phẩm đều là rất bình thường và 1 phần nói lên sự đa dạng về kiến thức của ngành học quay phim (Hết học kỳ 4, khung CTĐT có nội hàm gần giống với ngành "Điện ảnh học" của thế giới, và SV có thể lựa chọn chuyên sâu ngành học cụ thể trong hệ thống nhân lực của ngành ĐA như: Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch, Nhà Sản xuất. *Những phân tích trên cho thấy việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến chất lượng đang là một trở ngại, khó khăn cho Khoa NTĐA.*

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp CNQPĐA đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các sinh viên ở các môi trường làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Khoa NTĐA phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành thuộc KNTĐA đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh viên tham gia

NCKH **[H11.11.04.01]**. Hoạt động NCKH của sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành **[H11.11.04.02]**.

Hằng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và NCKH. Hoạt động Khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin Khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo Khoa học, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác) **[H11.11.04.03]**.

Do đặc thù của CNQPĐA, sản phẩm NCKH không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường ĐHSKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động NCKH có đặc thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường” **[H10.10.04.01]**. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài Khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học **[H10.10.04.04]**.

Từ năm 2018 đến nay, sinh viên của Khoa NTĐA - CNQPĐA đạt được nhiều giải thưởng **[H11.11.04.04]**, đây là những sản phẩm NCKH đặc thù. Giải thích cho tính đặc thù này, NSND- GV- Nhà quay phim Khoa NTĐA- Thầy Lý Thái Dũng phân tích như sau: “Cùng một nội hàm kiến thức lý thuyết khi áp dụng vào thực hành, mỗi SV có 1 sự lựa chọn cách làm khác nhau (Kịch bản, cốt truyện khác nhau) vì vậy, mỗi bài tập của họ - cùng với GV, thời gian tương tác của SV và GV suốt học phần là một quá trình hoạt động nghiên cứu. Lớp có bao nhiêu SV là có bấy nhiêu hoạt động nghiên cứu, và hình thức trả bài tập trước các GV và toàn bộ sinh viên trong lớp thật sự là một biện pháp giúp SV và GV phản biện, đối sánh kiến thức và kết quả học và dạy của chuyên ngành (mở rộng việc trả các bài tập quan trọng thì quy mô mở rộng ở cả các chuyên ngành khác trong Khoa). Hầu hết trong toàn bộ học phần nghiệp vụ QPĐA của ngành học KHÔNG có học phần nào là lý thuyết thuần túy. Nhiều bài thực hành có trước trong chương trình học để SV rút ra, chứng minh cho lý thuyết nghề nghiệp.”

Với phân tích trên cho thấy giảng viên và sinh viên chuyên ngành Quay phim điện ảnh thực hiện phương châm “giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH”. Nhà trường có quy định cụ thể về việc khen thưởng đối với sinh viên đạt giải trong các liên hoan phim, hoặc các cuộc thi mà SV của Trường tham gia được giải **[H11.11.04.05]**.

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo Khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Đặc biệt là Liên hoan phim Ong vàng, đây là cuộc thi hoạt động nhân kỷ niệm 35 năm thành lập Trường ĐHSKĐAHN (17-12-1980 – 17-12-2015) nhằm khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của những nhà làm phim trẻ, thúc đẩy phong trào làm phim trong giới sinh viên toàn quốc

[H11.11.04.06]. Trường đã tổ chức các hoạt động này 2 năm một lần và được báo chí đánh giá cao **[H11.11.04.07]**. Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (17/12/1980 – 17/12/2020), Khoa NTĐA (Trường ĐHSKĐAHN) đã tổ chức Lễ trao giải Liên hoan phim ngắn 2020 dành cho các cựu sinh viên và sinh viên của trường. NSND Lý Thái Dũng, GV Khoa NTĐA (Trường ĐHSKĐAHN) chia sẻ: “Cuộc thi lần này mong muốn giới thiệu và ghi nhận những phim ngắn có nhân quan độc đáo, ngôn ngữ điện ảnh đa dạng, với sự tham gia của sinh viên trong các vai trò khác nhau. Liên hoan phim ngắn 2020 hy vọng khích lệ tài năng của người làm phim trẻ hôm nay” **[H11.11.04.08]**. Có một thực tế là động viên SV làm phim, tham gia mọi công việc của hoạt động ĐA có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm). Nó không (hoặc rất ít) hiện hữu tất yếu ở một bài viết, bài báo hay "công trình" nào đó. Người GV xem phim của họ để phân tích cho họ thấy họ đã trưởng thành như thế nào” (NSND Lý Thái Dũng).

2. Điểm mạnh

Một số giảng viên của Khoa cũng như giảng viên thỉnh giảng của Khoa cũng là nhà QPĐA có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH/ sáng tác. Hằng năm, Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH/ sáng tác thông qua các hoạt động hỗ trợ như tổ chức liên hoan phim như đã đề cập ở phần mô tả.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường mới xây dựng quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHSKĐAHN (chưa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện), chưa làm rõ nội dung liên quan đến công tác NCKH trong sinh viên của Trường, đồng thời có đề cập đến loại hình NCKH đặc thù cho SV QPĐA.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2024-2025, rà soát, đánh giá việc thực hiện quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHSKĐAHN (trong đó có tiêu chí cho Khoa NTĐA), thể hiện được đặc thù của ngành QPĐA, có thể quy đổi loại hình NCKH thành tác phẩm điện ảnh do SV dàn dựng có giải thưởng hoặc giải thưởng cho hình thức.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025, Nhà trường giao khoa NTĐA phối hợp P.CTHSSV xây dựng hệ thống quản lý các hoạt động về NCKH sinh viên. Hằng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ,

hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV; nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài NCKH được chọn.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới **[H11.11.05.01]** nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị viên chức, người lao động, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có Khoa nghệ thuật điện ảnh kiến nghị.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa NTĐA đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ **[H11.11.05.02]**. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các BLQ đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2021, Nhà trường ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ **[H11.11.05.03]**.

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa **[H11.11.05.04]** để báo cáo Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới người học về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT **[H11.11.05.05]** để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Bên cạnh đó, Trường và Khoa Nghệ thuật điện ảnh hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. **[H11.11.05.06]**. Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của cử nhân chuyên ngành Quay phim điện ảnh, Khoa NTĐA. Tuy nhiên nhà tuyển dụng cũng bổ sung những

kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng cho thấy tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.

2. Điểm mạnh

CTĐT và CDR của CTĐT ngành Quay phim điện ảnh tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các BLQ hài lòng về CTĐT và CDR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các BLQ được Khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các BLQ đối với các hoạt động của Trường, Khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ, thường xuyên. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để bảo đảm đánh giá thực chất và yêu cầu của các BLQ về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2024-2025, Nhà trường giao cho Khoa và các phòng ban liên quan thực hiện “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ” nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2024-2025 trở đi, Khoa NTĐA lập kế hoạch phối hợp với P.KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

**Điểm mạnh nổi bật:* Nhìn chung, sinh viên CNQPĐA có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

** Điểm tồn tại cơ bản:* Trường mới ban hành *Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHSKĐAHN* nên chưa đánh giá hiệu quả thực hiện quy định.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 11: Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường ĐHSKĐAHN là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành VHTTDL nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ. CTĐT ngành QP nói chung, CNQPĐA nói riêng được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành CNQPĐA trong vòng 5 năm qua (2019 - 2024) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, mục tiêu và CDR của CTĐT CNQPĐA đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CDR CNQPĐA được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Thứ hai, các thông tin trong bản mô tả CTĐT CNQPĐA được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực Biên kịch. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT Khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Thứ ba, CTDH của CNQPĐA được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa NTĐA đã chú ý tới tính logic

và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm bảo đảm cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành Quay phim điện ảnh trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Thứ tư, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT CNQPĐA phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ NH.

Thứ năm, việc đánh giá kết quả học tập của SV CNQPĐA, Khoa NTĐA được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN để bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa NTĐA luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ sáu, đội ngũ GV trong CNQPĐA có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. ĐNNV hỗ trợ cho CTĐT CNQPĐA có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển ĐNNV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hằng năm ngành Quay phim điện ảnh chọn được nhiều sinh viên có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Thứ tám, Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quay phim được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm âm thanh, ánh sáng...) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và NCKH.

Thứ mười, sinh viên CNQPĐA có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân CNQPĐA còn một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Tài liệu cho CNQPĐA vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đến các bên có

liên quan còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp, và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

CDR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của chương trình đào tạo.

Thư viện chưa bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH QUAY PHIM ĐIỆN ẢNH

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội**

Mã: **52210244**

Tên CTĐT: **Chuyên ngành Quay phim điện ảnh**

Mã CTĐT: **7210236A**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,57	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1					x					
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5					x			4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5				x				4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5				x				4,17	6	100 (6/6)
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 11.3				X				4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.4				X						
Tiêu chí 11.5				X						
Đánh giá chung CTĐT								4.20	50/50	100%

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Đình Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: SKDAHNN

Tiếng Anh: HATC

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397

E-mail: skd@moet.edu.vn Website: www.skda.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa Nghệ thuật điện ảnh

Tiếng Anh: Department of Cinema

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Quay phim điện ảnh

Tiếng Anh: Cinematography

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7210233

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ Khoa/ Bộ Môn CTĐT: Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5 tòa A2, Trường ĐH SKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: (Số của khoa) ; Email: email của khoa Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1980

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1984

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Khoa Nghệ thuật Điện ảnh được thành lập ngày 17/12/1980. Từ đó cho đến nay, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh đã, đang và sẽ là một trong những khoa chuyên môn trọng yếu của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Những ngày đầu thành lập, Khoa chỉ đào tạo các lớp chuyên ngành Quay phim (do NSND - Nhà quay phim Trần Thế Dân chủ nhiệm), chuyên ngành Đạo diễn và Lý luận phê bình điện ảnh (do NGND - Đạo diễn Lê Đăng Thực chủ nhiệm). Đến năm 1982, chuyên ngành Biên kịch mới được thành lập do cố PGS - NBK Bành Bảo và cố PGS - TS NBK Bành Châu chủ nhiệm. NGƯT- Nhà LLPB Vũ Quang Chính và cố Nhà LLPB Hoàng Thanh chủ nhiệm chuyên ngành Lý luận phê bình điện ảnh. Cho đến năm 1988, bốn chuyên ngành Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch và Lý luận điện ảnh đã nằm trong mái nhà chung - Khoa Nghệ thuật điện ảnh do Nhà giáo nhân dân - Đạo diễn Lê Đăng Thực là Trưởng khoa và Thạc sỹ Lê Cẩm Lượng làm Phó Trưởng khoa. Từ năm 1999, cương vị Trưởng khoa được NSUT - Đạo diễn Lò Văn Minh; Thạc sỹ - Nhà LLPB Nguyễn Danh Dương và Nhà biên kịch Đoàn Minh Tuấn, Nhà Quay phim - NSUT Hoàng Tấn Phát, Nhà quay phim - NSND Trần Quốc Dũng và Nhà quay phim NSND Lý Thái Dũng lần lượt tham gia đảm nhiệm. Hiện nay, Khoa Nghệ thuật điện ảnh có 1 Trưởng khoa là TS. Trần Quang Minh và 1 Phó trưởng khoa là TS - NBK Đặng Thu Hà.

Thế hệ cán bộ, giảng viên đầu tiên của khoa là các thế hệ nghệ sĩ danh tiếng trong làng điện ảnh Việt Nam như NSND - Đạo diễn Nguyễn Khắc Lợi, cố NSND - Đạo diễn Trần Đắc, NGND - Đạo diễn Lê Đăng Thực, cố NSUT- Nhà quay phim Trần Trung Nhân, NQF Đỗ Mạnh Hùng, NSND - Nhà quay phim Trần Thế Dân, PGS

- TS Nguyễn Mạnh Lân, các nhà lý luận phê bình điện ảnh như NGUYỄN - LLPB Vũ Quang Chính, cố TS - Nhà LLPB Phạm Ngọc Trương, PGS - TS - Nhà LLPB Trần Luân Kim, Nhà LLPB Nguyễn Thị Lợi, Lê Chân và các nhà biên kịch: cố PGS - NBK Bành Bảo, cố PGS - TS NBK Bành Châu... Đến nay, nhiệt huyết và kiến thức nghề nghiệp của các thầy cô vẫn tồn tại và được nuôi dưỡng, nhân lên trong thế hệ các nhà điện ảnh, đội ngũ giảng viên kế cận.

Đồng thời, khoa Nghệ thuật điện ảnh vẫn luôn nhận được sự cộng tác của các thế hệ nghệ sĩ lão thành như NSND Đạo diễn Nguyễn Khải Hưng, NSND - Nhà quay phim Trần Quốc Dũng, NSUT - Nhà quay phim Hoàng Tấn Phát, NSND - Nhà quay phim Lý Thái Dũng, NSUT - Nhà quay phim Phạm Thanh Hà, GS - NBK Trần Thanh Hiệp, NBK Trịnh Thanh Nhã... Tên tuổi và những đóng góp của thế hệ các nghệ sĩ - giảng viên đối với sự nghiệp điện ảnh Việt Nam gắn liền với sự nghiệp đào tạo điện ảnh của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Với 4 chuyên ngành: Quay phim điện ảnh; Đạo diễn điện ảnh; Biên kịch điện ảnh; Lý luận, Lịch sử và phê bình điện ảnh - truyền hình, thước đo kết quả học tập của sinh viên chính là những thước phim ngắn độc đáo được công bố và đạt giải tại các Liên hoan phim, những kịch bản hay được đưa vào sản xuất, những bài tiểu luận nghiên cứu phim và lịch sử điện ảnh sâu sắc được đăng trên các tờ báo, tạp chí... Dưới sự gợi ý, chỉ bảo tận tình của giảng viên - những nghệ sĩ có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp, với phương pháp dạy học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, sinh viên thường xuyên được xem phim, viết kịch bản và thực hành tại trường quay để tạo dựng nên những bộ phim mang nhiều sắc thái, vừa có tính thể nghiệm, vừa mang đậm dấu ấn của sự hồn nhiên, lãng mạn từ góc nhìn của thế hệ điện ảnh trẻ.

Mỗi năm, Khoa Nghệ thuật điện ảnh đào tạo được trung bình 60 sinh viên của 4 chuyên ngành và khi ra trường các sinh viên hầu hết được các hãng phim, các đài truyền hình, các công ty truyền thông, các tạp chí, các viện nghiên cứu trên toàn quốc tuyển dụng. Nhiều sinh viên đã và đang làm vẻ vang cho ngành Điện ảnh nói chung và Trường ta nói riêng bằng những giải thưởng trong nước và quốc tế.

Với sự đổi mới trong lĩnh vực đào tạo, dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường, Khoa đã kết hợp mời các chuyên gia điện ảnh từ các nước Nga, Thụy Điển, Na Uy, Pháp, Đức, Bỉ, Ixraen... tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn để sinh viên được tiếp cận với các phương pháp, phong cách làm phim mới. Không chỉ được học tập trong nước, những sinh viên giỏi còn được học bổng dự các khóa học đạo diễn, quay phim, dựng phim, sản xuất phim tại Nga, Hàn Quốc, Thụy Điển...

Hàng năm, Khoa Nghệ thuật điện ảnh vẫn duy trì tổ chức Giải Tài năng sinh viên, tạo một sân chơi mang tính nghề nghiệp nhằm tìm tòi và tôn vinh những sáng tạo của các nghệ sĩ tương lai đang ngồi trên giảng đường đại học. Những phim được Ban Giám khảo đánh giá cao được in thành đĩa phim làm tài liệu cho các lớp nghiên cứu, tham khảo, học tập và gửi đi các Liên hoan phim trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, Khoa Nghệ thuật điện ảnh sẽ có kế hoạch thực hiện tiếp Liên hoan

phim Ong vàng – Một Liên hoan phim lớn dành cho đối tượng cả trong và ngoài trường đều có thể tham gia gửi các tác phẩm; Mở ra cơ hội giao lưu, học hỏi, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp, học thuật về Điện ảnh một cách sâu rộng trong xã hội.

Khoa Nghệ thuật điện ảnh đang được tiếp thêm sức mạnh với thế hệ giảng viên trẻ - hầu hết là những sinh viên xuất sắc của Khoa được giữ lại trường hoặc đã từng có thời gian công tác tại các đơn vị sản xuất như: ThS Phan Thúy Diệu, TS. Đặng Thu Hà, NBK Bùi Kim Quy, ThS Lê Minh Đức, Đạo diễn - ThS Nguyễn Hồng Quân, ThS Nguyễn Quốc Phương, ThS Trương Quế Chi, ThS Trần Diệu Hiền, ThS Chu Tiến Dũng, ThS Nguyễn Thị Huyền Trang...

Sau 40 năm xây dựng và phát triển, đến nay hoạt động giảng dạy của Khoa Nghệ thuật điện ảnh đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Chiến lược phát triển khoa Nghệ thuật Điện ảnh nhằm xây dựng Khoa thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành điện ảnh với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp đào tạo, của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trong giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030.

Ngoài hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được nhà trường giao phó theo kế hoạch giảng dạy - học tập và hoạt động chung của toàn trường, khoa Nghệ thuật điện ảnh đã đạt được một số thành tích cụ thể sau:

- Về công tác tổ chức hoạt động giáo dục đào tạo: Dưới sự chỉ đạo của BGH, thực hiện theo kế hoạch chung của trường, khoa NTĐA đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch giảng dạy từ trực tiếp sang trực tuyến để kịp thời ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19 diễn ra theo từng giai đoạn của năm học. Theo đó, tổ chức theo dõi tình hình dạy và học trực tuyến, thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến của người học. Đặc biệt là tổ chức hoàn thành được đánh giá tốt nghiệp (trực tuyến) cho sinh viên K37 (có nguyện vọng tốt nghiệp) đúng thời hạn.

- Về các hoạt động khác: Tổ chức thành công Liên hoan phim Ong vàng cho sinh viên toàn khoa nhân dịp kỉ niệm Ngày thành lập trường (17/12/2020), Tổ chức chuyến đi thực tế ở các Hãng phim, đơn vị truyền thông. Thông qua các cuộc thi, các chuyến đi thực tế, sinh viên vừa có sân chơi, đồng thời gia tăng không khí thi đua học tập, sáng tạo phấn đấu đạt thành tích cao trong sinh viên toàn khoa, cập nhật liên tục sự phát triển trong công tác chuyên môn ngoài thực tiễn.

- Về thành tích sáng tạo nghệ thuật của giảng viên và sinh viên:

Một số giảng viên có tác phẩm được công bố hoặc tham gia sản xuất như: NSND Lý Thái Dũng (Quay phim - Phim “Lính Chiến”), TS Đặng Thu Hà (Tác giả Truyện ngắn "Dọ Tơm-ami" công bố quốc tế 2020, Tác giả KB - Phim “Mặt nạ hạnh phúc” - 2021, tác giả KB phim “Lửa ấm “ – 2022, “Món quà của cha - 2023, KB phim “Phơi sáng” - 2023); Bùi Kim Quy (KB và ĐD - Phim “Miền ký ức”)...

- + Giảng viên: TS. Đặng Thu Hà đạt giải khuyến khích cuộc thi Sáng tác kịch bản phim truyện điện ảnh năm 2020 của Cục Điện ảnh Việt Nam.

+ Giải thưởng Ban giám khảo tại LHP Quốc gia của đạo diễn Đinh Tuấn Vũ; giải thưởng BGK tại Giải cánh diều của các đạo diễn Phùng Văn Định, Đỗ Quốc Trung...

+ Sinh viên Nguyễn Thị Lan Anh – lớp Biên kịch điện ảnh K36 đạt giải Ba cuộc thi làm phim ngắn “Tôi biết, tôi thay đổi” do Ủy ban an toàn giao thông quốc gia phối hợp cùng Hiệp hội các nhà sản xuất xe máy Việt Nam tổ chức.

+ Sinh viên Vũ Trần Minh – lớp QPĐA K36 lọt vào vòng 2 - top 24 ý tưởng xuất sắc nhất cuộc thi Nhà biên kịch tài năng do công ty CJ CGV tổ chức.

+ Phim “Kiệu điện hoa” của sinh viên Cao Việt Hoài Sơn được chọn trình chiếu trong liên hoan quốc tế dành cho các tác phẩm hình ảnh động Rencontres internationales Paris/Berlin tại Paris, Pháp và Berlin, Đức vào năm 2019.

+ Phim “Chung quanh” của Bùi Bình Dương, phim “First taste” của Nguyễn Duy Anh được lựa chọn trình chiếu tại chòm phim của Việt Nam tham dự chương trình S-Express – một mạng lưới trình chiếu phim ngắn điện ảnh Đông Nam Á tại SEA Short Film Festival, Malaysia năm 2019.

+ Phim “Bông sen trên đôi ủng xanh” của Đoàn Nguyên Hạnh, phim “Kiệu điện hoa” của Cao Việt Hoài Sơn trình chiếu tại chương trình “Route du Doc: Vietnam” giới thiệu các bộ phim tài liệu Việt Nam của liên hoan Les états généraux du Film documentaire 2019.

+ Phim “Đi mừng” của Nguyễn Anh Vũ tham dự Liên hoan phim sinh viên quốc tế Cilect 2019.

+ SV Nguyễn Đăng Tuyết Vân lớp QPĐA K39 đạt Giải ba cuộc thi Viết cảm nhận phim Mê Cine mùa 2 của Viện Truyện Tranh & Hoạt Hình Việt Nam.

Năm 2021-2022:

+ SV Trần Thị Hà Trang lớp ĐD ĐA-TH(SXP) K40 hệ VB2 (cựu sinh viên lớp ĐDDA K36): giải Dự án xuất sắc nhất trong workshop ‘Phát triển dự án phim tài liệu – Doc Cicada 2020’ được Trung tâm giao lưu văn hoá Nhật Bản tại Việt Nam tổ chức, giải top 5 kịch bản xuất sắc nhất để nhận được hỗ trợ của Dự án phim CJ 2021.

+ SV Phạm Quang Linh lớp ĐDDA K37 có dự án lọt top 14 Dự án phim ngắn CJ 2021.

+ SV Nguyễn Phương Thảo lớp BKĐA K37 có kịch bản phim hoạt hình “Sợi dây liên kết” được Công ty cổ phần Hãng phim Hoạt hình VN đưa vào kế hoạch sản xuất năm 2022...

+ SV Trần Thị Hà Trang lớp ĐD ĐA-TH(SXP) K40 hệ VB2 (cựu sinh viên lớp ĐDDA K36) có phim ngắn tốt nghiệp “Một cõi đi về” đạt giải Cánh diều vàng 2021 cho hạng mục phim ngắn và được lựa chọn trình chiếu trong LHP Quốc tế Singapore.

+ SV Nguyễn Phạm Thành Đạt lớp ĐD ĐA K40 đạt giải nhất cuộc thi phim ngắn “Việt Nam của tôi” của Quỹ Vẻ đẹp – Điện ảnh Kinh tế Sáng Tạo Việt Nam của tập đoàn Netflix khởi xướng – phim “Khu rừng của Páo”.

+ SV Nguyễn Thị Minh Khuê, lớp ĐDDA K40 đạt giải Ba cuộc thi phim ngắn “Màn ảnh xanh” của Hiệp hội Xúc tiến Phát triển Điện ảnh Việt Nam và Tập đoàn Netflix tổ chức.

Năm 2022-2023:

+ SV Nguyễn Phạm Thành Đạt lớp ĐDDA K40 đạt giải Phim ngắn xuất sắc nhất Liên hoan phim quốc tế Hà Nội lần thứ VI 2022 với phim ngắn “Khu rừng của Páo”

+ SV Đào Linh Chi lớp ĐDDA K39 đạt giải Cánh điều bạc Hạng mục Phim ngắn của Liên hoan phim Cánh Điều Vàng lần thứ 20 năm 2023 của Hội Điện ảnh Việt Nam với phim “Áo giặc”

+ SV Bùi Phương Thảo lớp ĐDDA K39 nhận Bằng khen của Ban giám khảo cho Hạng mục phim ngắn tại LHP Cánh điều vàng lần thứ 20 năm 2023 – phim “Cho một ngày mai”

+ SV Nguyễn Phạm Thành Đạt lớp ĐDDA K40 có phim ngắn “Khu rừng của Páo” lọt vào top 20 phim ngắn năm 2023 của Hiệp hội quốc tế các trường điện, nghe nhìn và đa phương tiện CILECT.

Năm 2022-2023:

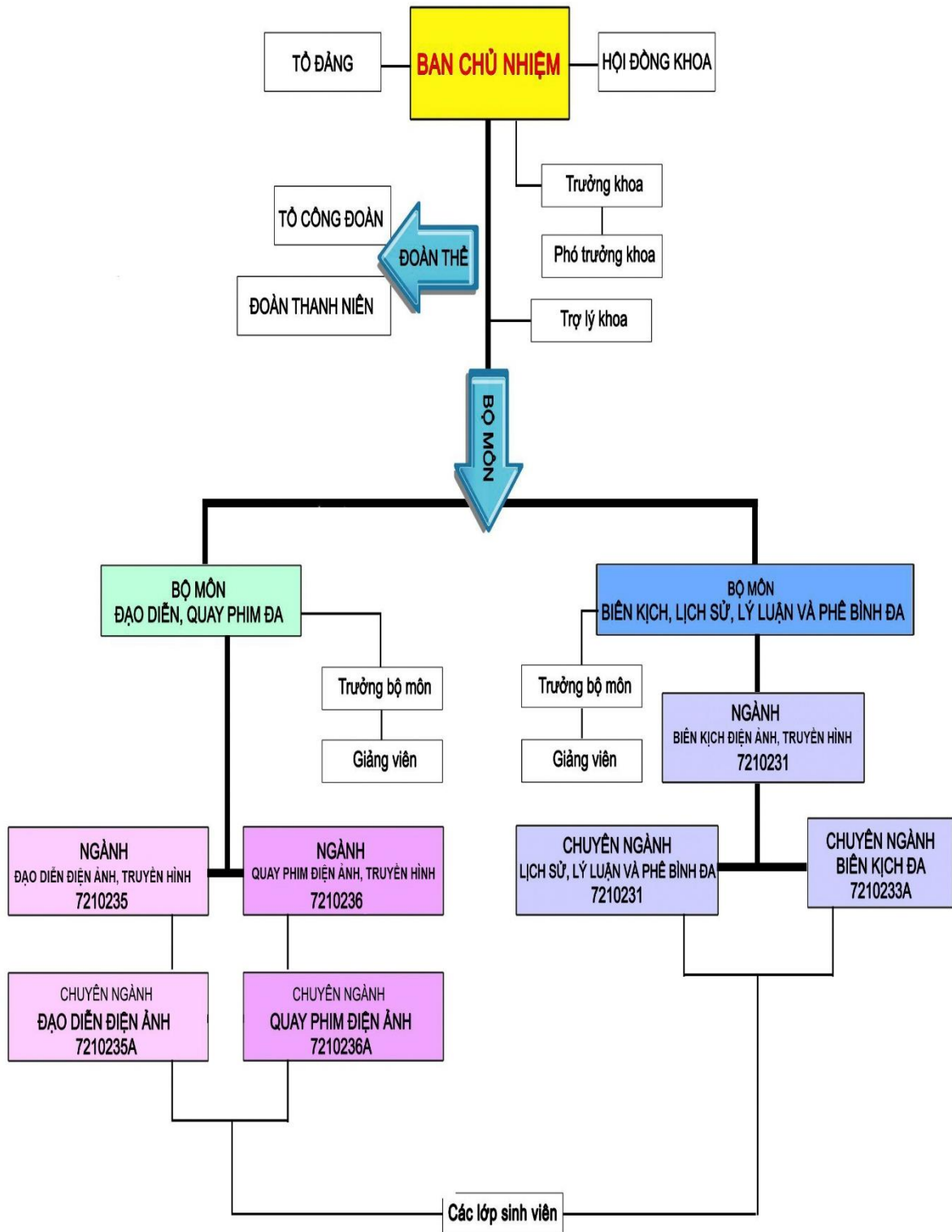
+ SV Nguyễn Phạm Thành Đạt lớp ĐDDA K40

+ SV Trần Thế Anh

+ SV Nguyễn Minh Đức

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi: Bí thư Đảng ủy -Hiệu trưởng;
- TS. Phạm Trí Thành: Chủ tịch hội đồng trường;
- TS. Phạm Đắc Thi: Phó Bí thư Đảng ủy -Phó Hiệu trưởng;
- TS.NSUT. Bùi Như Lai: Đảng ủy viên - Phó Hiệu trưởng.

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- TS. Trần Quang Minh: Trưởng Khoa Nghệ thuật điện ảnh;
- TS. Đặng Thu Hà: Phó trưởng Khoa Nghệ thuật điện ảnh.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. GND	0913588863	thidinhnghuyen@hotmail.com
2	Chủ tịch hội đồng trường	Phạm Trí Thành	1966	TS	0906100882	phantrithanhts@gmail.com
3	Phó Hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
4	Phó Hiệu trưởng	Bùi Như Lai	1979	TS. NSUT	0972562828	buinhulai1979@gmail.com
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng Khoa	Trần Quang Minh	1971	TS	0989651881	Tianquangminh4871@gmail.com
2	Phó trưởng Khoa	Đặng Thu Hà	1982	TS	0983827082	hachi8208@gmail.com
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnghuyen@hotmail.com
2	Chủ tịch công đoàn trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3	Bí thư đoàn thanh niên	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
III	Các phòng, ban					
1	Trưởng phòng ĐT QLKH và HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghien0110@gmail.com
2	Trưởng phòng CTHSSV	Trần Thị Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.skda@gmail.com
3	Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	ThS	0906113599	nguyenhienskda@gmail.com
4	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuong81@gmail.com
IV	Các bộ môn					
1	Trưởng bộ môn đạo diễn và quay phim	Nguyễn Hồng Quân	1982	Ths	0983605182	Quan.nguyenhong.skda@gmail.com
2	Phó trưởng bộ môn đạo diễn và quay phim	Nguyễn Quốc Phương	1989	Ths	0348938698	quocphuong.skda@gmail.com
3	Trưởng bộ môn Biên kịch và Lý luận, lịch sử và phê bình ĐA - TH	Đặng Thu Hà	1982	TS	0983827082	hachi8208@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Đạo diễn điện ảnh; Quay phim điện ảnh; Biên kịch điện ảnh; Lý luận, lịch sử và phê bình ĐA – TH.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không đào tạo.

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):		

32. Tổng số các ngành đào tạo:

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	5	8	13
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	1		1
	Tổng số	6	8	14

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0		0		
2	Phó Giáo sư	1	1		0		
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0		0		
4	Tiến sĩ	2	2		2		
5	Thạc sĩ	8	8		0		
6	Đại học	3	2		0		
7	Cao đẳng	0	0		0		
8	Trình độ khác	0	0		0		
	Tổng số	14	13		2		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh Khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 14 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 14/14 người

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 33 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BỘ GD&ĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0		0		0			0
2	Phó Giáo sư	3,0		1		0			3
3	Tiến sĩ Khoa học	0,0		0		0			0
4	Tiến sĩ	2		2		1			6
5	Thạc sĩ	1		9		1			9
6	Đại học	0,3		2		0			0.6
	Tổng			14		0.6			18.6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0							
2	Phó Giáo sư	1	7.14		x			x		
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0							
4	Tiến sĩ	2	14.29	x				x		
5	Thạc sĩ	9	64.28	x	x		x	x		
6	Đại học	2	14.29		x		x	x		
	Tổng	14	100							

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 14.29%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 64.28%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy và không chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018- 2019		18		16			
2019-2020		15		15			
2020-2021		13		12			
2021-2022		20		17			
2022-2023		13		12			
2023-2024							

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh		1	2	2	
2. Học viên cao học		5	28	17	21
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	54	56	54	61	57
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0%	0%	0%	0%	0%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2010-2020	2020-2021	2021-2022	2022- 2023	2023- 2024
1. Tổng diện tích phòng ở(m ²)	24m2	24 m2	20m2	22m2	24m2
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4m2	4m2	4m2	4m2	4m2

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng(người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy,VLVH của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).					
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100%	100%	100%	100%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0%	0%	0%	0%	0%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị Thực hiện CTĐT có điều tra					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	85% 100%	80% 100%	80% 80%	80% 80%	85% 100%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	10Tr VNĐ	12Tr VNĐ	15tr VNĐ	12tr VNĐ	12tr VNĐ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100%	100%	100%	100%	100%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	15%	10%	15%	10%	10%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	0%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT

không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2022-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5						
	Tổng							

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 2,5/10

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	0	0	0
2	2020	0	0	0
3	2021	0	0	0
4	2022	0	0	0
5	2023	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	2	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	1	1	1	4.5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	1	1	1	4.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,5/10

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	2	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	2	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	4	2	4	5	5	10
	Tổng		4	2	4	5	5	10

*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 15

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15/11

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí Khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	5
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	5

52. Số lượng báo cáo Khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	0	4	2.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	6	0	1	3	2.75
	Tổng		2	6	0	1	7	5.25

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 5.25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	4	6
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	6

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019- 2020	0
2020-2021	0
2021- 2022	0
2022- 2023	0
2023- 2024	0

55. NCKH của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 40

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 4000 Nơi học: 11.257 Nơi vui chơi giải trí: 5200

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 28,411

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 650 tựa/ 820 bản sách,

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 229

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 129

- Dùng cho người học học tập: 100

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 14

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 14.29

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 64.28

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người):

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 80%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 20%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 12Tr VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20%

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1/3

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: Dùng chung thuộc quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Dùng cho 03 Trường Xiếc, Múa và trường ĐHSKĐAHN)

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU TRONG BÁO CÁO TĐG
CHƯƠNG TRÌNH QPĐA (PL8)

Bảng 1: Mục tiêu chương trình đào tạo (MTCTĐT) các năm (2018-2024)

MTCTĐT QPĐA Năm 2018	MTCTĐT QPĐA Năm 2023
1. Mục tiêu chung: Đào tạo ra các quay phim chuyên nghiệp, để thực hiện các sản phẩm điện ảnh hoặc truyền hình với chất lượng đào tạo cao nhất quốc gia và đạt chuẩn khu vực Asean. Các quay phim sau khi tốt nghiệp đủ năng lực chuyên môn đặc thù để quay Phim truyện điện ảnh, phim truyện truyền hình, phim ngắn, phim tài liệu, TVC, viral, MV ca nhạc ...trên nền tảng kỹ thuật, công nghệ toàn cầu. 2. Mục tiêu cụ thể: * Về kiến thức: 1. Tri thức chuyên môn a. Khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm trang bị cho sinh viên: - Những kiến thức cơ bản về: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, nhằm tạo ra nhận thức về ý thức trách nhiệm, hành vi, đạo đức của cá nhân trước cộng	1. Mục tiêu chung Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Quay phim điện ảnh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) quy định trong Luật GDĐH; Có khả năng tham gia vào quá trình sản xuất, thực hiện các bộ phim tại các hãng phim, các đơn vị sản xuất phim Điện ảnh, Truyền hình. Trên cơ sở mục tiêu này, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT trình độ cử nhân Quay phim điện ảnh được xây dựng trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. 2. Mục tiêu cụ thể - Về các môn kiến thức cơ bản (MT1): CTĐT chuyên ngành Quay phim điện ảnh trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp và hình thành kỹ năng vận dụng vào thực tiễn công việc và cuộc sống. - Về trình độ ngoại ngữ, tin học (MT2): cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành tin học và ngoại ngữ trong học tập và cuộc sống. - Về các môn kiến thức cơ sở ngành (MT3): CTĐT chuyên ngành Quay phim điện ảnh trang

đồng; quyền lợi và nghĩa vụ của công dân đối với xã hội. - Những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn: Lịch sử văn học Việt Nam và thế giới; Đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Mỹ học;,, nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về văn hoá nghệ thuật để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức ở trình độ cao hơn; rèn luyện khả năng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn và nhận thức được ảnh hưởng của hoạt động nghề nghiệp đối với xã hội. - Những kiến thức cơ bản về: Tin học và Ngoại ngữ chuyên ngành. b. Khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi nhằm tạo nền tảng cơ bản và toàn diện về nghệ thuật điện ảnh và nghệ thuật tạo hình của Điện ảnh. - Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật Điện ảnh: Lịch sử Điện ảnh Việt Nam, Lịch sử Điện ảnh Thế giới, phân tích phim, Âm thanh, Âm nhạc trong Điện ảnh - Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình: Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam và thế giới; Quy trình sản xuất phim; Phân tích phim; Dựng phim.	bị cho SV những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các hiểu biết về các loại hình nghệ thuật, bộ môn liên ngành, hỗ trợ cho kiến thức chuyên ngành và hình thành kỹ năng vận dụng vào thực tiễn công việc và cuộc sống. - Về các môn kiến thức chuyên ngành (MT4): cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành quay phim, hình thành kỹ năng vận dụng và sáng tác các tác phẩm điện ảnh và sản phẩm sáng tạo nghe nhìn. - Về năng lực tự chủ và kỹ năng mềm (MT5): + Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực văn hoá nghệ thuật. + Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp. + Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.
--	---

- Những hiểu biết cơ bản về chức năng, nhiệm vụ của các thành phần tham gia vào quá trình sản xuất phim điện ảnh; những hiểu biết về công việc người diễn viên, đạo diễn, họa sĩ thiết kế mỹ thuật, họa sĩ hóa trang, họa sĩ phục trang, nhạc sĩ...và năng lực chuyên môn trong công việc Hậu kỳ (Hoàn thiện sản phẩm) - Nắm vững hệ thống, cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đoàn làm phim điện ảnh. c. Khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết và thực hành một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về: Kỹ thuật và Nghệ thuật quay phim; Ánh sáng màu sắc, Nhiếp ảnh và Cảm quang, kỹ xảo Điện ảnh..	
--	--

Bảng 2: Kết quả khảo sát của các BLQ đối với mục tiêu của CTĐT

Mức độ đồng ý với Mục tiêu CTĐT QPĐA	Nhà tuyển dụng	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giảng viên
Rất không đồng ý	0%	0%	0%	0%
Không đồng ý	0%	0%	0%	0%
Phân vân	10%	6,67%	3,33%	0%
Đồng ý	85%	73,33%	93,33%	73,33%
Rất đồng ý	5%	20%	3,34%	26,67%

Bảng 3: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành QPĐA các năm (2018-2024)

Năm 2018	Năm 2023
I. Yêu cầu về kiến thức 1. Tri thức chuyên môn a. Khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm trang bị cho sinh viên: - Những kiến thức cơ bản về: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, nhằm tạo ra nhận thức về ý thức trách nhiệm, hành vi, đạo đức của cá nhân trước cộng đồng; quyền lợi và nghĩa vụ của công dân đối với xã hội. - Những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn: Lịch sử văn học Việt Nam và thế giới; Đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Mỹ học, nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về văn hoá nghệ thuật để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức ở trình độ cao hơn; rèn luyện khả năng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn và nhận thức được ảnh hưởng của hoạt động nghề nghiệp đối với xã hội. - Những kiến thức cơ bản về: Tin học và Ngoại ngữ chuyên ngành. b. Khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi nhằm tạo nền tảng cơ bản và toàn diện	I. Yêu cầu về kiến thức CĐR của CTĐT ngành QPĐA năm 2023 được xây dựng theo phương thức đào tạo theo tín chỉ, với yêu cầu kiến thức được thiết kế để đạt CĐR của CTĐT bao gồm 1. Kiến thức + PLO1: Sinh viên nắm được thế giới quan duy vật, phương pháp biện chứng và những nội dung cơ bản về kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học Mác - Lênin; chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách, pháp luật của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nắm vững được kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh từ đó rèn luyện sức khỏe, rèn luyện ý thức, trách nhiệm bảo vệ tổ quốc; Nắm vững đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiến thức về cơ sở văn hoá Việt Nam; kiến thức về văn học Việt Nam và thế giới; về lịch sử văn minh thế giới, kiến thức về Tâm lý, về Lịch sử triết học. + PLO2: Sinh viên được cung cấp vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để có thể đọc hiểu các văn bản đơn giản, nghe hiểu được các đoạn đối thoại, sử dụng các cấu trúc lời nói trong giao tiếp cơ bản; trang bị cho sinh viên một lượng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành thông qua các bài đọc hiểu chuyên sâu về các ngành/chuyên ngành trong lĩnh vực Sân khấu, Điện ảnh,

về nghệ thuật điện ảnh và nghệ thuật tạo hình của Điện ảnh.

- Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật Điện ảnh: Lịch sử Điện ảnh Việt Nam, Lịch sử Điện ảnh Thế giới, phân tích phim, Âm thanh, Âm nhạc trong Điện ảnh

- Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình: Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam và thế giới; Quy trình sản xuất phim; Phân tích phim; Dựng phim.

- Những hiểu biết cơ bản về chức năng, nhiệm vụ của các thành phần tham gia vào quá trình sản xuất phim điện ảnh; những hiểu biết về công việc người diễn viên, đạo diễn, họa sĩ thiết kế mỹ thuật, họa sĩ hóa trang, họa sĩ phục trang, nhạc sĩ... và năng lực chuyên môn trong công việc Hậu kỳ (Hoàn thiện sản phẩm)

- Nắm vững hệ thống, cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đoàn làm phim điện ảnh.

c. Khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết và thực hành một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về: Kỹ thuật và Nghệ thuật quay phim; Ánh sáng màu sắc, Nhiếp ảnh và Cảm quang, kỹ xảo Điện ảnh..

2. Năng lực nghề nghiệp

- Biết vận dụng các kiến thức đạt được trong quá trình đào tạo vào mọi lĩnh vực có sử dụng Hình ảnh động và tĩnh làm ngôn ngữ chuyển tải thông điệp: Điện

Truyền hình... hướng dẫn sinh viên viết bài luận, thư tín có tính chất ngành/chuyên ngành; Nắm vững các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, máy tính điện tử, hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), bảng tính điện tử (Microsoft Excel), trình chiếu văn bản (Microsoft Powerpoint) và mạng máy tính.

+ PLO3: Kiến thức cơ sở ngành:

Khối lượng kiến thức cơ sở ngành gồm những kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi nhằm tạo nền tảng cơ bản và toàn diện về nghệ thuật bao gồm những kiến thức cơ bản về các ngành: Đạo diễn điện ảnh; Kịch học điện ảnh; Lịch sử tạo hình Việt Nam và thế giới; Âm nhạc cơ bản; Âm thanh điện ảnh ...

+ PLO4: Kiến thức ngành: khối lượng kiến thức chuyên ngành gồm những kiến thức lý thuyết có hệ thống, toàn diện về nghiệp vụ chuyên môn của nghề Quay phim điện ảnh bao gồm: Thiết bị máy quay điện ảnh truyền hình 1, 2; Cảm quang; Kỹ thuật ánh sáng màu sắc; Nhiếp ảnh; Quay phim điện ảnh; Quay kỹ xảo đặc biệt ...

ảnh, truyền hình, Nhiếp ảnh, truyền thông đa phương tiện. - Có khả năng độc lập trong nghiên cứu, sáng tạo, thể nghiệm các hình thức trong Nghệ thuật tạo hình của Quay phim và Nhiếp ảnh. - Có khả năng tự nghiên cứu, học tập nâng cao, chuyên sâu ở lĩnh vực đã được đào tạo, và cả những ứng dụng liên quan tới nghề nghiệp.	
II. Yêu cầu về kỹ năng 1. Kỹ năng cứng - Kỹ năng chuyên môn: Nắm vững Quy trình sản xuất một sản phẩm Hình ảnh ở góc nhìn chuyên sâu của Nhà Quay phim, dù ở vai trò Người quay phim hay Giám đốc Hình ảnh, ở mọi loại hình sản phẩm mà thị trường yêu cầu. - Làm chủ các thiết bị và công nghệ mới nhất mà Điện ảnh và Truyền hình đang sử dụng, ở phạm vi toàn cầu. - Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có năng lực tổ chức hình ảnh cho phim truyện điện ảnh, truyền hình hay các sản phẩm truyền thông khác như quảng cáo, phim ngắn, sit-com, các chương trình của đài truyền hình... Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc cao. - Nghiên cứu khoa học: Có phương pháp và khả năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo những cách thể hiện mới	II. Yêu cầu về kỹ năng 1. Về kỹ năng: + PLO5: Vận dụng một số vấn đề lý luận chính trị, văn hoá, văn học vào thực tiễn cuộc sống và học tập; Có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức và trau dồi kỹ năng sống, lao động và học tập theo hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. + PLO6: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ ở mức giao tiếp cơ bản, vận dụng ngoại ngữ ở mức độ tương đối thông thạo cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) vào công việc theo hướng ngành/chuyên ngành học; Sử dụng thành thạo các kỹ năng tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, thiết lập bảng tính, trình chiếu văn bản..., vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản để phục vụ cho học tập và làm việc. + PLO7: Có khả năng vận dụng kiến thức cơ sở ngành trong việc sáng tạo, thể nghiệm các hình thức nghệ thuật, phương thức thể hiện mới áp dụng vào các thể loại phim truyện điện ảnh, phim tài liệu, các

trong tổ chức hình ảnh; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực tổ chức hình ảnh. - Phân tích và xử lý thông tin: Có khả năng tư duy, tìm kiếm, tổng hợp các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành. 2. Kỹ năng mềm - Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: Có những kỹ năng cơ bản về lập báo cáo bằng các phương tiện khác nhau; thuyết trình, giải thích và thuyết phục người khác về những nội dung, giải pháp để thực hiện các ý tưởng trong lĩnh vực chuyên ngành. - Kỹ năng làm việc theo nhóm: Biết cách tổ chức, quản lý, phối hợp, tôn trọng và lắng nghe các thành viên khác trong nhóm; biết cách sắp xếp thời gian làm việc khoa học để đạt được hiệu quả cao nhất. - Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học: Có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh trong giao tiếp và tham khảo, nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng, các phần mềm dựng phim chuyên dụng.	loại hình truyền thông đa phương tiện. + PLO8: Vận dụng những kiến thức chuyên ngành để vận dụng có hiệu quả các kiến thức đạt được trong quá trình đào tạo vào lĩnh vực quay phim điện ảnh để trở thành người quay phim điện ảnh chuyên nghiệp. Nắm vững phương pháp, quy trình thực hiện và các kiến thức về ngôn ngữ hình ảnh, kỹ năng xử lý hình ảnh để dự án điện ảnh. Nắm vững nghiệp vụ quay phim, làm chủ thiết bị kỹ thuật. Có khả năng tham gia vào quá trình ghi hình làm các thể loại: phim truyện, phim tài liệu, phóng sự, tin tức, ca nhạc, quảng cáo...
--	---

III. Yêu cầu về thái độ

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.

- Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp.

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

III. Yêu cầu về thái độ

1. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PLO9: Nhóm CDR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức.

+ SV có hiểu biết về sự đa dạng văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp.

+ Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: lập hồ sơ dự án bằng các phương tiện khác nhau; thuyết trình, giải thích và thuyết phục người khác về những nội dung, giải pháp để thực hiện các ý tưởng trong lĩnh vực chuyên ngành.

+ Có kỹ năng làm việc theo nhóm: Biết cách tổ chức, quản lý, phối hợp, tôn trọng và lắng nghe các thành viên khác trong sáng tác nhóm và ekip sản xuất; biết cách

	sắp xếp thời gian làm việc khoa học để đạt được hiệu quả cao nhất.
IV. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp - Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận công việc quay phim tại các Hãng phim chuyên xuất phim Điện ảnh, các đài truyền hình trung ương và địa phương, các công ty truyền thông, quảng cáo... - Tham gia quay các dự án làm phim Điện ảnh – Truyền hình với cương vị quay phim hoặc Giám đốc hình ảnh. - Làm cán bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu văn hoá nghệ thuật, tham gia công tác giảng dạy chuyên ngành ở các trường nghệ thuật trong cả nước.	IV. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành/chuyên ngành Quay phim điện ảnh của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội có thể làm việc tại các hãng phim hay công ty truyền thông. Đảm nhận công việc tổ chức các dự án thuộc lĩnh vực điện ảnh - truyền hình, truyền thông, tổ chức làm phim. Tham gia công tác nghiên cứu, trợ giảng các môn chuyên môn thuộc chuyên ngành ở các trường đào tạo điện ảnh trong cả nước. Tùy theo mức độ tích lũy kinh nghiệm để sinh viên đạt tới chức danh giám đốc hình ảnh (DOP).
V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường - Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Quay phim Điện ảnh, sinh viên có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật sân khấu tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. - Tham gia các khoá học ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên	V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Quay phim điện ảnh, sinh viên có thể: - Tự nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng, bổ sung các kiến thức và kỹ năng liên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí và môi trường công tác cụ thể. - Tham gia các khoá học ngắn hạn,

môn, nghiệp vụ.	trung hạn hoặc dài hạn ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. - Học chuyển đổi sang các ngành đào tạo khác của trường Sinh viên có khả năng tiếp tục học ở bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) ngành Nghệ thuật sân khấu, Nghệ thuật điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh, Lý luận phê bình sân khấu, Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình...
-----------------	---

Bảng 4: Đối sánh chuẩn đầu ra (CĐR) các năm

Nội dung đối sánh	CĐR năm 2018	CĐR năm 2023
Giống nhau	- Cấu trúc CĐR gồm: Kiến thức; Kỹ năng/phẩm chất đạo đức; Mức tự chủ trách nhiệm. - Nội dung của các CĐR được thiết kế gồm yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt.	
Khác nhau	Chưa xác định cụ thể mức độ năng lực của từng CĐR theo thang Bloom nhưng các CĐR được thiết kế rõ ràng, cụ thể, các đơn vị CĐR không chia theo từng lĩnh vực chung và được kết nối với nhau theo một logic.	Đã xác định cụ thể mức độ năng lực của từng CĐR theo thang Bloom.

Bảng 5: Cấu trúc đề cương chi tiết học phần được thể hiện qua CTĐT QPĐA của các năm 2018 và 2023 (2018-2024)

Nội dung	Năm 2018	Năm 2023
Tổng số ĐVHT/ Tín chỉ	143	135
Tổng số học phần	56	47
Số tín chỉ bắt buộc/tự chọn	143/0	135/0
Số học phần bắt buộc/tự chọn	56/0	47/0

Bảng 6: Đánh giá của cựu người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2019

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/chuẩn đầu ra của từng học phần?	Số lượng	0	0	1	28	1	30
	Tỷ lệ	0%	0%	3,33%	93,94%	3,33%	100%
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần	Số lượng	0	0	2	25	3	30
	Tỷ lệ	0%	0%	6,67%	83,33%	10%	100%
Giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Số lượng	0	0	0	23	7	30
	Tỷ lệ %	0%	0%	0%	76,67%	23,33%	100%
Hoạt động dạy và học khuyến khích người học chủ động tự học và khám phá tri thức	Số lượng	0	0	0	11	19	30
	Tỷ lệ %	0%	0%	0%	33,67%	63,33%	100%

Bảng 7: Đánh giá của người học về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2024

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/chuẩn đầu ra của từng học phần?	Số lượng	0	0	0	11	19	30
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	33,67%	63,33%	100%
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần	Số lượng	0	0	2	25	3	30
	Tỷ lệ	0%	0%	6,67%	83,33%	10%	100%
Giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Số lượng	0	0	0	23	7	30
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	76,67%	23,33%	100%
Hoạt động dạy và học khuyến khích người học chủ động tự học và khám phá tri thức	Số lượng	0	0	1	28	1	30
	Tỷ lệ	0%	0%	3,33%	93,94%	3,33%	100%

Bảng 8: Đánh giá của giảng viên về các vấn đề liên quan đến đề cương chi tiết học phần năm 2024

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được mục tiêu/chuẩn đầu ra của từng học phần?	Số lượng	0	0	0	21	9	30
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	70%	30%	100%
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của từng học phần	Số lượng	0	0	0	17	13	30
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	56,67%	43,33%	100%
Giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Số lượng	0	0	1	18	11	30
	Tỷ lệ	0%	0%	3,33%	60%	36,67%	100%
Hoạt động dạy và học khuyến khích người học chủ động tự học và khám phá tri thức	Số lượng	0	0	0	5	25	30
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	16,67%	83,33%	100%

Bảng 9: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp 2019-2024

STT	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc	Số lượng	Tỷ lệ
1	Kém	0	0
2	Trung bình	1	3,33%
3	Khá	2	6,67%
4	Tốt	18	60%
5	Rất tốt	9	30%
	Tổng cộng	30	100%

Bảng 10: Ma trận mối quan hệ giữa các học phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT năm 2023

Mỗi môn học/học phần bắt buộc trong CTĐT đều có đóng góp vào việc thực hiện PLO, mức độ đóng góp của mỗi môn học/học phần theo một trong ba mức độ:

- Mức I (Introduced): có đóng góp đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- Mức R (Reinforced): có đóng góp đạt được PLO ở mức nâng cao. Ở các môn học/học phần này người học có nhiều cơ hội thực hành, thực tế ...;
- Mức M (Mastery): có đóng góp đạt được PLO ở mức thuần thục/thành thạo.

TT	CDR Học phần/môn học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
1	Triết học Mác - Lênin	I				I				I
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	I				I				I
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	I				I				I
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				I				I
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				I				I
6	Đường lối VHVN của Đảng Cộng sản Việt Nam	I				I				I
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	I				I				I
8	Ngoại ngữ 1, 2, 3		I				I			I
9	Tin học		I				I			I
10	Lịch sử văn học Việt Nam	I				I				I
11	Lịch sử văn học thế giới	I				I				I
12	Pháp luật	I				I				I
13	Giáo dục thể chất	R	R	R	R	R		R	R	R
14	Giáo dục quốc phòng và an ninh	R	R	R	R	R	R	R	R	R
15	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam và thế giới			R				R		R
16	Tâm lý học			R				R		R
17	Lịch sử triết học			R						R

TT	CDR	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
	Học phần/môn học									
								R		
18	Âm thanh điện ảnh			R				R		R
19	Âm nhạc cơ bản			I				I		I
20	Nhạc phim			R				R		R
21	Quy trình sản xuất phim			R				R		R
22	Lịch sử điện ảnh Thế giới			R				R		R
23	Lịch sử điện ảnh Việt Nam			R				R		R
24	Phân tích phim 1, 2			R				R		R
25	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh - truyền hình			R				R		R
26	Đạo diễn điện ảnh			R				R		R
27	Kịch học điện ảnh			R				R		R
28	Dựng phim			R				R		R
29	Thiết bị máy quay điện ảnh truyền hình 1,2				M				M	M
30	Cảm quang				M				M	M
31	Kỹ thuật ánh sáng, màu sắc				M				M	M
32	Nhiếp ảnh 1,2,3,4				M				M	M
33	Quay phim điện ảnh 1,2,3,4,5,6				M				M	M
34	Quay kỹ xảo đặc biệt				M				M	M
35	Chuyên đề				R			R	R	R
36	Ngoại khoá				R			R	R	R
37	Thực tập trước tốt nghiệp				R			R	R	R
38	Tốt nghiệp				M			M	M	M

Bảng 11: Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp (SVTN)

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	Kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN)									
1	Kỹ năng giao tiếp (với khán giả, đồng nghệp,...)	0	0	1	3,33	28	93,34	1	3,33	30
2	Kỹ năng làm việc nhóm	0	0	1	3,33	26	86,67	3	10	
3	Kỹ năng thuyết trình	0	0	2	6,67	28	93,33	0	0	
4	Kỹ năng lắng nghe	0	0	2	6,67	21	70	7	23,33	
5	Kỹ năng quan sát	0	0	1	3,33	25	83,33	4	13,33	
6	Tác phong (chuẩn mực đạo đức, hành vi, cách cư xử,...)	0	0	1	3,33	25	83,33	4	13,33	30
	Năng lực chuyên môn									
7	Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chuyên môn	0	0	3	10	19	63,33	8	26,67	30
8	Năng lực làm chủ kiến thức chuyên môn trong hoạt động của cơ quan đơn vị được tuyển dụng.	0	0	1	3,33	22	73,33	7	23,33	30
9	Năng lực sử dụng các phương tiện hỗ trợ công tác (máy quay phim, thiết bị phục vụ biểu diễn...)	0	0	0	0	27	90	3	10	30
10	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.	0	0	0	0	8	26,67	22	73,33	30
	Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh									
11	Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công	0	0	2	6,67	19	63,33	9	30	30

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	tác.									
12	Năng lực phối hợp với đồng nghiệp để triển khai công việc.	0	0	3	10	27	90	0	0	30
Năng lực phát triển cá nhân										
13	Năng lực tham gia các hoạt động xã hội	0	0	0	0	23	76,67	7	23,33	30
14	Năng lực tự đánh giá kết quả làm việc của bản thân	0	0	1	3,33	15	50	14	46,67	30
15	Năng lực tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ	0	0	2	6,67	27	90	1	3,33	30
16	Năng lực thích nghi với môi trường làm việc	0	0	2	6,67	15	50	13	43,33	30
17	Khả năng chịu áp lực với công việc	0	0	3	10	19	63,33	8	26,67	30
Thái độ làm việc										
18	Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc	0	0	0	0	11	36,67	19	63,33	30
19	Năng động, sáng tạo trong công việc	0	0	0	0	12	40	18	60	30
20	Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn	0	0	0	0	22	73,33	8	26,67	30
21	Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc	0	0	0	0	27	90	3	10	30
22	Kỹ năng mềm	0	0	0	0	22	73,33	8	26,67	30
23	Kiến thức xã hội	0	0	2	6,67	19	63,33	9	30	30
24	Kiến thức chuyên môn	0	0	1	3,33	23	76,67	6	20	30

**Bảng 12: Tỷ lệ các khối kiến thức trong chương trình đào tạo QPĐA
áp dụng các năm**

Khối kiến thức	Khóa 2018		Khóa 2023	
	Số tín chỉ/ số đơn vị học phần	Tỷ lệ	Số tín chỉ/ số đơn vị học phần	Tỷ lệ
Nhóm Giáo dục đại cương	36	24,82%	37	24,02%
Nhóm môn chung bắt buộc	11	7,58%		
Nhóm Kiến thức cơ sở ngành	32	22,06%	50	32,46%
Nhóm kiến thức chuyên ngành	64	44,13%	60	38,96%
Bổ trợ				
Thực hành, thực tập nghề nghiệp				
Khóa luận tốt nghiệp	10	6,89%	7	4,54%
Tổng	145		154	

**Bảng 13: Đánh giá mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động
đối với SV tốt nghiệp**

	Đánh giá chung	Mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động										Tổng cộng
		Chưa hài lòng		Hài lòng một phần		Phân vân		Hài lòng		Rất hài lòng		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Kỹ năng mềm	0	0%	0	0	1	3,33	25	83,33	4	13,34	100%
2	Kiến thức chuyên môn	0	0%	0	0%	2	6,67	19	63,33	9	30	100%
3	Kỹ năng chuyên môn	0	0%	0	0%	1	3,33	27	90	2	6,67	100%
4	Thái độ làm việc	0	0%	0	0	1	3,33	20	66,67	9	30	100%

Bảng 14: Đánh giá của người học về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong đề cương chi tiết học phần và chương trình đào tạo ngành QPĐA năm học 2022- 2023

Câu hỏi	Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Câu 1	Giảng viên (GV) có tác phong sư phạm chuẩn mực.	Số lượng	0	0	0	17	13	30
		Tỷ lệ %	0	0	0%	56,67%	43,33%	100%
Câu 2	GV nhiệt tình hỗ trợ sinh viên (SV) trong học tập và NCKH (NCKH).	Số lượng	0	0	0	23	7	30
		Tỷ lệ %	0	0	0%	76,67%	23,33%	100%
Câu 3	GV có năng lực chuyên môn tốt	Số lượng	0	0	0	11	19	30
		Tỷ lệ %	0	0	0%	33,67%	63,33%	100%
Câu 4	GV có phương pháp truyền đạt cuốn hút, dễ hiểu.	Số lượng	0	0	1	28	1	30
		Tỷ lệ %	0	0	3,33%	93,94%	3,33%	100%
Câu 5	GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	Số lượng	0	0	0	21	9	30
		Tỷ lệ %	0	0	0%	70%	30%	100%
Câu 6	GV sử dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, phát huy tính tích cực của người học.	Số lượng	0	0	0	11	19	30
		Tỷ lệ %	0	0	0%	33,67%	63,33%	100%
Câu 7	GV tạo động lực để thúc đẩy việc tự học, tự nghiên cứu của SV.	Số lượng	0	0	1	28	1	30
		Tỷ lệ %	0	0	3,33%	93,94%	3,33%	100%
Câu 8	Hoạt động giảng dạy của GV gắn với định hướng nghề nghiệp cho SV.	Số lượng	0	0	2	25	3	30
		Tỷ lệ %	0	0	6,67%	83,33%	10%	100%

Bảng 15: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Giáo sư	0	0	0	
2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	1	1	0	
3	Tiến sĩ	2	2	2	
4	Thạc sĩ	8	8	0	
5	Đại học	3	2	0	
	Tổng số	14	13	2	

Bảng 16: Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

ST T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
			(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	7,14%	0	1	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	2	14,28%	1	1	0	1	2	0	0
4	Thạc sĩ	8	57,14%	3	5	0	15	0	0	0
5	Cử nhân	3	21,42%	2	1	0	1	0	0	0
	Tổng	14		6	8	0	17	2	0	0

Bảng 17: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành QPĐA (chính quy và không chính quy) 2019-2024

Năm học	Tổng số giảng viên cơ hữu ngành QPĐA	Tổng số sinh viên ngành QPĐA	Tỷ lệ GV/SV ngành ĐDDA
2019-2020	2	19	1/9.5
2020-2021	2	20	1/10
2021-2022	2	21	1/10.5
2022-2023	2	19	1/9.5
2023-2024	2	20	1/10

Bảng 18: Thành tích TĐKT của giảng viên Khoa Nghệ thuật điện ảnh (2019-2024)

Năm học	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ VH-TT-DL	Các giải thưởng	Bằng khen của Thủ tướng	Huân chương lao động
2019-2020	1	0	1	1	0	0
2020-2021	1	0	0	1	0	0
2021-2022	1	0	0	0	0	0
2022-2023	1	0	0	0	0	0
2023-2024	0	0	0	0	0	0

Bảng 19: Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa Nghệ thuật điện ảnh (2019-2024)

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2019-2020	1	0	1	2
2020-2021	1	0	0	1
2021-2022	2	0	1	3
2022-2023	2	0	0	2
2023-2024				
Tổng số	6	0	2	8

Bảng 20: Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Nghệ thuật điện ảnh (2019-2024)

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số*	Số lượng					Tổng
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)	1,5	0	0	0	0		0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	1	2		5
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	4	3	3		16

*Hệ số: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước.

Bảng 21: Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa Nghệ thuật điện ảnh giai đoạn 2019-2024

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2023-2024	586	586	0
2022-2023	586	586	0
2021-2022	586	586	0
2020-2021	586	586	0
2019-2020	586	586	0

Bảng 22: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (từ năm 2019 đến 2024)

Năm học	Ứng viên				
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn	Điểm trung bình của TS trúng tuyển
2023-2024	82				
2022-2023	77	23	20	16.75	20.93
2021-2022	74	18	17	17.25	20
2020-2021	73	14	10	16.50	20
2019-2020	68	19	17	17.00	19.68

Bảng 23: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành QPĐA (từ năm 2019 đến 2024)

Năm học	Người Học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2023-2024						
2022-2023						
2021-2022						
2020-2021						
2019-2020						

Bảng 24: Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường Đại học SKĐAHN

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Sách	2727/ 29489 cuónsách	2752/ 29514 cuónsách	2727/ 29489 cuónsách	2752/ 29514 cuónsách	2752/ 29514 cuónsách
Khóa luận tốt nghiệp	3.052	3.325	3.574	3.574	3.574

Bảng 25: Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa Nghệ thuật điện ảnh

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Sách	2690/ 29452 cuốn sách	2710/ 29472 cuốn sách	2727/ 29489 cuốn sách	2752/ 29514 cuốn sách	2752/ 29514 cuốn sách
Khóa luận tốt nghiệp	2.721	3.052	3.325	3.574	3.574

Bảng 26: Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và Tỷ lệ thôi học của SV ngành QPĐA từ khóa tuyển sinh 2019 đến 2024.

Khóa	Tổng số sinh viên toàn khóa	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Số lượng SV chưa tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học trong năm thứ				
					1	2	3	4	Tổng
K35 (2015 – 2019)	7	76.92			1	2	0	1	4
K35 (2015 – 2019) (chất lượng cao)	04 (ĐDDA)			0	0	0	2 (ĐDDA)		2
K36 (2016 – 2020)	17	52.94			0	1	1	2	4
K37 (2017 – 2021)	10	-	-	-	0	3	1	1	5
K38 (2018 – 2022)	17	-	-	-	0	1	0		
K39 (2019 – 2023)	17	-	-	-	0	1	0		
K40 (2023 – 2024)	17	-	-	-	0	1	0		

* Số liệu tính đến thời điểm tháng 9/2023.

DANH MỤC MINH CHỨNG SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TĐG CTĐT (PHỤ LỤC 9)

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Các văn bản quy định trong việc xây dựng chương trình đào tạo BKDA	- TT Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 - Luật Giáo dục Số 08/2012/QH13 ngày 06/08/2012 - Luật giáo dục Số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015	ĐH SKĐA HN	P. ĐT, QLKH & HTQT
			- Thông tư 07: Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu.		Bộ GD & ĐT	
			- Luật giáo dục ĐH 2012		Quốc hội	
			- Luật giáo dục 2015			
	2	H1.01.01.02	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSKĐA HN	Quyết định số 731/QĐ-SKĐA HN ngày 02/8/2022 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu, Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	ĐH SKĐA HN	Phòng KT & ĐBCLGD
	3	H1.01.01.03	Mục tiêu đào tạo chương trình QPĐA	Ban hành kèm theo Quyết định số 727/QĐ-SKĐA HN, ngày 26/7/2018	ĐH SKĐA HN	

	4	H1.01.01.04	Mục tiêu đào tạo chương trình QPĐA trước năm 2018	Ban hành kèm theo Quyết định số./QĐ-SKĐAHN, ngày/...../20.....	ĐH SKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	5	H1.01.01.05	Các văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành QPĐA	Biên bản họp Khoa, biên bản giao nhiệm vụ cho các giảng viên thực hiện.	Khoa NTĐA	
	6	H1.01.01.06	Công văn lấy ý kiến các BLQ về Chương trình đào tạo QPĐA	Phiếu khảo sát thông tin (trong chu kỳ đánh giá từ năm 2019-2024)	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	7	H1.01.01.07	Kết quả lấy ý kiến phản hồi các BLQ	Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các BLQ (Ghi rõ ngày tháng năm hoàn thành bảng tổng hợp).	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01.	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Kế hoạch số 558/KH-SKĐAHN ngày 30/8/2017	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	2	H1.01.02.02.	- Bản mô tả/ đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương môn học/ học phần; ma trận các kỹ năng -Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2018	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	3	H1.01.02.03.	Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2019	Trích bản mô tả CTĐT.	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02.DC
	4	H1.01.02.04.	- Tổng hợp kết quả học tập của sinh viên (bảng TN, bảng điểm 5 năm). - Những tác phẩm SV đạt giải trong các cuộc thi	Bảng điểm, bảng xếp loại tốt nghiệp Có 09 giải thưởng (liệt kê)	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT K.NTĐA
	5	H1.01.02.05	Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà Khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến Khoa NTĐA (ngành QPĐA)	Giai đoạn 2019-2024	Khoa NTĐA	Khoa NTĐA

			Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm và chất lượng khóa học dành cho cựu SV ngành QPĐA từ năm 2018 - 2023	Thư ngỏ của Nhà trường gửi các cựu SV kèm phiếu khảo sát	SKĐAHN	Khoa NTĐA
Tiêu chí 1.3	1	H1.01.03.01	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT ;Khoa NTĐA H1.01.02.1
	2	H1.01.03.02	Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về CTĐT	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA H1.01.02.05
	3	H1.01.03.03	Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực ngành QPĐA trên thị trường	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	4	H1.01.03.04	Bảng ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA H1.01.02.05
	5	H1.01.03.05	Quyết định ban hành, Biên bản họp rà soát CTĐT.	Biên bản họp 25/4/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01
	6	H1.01.03.06	Sổ tay sinh viên; đường link website để xem các thông tin về CĐR	http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐAHN	Website Trường
Tiêu chuẩn 2	2					
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01	- Các văn bản liên quan đến việc triển khai hoạt động cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT - Chương trình đào tạo trước năm 2018 và CTĐT sau năm 2018, những bổ sung, chỉnh sửa liên quan đến CTĐT QPĐA (bao gồm cả CTĐT tài năng)	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01

	2	H2.02.01.02	Bản mô tả chương trình đào tạo QPĐA	Quyết định số ngày tháng	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
	3	H2.02.01.03	Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành QPĐA trước và sau điều chỉnh năm 2018	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
	4	H2.02.01.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các BLQ đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	B/bản họp năm 2018 Báo cáo của Khoa ngày 31/01/2018 Giấy đề nghị thông qua các nội dung sửa đổi CTĐT ngày 27/2/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
Tiêu chí 2.2	1	H2.02.02.01	Quy trình xây dựng đề cương môn học	Mẫu thiết kế đề cương chi tiết.	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
	2	H2.02.02.02	Chương trình đào tạo ngành QPĐA	Quyết định số 118/QĐ-SKĐAHN ngày 31/10/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
	3	H2.02.02.03	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành QPĐA	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
	4	H2.02.02.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các BLQ đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu)	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA H2.02.01.04
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01	website của Trường http://skda.edu.vn/	Web Trường	ĐH SKĐAHN	Ban QT WEB
	2	H2.02.03.02	Thông báo những cập nhật, thay đổi về	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH &

			CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị); thông báo về các thông tin trong xây dựng chương trình đào tạo tài năng			HTQT
	3	H2.02.03.03	Phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (có mục hỏi về việc công bố đề cương môn học/ học phần) và những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của giảng viên Khoa NTĐA.	Trích kết quả phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa	ĐH SKĐAHN	P.KT ĐBCLGD
	4	H2.02.03.04	Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ	Quyết định số ngày tháng	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT H2.02.01.02
Tiêu chuẩn 3	3					
Tiêu chí 3.1	1	H3.03.01.01	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình dạy học (Biên bản họp Khoa, biên bản họp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT).	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	2	H3.03.01.02	Bản tổng hợp góp ý của các BLQ về CTDH; Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA H1.01.02.02
	3	H3.03.01.03	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành QPĐA	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	4	H3.03.01.04	Ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT H1.01.01.06

	5	H3.03.01.05	Bản mô tả chương trình đào tạo; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành QPĐA năm 2018 phân theo nội dung (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp - đồ án TN; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN CNQPĐA năm 2018 phân theo thời gian (học kỳ)	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	6	H3.03.01.06	Bản mô tả học phần/ môn học	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	7	H3.03.01.07	Kế hoạch giảng dạy	Kế hoạch giảng dạy từng kỳ Giai đoạn 2019-2024	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT	ĐH SKĐAHN
Tiêu chí 3.2	1	H3.03.02.01	- Bản mô tả Chương trình dạy học; - Bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng.	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	2	H3.03.02.02	- Đề cương chi tiết các môn học; - Hồ sơ giảng viên. - Ngân hàng câu hỏi thi/ đề thi.	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	3	H3.03.02.03	- Kết quả học tập của các khóa ngành QPĐA giai đoạn 2018- 2023; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;	Giai đoạn 2019-2024	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa TNTĐA	Khoa NTĐA P.Khảo thí &ĐBCLGD H2.02.03.03

Tiêu chí 3.3	1	H3.03.03.01	- Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo nội dung Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo thời gian	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT KNTĐA H1.01.02.01
	2	H3.03.03.02	- Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. - Ma trận kỹ năng	23 ý kiến (các ý kiến đánh giá tương đối tốt).	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT
	3	H3.03.03.03	Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. - Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành QPĐA trước và sau điều chỉnh năm 2018	Biên bản họp	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT
	4	H3.03.03.04	Bảng đối sánh CTĐT với hai trường đại học quốc tế (trường INSAS của Bỉ và Đại học Nam California)	Bảng so sánh	Khoa NTĐA	Khoa NTĐA H1.01.03.02
Tiêu chuẩn 4	4					
Tiêu chí 4.1	1	H4.04.01.01	- Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội; Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT; Trang Website của Trường	Quyết định số 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/8/2022 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu, Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	ĐH SKĐAHN	P.HCTH; K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01
	2	H4.04.01.02	- Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/học phần;	Giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02

			Đề cương chi tiết các môn học sau năm 2018			
	3	H4.04.01.03	Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành QPĐA trước và sau điều chỉnh năm 2018 - Quy trình xây dựng CTĐT tài năng ngành QPĐA	QĐ số 869/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019. QĐ số 873/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019. B/bản họp Khoa ngày 15/10/2019	ĐH SKĐAHN	H1.01.01.05 H2.02.01.03 NTĐA ĐT, QLKH & HTQT
	4	H4.04.01.04	Tổng hợp ý kiến khảo sát của bên liên kiến khảo sát của các bên liên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H2.02.01.04
	5	H4.04.01.05	Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CĐR, đề cương chi tiết các môn học ngành QPĐA	Thông báo số 158/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2017	ĐH SKĐAHN	NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02
	6	H4.04.01.06	Hồ sơ giảng viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	NTĐA ĐT, QLKH & HTQT H3.03.01.07
	7	H4.04.01.07	Sổ tay sinh viên, các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường; tờ rơi quảng bá về Trường trong các ngày hội tuyển sinh	Dùng chung MC H8.08.04.02 Dùng chung MC H8.08.04.03	ĐH SKĐAHN	NTĐA P.CTHSSV H3.03.01.07

	8	H4.04.01.08	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Trích kết quả của Khoa NTĐA	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD Dùng chung MC H3.03.02.03
Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01	- Các văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT; - Quy chế khảo thí; - CTĐT ngành QPĐA	Giấy đề nghị ngày 23/10/2017 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021.	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA P. Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H4.04.02.02	Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA
	3	H4.04.02.03	Hồ sơ giảng viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB Khoa NTĐA
	4	H4.04.02.04	Bản mô tả CTĐT	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA
	5	H4.04.02.05	Bản đối sánh CTĐT trước và sau 2018	Năm 2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA
	6	H4.04.02.06	Danh sách giảng viên, kế hoạch giảng dạy CNQPĐA Giai đoạn 2018-2023	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	7	H4.04.02.07	Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ	Giai đoạn 2019 - 2024	Khoa NTĐA	Khoa NTĐA T
	8	H4.04.02.08	Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên; sổ tay giảng viên; nhật ký giảng dạy...	Giai đoạn 2019 - 2024	Khoa NTĐA	Khoa NTĐA
	9	H4.04.02.09	Kết quả khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	T/báo số 217/TB-SKĐA ngày 14/6/2019 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2018-2019 T/báo số 286/TB-SKĐA ngày 14/8/2020 về việc	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA, Phòng KT & ĐBCLGD

				thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2019-2020 T/báo số 284/TB-SKĐA ngày 05/7/2021 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ II năm học 2020-2021		
	10	H4.04.02.10	Đề cương chi tiết các môn học	Phiên bản các năm trước và trong thời kỳ tự đánh giá (2015-2021). 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	11	H4.04.02.11	Minh chứng được trích từ kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA Phòng KT & ĐBCLGD
	12	H4.04.02.12	Thống kê danh sách sinh viên ngành QPĐA đạt được các giải thưởng	Giai đoạn 2019 - 2024	Khoa NTĐA	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01	Bản mô tả CTĐT/ môn học/ học phần; đề cương chi tiết các môn học; Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập, chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA H1.01.02.02
	2	H4.04.03.02	Đề cương chi tiết môn học	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	3	H4.04.03.03	Phản hồi của người học	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD

	4	H4.04.03.04	Hoạt động ngoại khóa của Đoàn TNCS HCM	Hình ảnh, bài viết giai đoạn 2019-2024	ĐH SKĐAHN	Đoàn TNCSHCM H4.04.01.07
	5	H4.04.03.05	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của ngành QPĐA được bổ sung qua các năm (2018-2023)	Thống kê danh sách	ĐH SKĐAHN	TTTTTV
	6	H4.04.03.06	Minh chứng liên quan đến hội thi Tài năng sinh viên, LHP Ong Vàng	Thông báo áp phíc của Khoa	ĐH SKĐAHN	KNTĐA
	7	H4.04.03.07	Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD
	8	H4.04.03.08	Trích số liệu khảo sát việc làm của sinh viên ngành QPĐA; ý kiến phản hồi của các BLQ (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/ chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để tiếp cận công nghệ/ dây chuyền sản xuất mới).	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Phòng CT HSSV
Tiêu chuẩn 5	5					
Tiêu chí 5.1	1	H5.05.01.01	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của ngành QPĐA. Đề án tuyển sinh riêng	Đề án TS từ năm 2019 đến 2024	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
	2	H5.05.01.02	Thông báo tuyển sinh năm văn bằng 2	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT H8.08.02.2
	3	H5.05.01.03	Quy chế đào tạo đại học (quy chế 25); Quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá Quy định khảo thí	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN	BGD&ĐT ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD

				ngày 19/02/2021 về việc ban hành Quy định công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN		
	4	H5.05.01.04	Bản mô tả CTĐT/ĐC chi tiết các môn học	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	5	H5.05.01.05	Các văn bản hướng dẫn thực tập, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp, văn bản mô tả quy trình thi tốt nghiệp	Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006	Bộ GD&ĐT	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	2	H5.05.02.02	Quy định của Trường ĐHSKĐAHN về kiểm tra, đánh giá (quy chế khảo thí). Mô tả quy trình kiểm tra đánh giá của Khoa NTĐA;	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021 Trích bản mô tả CTĐT	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí &ĐBCLGD
	3	H5.05.02.03	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa NTĐA
	4	H5.05.02.04	Sổ tay sinh viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Phòng CTHSSV Khoa NTĐA
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của giảng viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 5.3	1	H5.05.03.01	Quy chế đào tạo hiện hành; quy chế khảo thí; Các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021 Quyết định số 1324/QĐ-	Bộ Giáo dục &ĐT SKĐAHN	P..Khảo thí & ĐBCLGD

				SKĐAHN ngày 30/12/2015		
	2	H5.05.03.02	Các minh chứng, ví dụ cụ thể về bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận của ngành QPĐA	Liệt kê bài tập, bài thuyết trình 2019-2024	SKĐAHN	Khoa NTĐA
	3	H5.05.03.03	Biên bản các cuộc họp đánh giá đề thi của bộ môn; các bộ câu hỏi thi được duyệt	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Khoa NTĐA P. ĐT, QLKH & HTQT
	4	H5.05.03.04	Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA P.Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H5.05.03.05	Quy chế khảo thí, đáp án kèm ngân hàng câu hỏi thi	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	6	H5.05.03.06	Các phiếu coi thi, chấm thi của CNQPĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01	Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá. (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Quy định về công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khảo thí & ĐBCLGD Khoa NTĐA
	2	H5.05.04.02	Website, fanpage của Khoa/ Trường		SKĐAHN	Khoa NTĐA
	3	H5.05.04.03	Sổ tay sinh viên	Giai đoạn 2018-2023	SKĐAHN	P. CT HS/SV
	4	H5.05.04.04	Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại Khoa Nghệ thuật điện ảnh	Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021 Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021	SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H5.05.04.05	Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD

Tiêu chí 5.5	1	H5.05.05.01	Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá. (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; P.Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H5.05.05.02	Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sở tay sinh viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA; Phòng CT HS,SV
	3	H5.05.05.03	Biên bản họp lớp, sở tay chủ nhiệm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
Tiêu chuẩn 6						
	1	H6.06.01.01	Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và tầm nhìn 2030(Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày 15/12/2011); Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013) Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020(Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL (09/01/2014); Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia	Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL ngày 09/1/2014 Quyết định số 544/QĐ- SKĐAHN ngày 15/12/2011. Quyết định số 644/QĐ- SKĐAHN ngày 15/12/2011; Kế hoạch tháng 5 năm 2013	ĐHSKĐAHN	P.HCTH

			(QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)			
	2	H6.06.01.02	Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường	Quyết định số 1596/QĐ-BVHTTDT ngày 19/5/2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	3	H6.06.01.03	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 201-2023.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	4	H6.06.01.04	Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch	Hướng dẫn số 61/HD-BCSĐ-BVHTTDT ngày 30/11/2012 Công văn số 40/CV-BCS Đảng BVHTTDT ngày 11/4/2017 Hướng dẫn số 28/HD-BCSĐ-BVHTTDT ngày 15/3/2017 Công văn số 5212/CV-BVHTTDT ngày 19/11/2018	BỘ VHTTDT	Phòng HC,TH (TCCB)
	5	H6.06.01.05	Các văn bản quy định của trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong trường.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	6	H6.06.01.06	Đề án vị trí việc làm của Khoa (trích Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt)	Quyết định số 4965/QĐ-BVHTTD ngày 28/12/2018	Bộ VHTTDL	Phòng HC,TH (TCCB)
	7	H6.06.01.07	Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) Khoa NTĐA

			cán bộ công chức, viên chức; Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.			
	8	H6.06.01.08	- Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên của ngành QPĐA trong 5 năm (2019-2024); Trong đó trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2019 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	9	H6.06.01.09	Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường Giai đoạn 2019-2024 Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội	Trích thông tin của các giảng viên Khoa NTĐA - CNQPĐA	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	10	H6.06.01.10	Danh mục bằng ngoại ngữ, chứng chỉ học tập tại nước ngoài của giảng viên giảng dạy ngành QPĐA	Có tổng hợp danh sách và chứng chỉ	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	11	H6.06.01.11	Chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) H6.06.01.3

Tiêu chí 6.2	1	H06.06.02.01	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	2	H06.06.02.02	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên bộ môn QPĐA Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	3	H06.06.02.03	Danh sách giảng viên thỉnh giảng Khoa NTĐA - ngành QPĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) K.NTĐA
	4	H06.06.02.04	Thông tư số 24/2015 /TT/BGD&ĐT	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT ngày 23/9/2015	Bộ GDĐT	
	5	H06.06.02.05	Thông tư số 32/2015 /TT/BGD&ĐT	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT ngày 16/12/2015	Bộ GDĐT	
	6	H06.06.02.06	Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014	Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 Quyết định 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020	Bộ GDĐT	
	7	H06.06.02.07	Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020	Bộ GDĐT	
	8	H06.06.02.08	Hồ sơ thi đua khen thưởng lưu phòng TCCB	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	9	H06.06.02.09	Biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm học	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA

	10	H06.06.02.10	Danh sách tăng lương/ danh sách thi đua (2015-2020)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	11	H06.06.02.11	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải thưởng của giảng viên Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	12	H06.06.02.12	Hồ sơ phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (giảng viên Khoa NTĐA)	Thông báo 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 Thông báo 286/TB-SKĐAHN ngày 14/8/2020 Thông báo 284/TB-SKĐAHN ngày 5/7/2021	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Những văn bản quy định cụ thể về tiêu chí tuyển giảng viên (trích thông báo tuyển giảng viên)	Thông báo số 343/TB-SKĐAHN ngày 8/6/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H6.06.03.02	Thông báo tuyển GV (website....)	Thông báo số 343/TB-SKĐAHN ngày 8/6/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H6.06.03.03	Các quy định tuyển dụng trước 2019	Kế hoạch số 305/KH-SKĐAHN ngày 15/5/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H6.06.03.04	Đề án tự tuyển dụng của Trường	Kế hoạch số 305/KH-SKĐAHN ngày 15/5/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H6.06.03.05	Hồ sơ giảng viên/ hợp đồng giảng dạy	Hồ sơ lưu trữ tại Bộ phận TCCB	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	6	H6.06.03.06	Quyết định thành lập hội đồng sát hạch giảng viên (hội đồng dự giờ giảng)	Quyết định. số 1558/QĐ-SKĐAHN 30/12/2016 Quyết định. số 430/QĐ-SKĐAHN 18/5/2020	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB

	7	H6.06.03.07	Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn tập sự	Số quyết định	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA Bộ phận TCCB
	8	H6.06.03.08	Danh sách giảng viên thỉnh giảng cho Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA H6.06.02.03
	9	H6.06.03.09	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch giảng viên (lưu tại bộ phận TCCB); hồ sơ năng lực giảng viên.	Bộ phận TCCB lưu có ý kiến bao giờ cần sẽ trình).	ĐH SKĐA HN Bộ phận TCCB	Bộ phận TCCB
	2	H6.06.04.02	Các văn bản thông báo về tổ chức cho giảng viên tham gia hoạt động sáng tác; Các minh chứng từ giảng viên được tham gia các hoạt động sáng tác.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
	3	H6.06.04.03	Danh sách giảng viên Khoa NTĐA tham dự các hoạt động nghệ thuật được Nhà trường đề cử	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
	4	H6.06.04.04	Thống kê các giải thưởng mà GV Khoa NTĐA đã đạt được trong	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
	5	H6.06.04.05	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P HCTH (TCCB)
	6	H6.06.04.06	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV; văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức	(Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015)	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB Khoa NTĐA
	7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn	Quyết định số 1889/QĐ-BVHTTDT ngày 15/6/2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
	8	H6.06.04.08	Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để	Thông báo số 582/TB-SKĐA HN ngày 8/9/2017	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB

			hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành văn bản.	Có tổng hợp ý kiến		
	9	H6.06.04.09	thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên qua các năm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB H6.06.04.07
	10	H6.06.04.10	Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hằng năm (Kết quả đánh giá giảng viên Khoa NTĐA) (2019-2024)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB H6.06.02.08
	11	H6.06.04.11	Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có Khoa NTĐA) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2019-2024)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
	12	H6.06.04.12	Thống kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Trích lục đối với Khoa NTĐA	ĐH SKĐA HN	P.Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.02.12
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.05.01	Các văn bản liên quan đến việc cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo....(quyết định cử đi học); Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV.	Quyết định số 995/QĐ-SKĐA HN ngày 14/9/2018 Quyết định số 1288/QĐ-SKĐA HN ngày 5/11/2020 Quyết định số 302/QĐ-SKĐA HN ngày 24/4/2020 Quyết định số 197/QĐ-SKĐA HN ngày 12/3/2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB P.CTHSSV
	2	H6.06.05.02	Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài; Quy chế đối ngoại	Công văn số 2360/QĐ-BVHTTDT-ĐT ngày 25/6/2020 Công văn số 2481/QĐ-	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH&HTQT Bộ phận đối ngoại

				BVHTTDT-ĐT ngày 07/6/2018 Quyết định số 678/QĐ-SKĐAHN ngày 23/6/2020		
	3	H6.06.05.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 36/QĐ-SKĐAHN ngày 05/01/2017	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận Tài vụ
	4	H6.06.05.04	Thông tin do Khoa NTĐA cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các LHP QG, CDV, LHP sinh viên các trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế	Có các MC về thông tin về LH phim (lưu tại Khoa)	ĐHSKĐAHN	Khoa NTĐA
Tiêu chí 6.6	1	H6.06.06.01	Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa NTĐA	Dùng chung MC H6.06.01.06		
	2	H6.06.06.02	- Minh chứng về: phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020) - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa NTĐA)	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV Kế hoạch kiểm tra số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021. Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021. Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH P. Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.02.12

	3	H6.06.06.03	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.ĐT,QLKH & HTQT Khoa NTĐA H3.03.01.07
	4	H6.06.06.04	Các biên bản họp bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau tại Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC,TH H6.06.02.08
	5	H6.06.06.05	- Quy chế thi đua khen thưởng của Trường - Văn bản quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB H6.06.02.08
	6	H6.06.06.06	Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2018 đến 2023) Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có Khoa NTĐA) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2018-2023)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu...để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	ĐSKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB
	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017.	ĐH SKĐAHN	Viện SKĐA

	3	H6.06.07.03	- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020) - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa NTĐA) Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015) Kế hoạch số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021. Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021. Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021)	ĐH SKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB P.Khảo thí & ĐBCLGD
	3	H6.06.07.04	Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài Danh mục giải thưởng của GV Khoa NTĐA (2019-2024) (Khoa tổng hợp)	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.04.04
	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐH SKĐAHN	Viện SKĐA
	6	H6.06.07.06	Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐH SKĐAHN	Viện SKĐA
	7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	Quyết định số 15/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2015 Quyết định số 996/QĐ-SKĐAHN ngày 16/10/2015 Quyết định số 79/QĐ-SKĐAHN ngày 28/1/2016 Quyết định số 714/QĐ-SKĐAHN ngày 17/5/2016		

				Quyết định số 280/QĐ-SKĐAHN ngày 14/4/2016 Quyết định số 1330/QĐ-SKĐAHN ngày 10/11/2016 Quyết định số 73/QĐ-SKĐAHN ngày 09/2/2017 Quyết định số 172/QĐ-SKĐAHN ngày 10/3/2017 Quyết định số 343/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2017 Quyết định số 374/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2017 Quyết định số 235a/QĐ-SKĐAHN ngày 21/3/2017 Quyết định số 1285/QĐ-SKĐAHN ngày 13/11/2017 Quyết định số 28/QĐ-SKĐAHN ngày 9/01/2018 Quyết định số 190/QĐ-SKĐAHN ngày 27/2/2018 Quyết định số 1253/QĐ-SKĐAHN ngày 9/11/2018 Quyết định số 135/QĐ-SKĐAHN ngày 21/2/2019 Quyết định số 194/QĐ-SKĐAHN ngày 15/3/2019 Quyết định số 1161/QĐ-SKĐAHN ngày 7/01/2019 Quyết định số 154/QĐ-		
--	--	--	--	---	--	--

				SKĐAHN ngày 2/3/2020 Quyết định số 411/QĐ- SKĐAHN ngày 18/5/2020 Quyết định số 1330/QĐ- SKĐAHN ngày 18/11/2020		
Tiêu chuẩn 7	7					
Tiêu chí 7.1	1	H07.07.01.01	Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển ĐNNV (2019-2024).	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.01.02	Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của ĐNNV	Trích trong đề án VTVL	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.01.03	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) giai đoạn 2019-2024	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H07.07.01.04	Đề án vị trí việc làm	Công văn số 3403/BVHTTDL- TCCBNgày 30/9/2014.	Bộ VHTTDT	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.01.05	Minh chứng về việc phân công nhân viên (các phòng chức năng) trực tiếp hỗ trợ Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB H6.06.01.6
	6	H07.07.01.06	Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Đề án vị trí việc làm	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	7	H07.07.01.07	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Nghị quyết 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	8	H07.07.01.08	Quy chế chi tiêu nội bộ	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận Tài vụ
	9	H07.07.01.09	Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên chức	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB

	10	H07.07.01.10	Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ	Các Quyết định cử đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ học phí	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	11	H07.07.01.11	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB Khoa NTĐA
	12	H07.07.01.12	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2019 - 2024)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.2	1	H07.07.02.01	Minh chứng về các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.02.02	Hồ sơ của ĐNNV	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Bộ phận web trường
	3	H07.07.02.04	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2019 - 2024)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.02.05	Hồ sơ nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H07.07.02.06	Minh chứng về việc điều chuyển nhân viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.3	1	H07.07.03.01	Quy chế thi đua của Trường	Các phiên bản của quy chế này Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.03.02	Các bản đăng ký thi đua hằng năm của ĐNNV	Văn bản thống kê các năm Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB

	3	H07.07.03.03	Báo cáo thành tích của ĐNNV (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.03.04	Kết quả thi đua hằng năm (hồ sơ thi đua)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.03.05	Mình chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế, phiếu góp ý của các đơn vị)	Thông báo số 582/TB-SKDAHN ngày 8/9/2017	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H7.07.03.06	Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hằng năm của ĐNNV	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	7	H7.07.03.07	Mình chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa NTĐA được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí”	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.4	1	H07.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách ĐNNV của Trường tham gia học tập.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và mình chứng về chi trả kinh phí của Nhà Trường	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	4	H07.07.04.04	Mình chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.04.05	Sơ yếu lý lịch viên chức hằng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB

	6	H07.07.04.06	Minh chứng về việc phân bổ ngân sách đào tạo cho ĐNNV	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TV
	7	H7.07.04.07	Danh sách ĐNNV được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.5	1	H07.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc	Quyết định số 4965/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.05.03	Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	4	H07.07.05.04	Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2019-2024)	Trích biên bản họp ngày 15/10/2018 Trích biên bản họp ngày 30/9/2019 Trích biên bản họp ngày 24/9/2020	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H07.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Quy định thi đua khen thưởng	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	7	H7.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2019-2024)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	8	H7.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	9	H7.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2019-2024)	Giai đoạn 2019 - 2024	Ban Thanh tra nhân dân	Bộ phận TTND

Tiêu chuẩn 8	8					
Tiêu chí 8.1	1	H08.08.01.01	Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường	Thông báo TS số 71/TB-SKĐAHN ngày 8/3/2016; Thông báo TS số 142/TB-SKĐAHN ngày 20/3/2017; Thông báo TS số 102/TB-SKĐAHN ngày 28/2/2018; Thông báo TS số 89/TB-SKĐAHN ngày 11/3/2019; Thông báo TS số 139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021 Đề án tuyển sinh từ năm 2017 đến 2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT,QLKH&HTQT
	2	H08.08.01.02	http://skda.edu.vn . Thông tin (băng đĩa, hình ảnh trong Ngày hội tuyển sinh - thường tổ chức đầu năm ở Đại học Bách Khoa HN)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa NTĐA
	3	H08.08.01.03	Các thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa/ Facebook của Trường.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa NTĐA
	4	H08.08.01.04	Thông tin minh chứng về lớp giải đáp thắc mắc (2018-2023)	Kế hoạch số 102-KH-SKĐAHN ngày 28/2/2018 Kế hoạch số 89-KH-SKĐAHN ngày 11/3/2019	ĐH SKĐAHN	Khoa NTĐA
	5	H08.08.01.05	Minh chứng về việc đưa thông tin tuyển sinh về các địa phương; đón học sinh THPT đến thăm quan trải nghiệm tại Trường	Kế hoạch số 418/KH-SKĐAHN ngày 8/11/2019	ĐH SKĐAHN	P.ĐT,QL KH&HTQT Khoa NTĐA

	6	H08.08.01.06	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh hằng năm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
Tiêu chí 8.2	1	H08.08.02.01	Văn bản quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm (2018-2023)	Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015	Bộ GDĐT	P.ĐT, QLKH & HTQT
	2	H08.08.02.02	Đề án tuyển sinh của Trường ĐHSKĐA HN	Đề án tuyển sinh của trường các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	3	H08.08.02.03	Danh sách HĐTS, các Ban phục vụ TS, Ban TTr (2018-2023)	Quyết định số 436/QĐ – SKĐA HN ngày 14/5/2019 Quyết định số 955/QĐ – SKĐA HN ngày 14/8/2020	ĐH SKĐA HN	P. HC, TH Bộ phận TCCB
	4	H08.08.02.04	Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm	Quy chế tuyển sinh giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
	5	H08.08.02.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)	Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 6/8/2018 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 1/8/2019 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 7/9/2020	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	6	H08.08.02.06	website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (http://skda.edu.vn/); facebook của Trường https://www.facebook.com/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-%C4%90%E1%BA%A1i-H%E1%BB%8Dc-S%C3%A2n-Kh%E1%BA%A5u-%C4%90i%E1%BB%87n-%E1%BA%A2nh-H%C3%A0-N%E1%BB%99i-954942391290706/	Sử dụng MC H05.05.04.02	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT

	7	H08.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh Giai đoạn 2018-2023	- Chính quy Đại học, Trung cấp Quyết định số 611/QĐ- SKĐAHN ngày 04/7/2018 Quyết định số 192/QĐ- SKĐAHN ngày 15/3/2019 Quyết định số 561/QĐ- SKĐAHN ngày 27/5/2020 Quyết định số 954/QĐ- SKĐAHN ngày 14/8/2020 - Hệ vừa làm vừa học Quyết định số 1097/QĐ- SKĐAHN ngày 10/10/2018 Quyết định số 1068/QĐ- SKĐAHN ngày 14/10/2019 Quyết định số 1268/QĐ- SKĐAHN ngày 27/10/2020	ĐH SKĐAHN Bộ phận TCCB	P. Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 8.3	1	H08.08.03.01	Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy	Quyết định 25/2006/QĐ- BGDDĐT ngày 26/6/2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	P.ĐT, QLKH & HTQT
	2	H08.08.03.02	Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐHSKĐAHN;	Quyết định số 1111/QĐ- SKĐAHN ngày 17/10/2018	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	3	H08.08.03.03	Tập hợp các quy định do phòng CTHSSV tham mưu Hiệu trưởng ban hành.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	4	H08.08.03.04	Quy chế về công tác học sinh sinh viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	5	H08.08.03.05	Minh chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2018-2023) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường;	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV

	6	H08.08.03.06	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
	7	H08.08.03.07	Minh chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
	8	H08.08.03.08	Thời khóa biểu các năm học (2018-2023) - của Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	P.ĐT, QLKH&HT QT	Khoa NTĐA
	9	H08.08.03.09	Email trao đổi với giảng viên Lý Thái Dũng - Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	Khoa NTĐA	Khoa NTĐA
	10	H08.08.03.10	Email trao đổi với giảng viên Lý Thái Dũng Sổ tay sinh viên; Minh chứng về tuần giáo dục công dân.	Công văn số 4146/BGDĐT-CTHSSV ngày 14/8/2015 Kế hoạch số 293 /KH – SKĐA HN ngày 4/9/2015 Công văn số 3836/BGDĐT-CTHSSV ngày 8/8/2016...	BGDĐT ĐH SKĐA HN	P. CT HS, SV
				Kế hoạch số 12 /KH – SKĐA HN ngày 5/1/2017 Kế hoạch số 575 /KH – SKĐA HN ngày 5/9/2017 Kế hoạch số 576 /KH – SKĐA HN ngày 5/9/2017 Kế hoạch số 381 /KH –		
				SKĐA HN ngày 28/8/2018 Kế hoạch số 406 /KH – SKĐA HN ngày 13/9/2018 Kế hoạch số 407 /KH – SKĐA HN ngày 13/9/2018		
				Kế hoạch số 286 /KH –		

				SKĐAHN ngày 14/8/2019 Kế hoạch số 358/KH – SKĐAHN ngày 27/9/2019		
				Công văn số 3321/BGDĐT- CTHSSV ngày 28/8/2020 Kế hoạch số 307 /KH – SKĐAHN ngày 8/9/2020 Kế hoạch số 349 /KH – SKĐAHN ngày 12/10/2020 Kế hoạch số 350 /KH – SKĐAHN ngày 12/10/2020		
	11	H08.08.03.11	Minh chứng về Hội nghị đối thoại với sinh viên hằng năm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	12	H08.08.03.12	Điểm thi lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH& HTQT	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa NTĐA
	13	H08.08.03.13	Biên bản ghi nhớ kiểm tra điểm thi	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	14	H08.08.03.14	Biên bản xét học bổng, xét danh hiệu, cảnh báo học vụ, xét điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp....	Các Biên bản đánh giá kết quả rèn luyện Giai đoạn 2018-2023	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	1	H08.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ- SKĐAHN ngày 05/11/2014	ĐH SKĐAHN	P.HCTH Bộ phận TCCB
	2	H08.08.04.02	Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM (2018-2023); sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm; quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa NTĐA.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.HCTH Bộ phận TCCB

Tiêu chí 8.4

3	H08.08.04.03	Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
4	H08.08.04.04	Sổ tay sinh viên	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
5	H08.08.04.05	Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp sinh viên đầu khóa của Khoa NTĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
6	H08.08.04.06	Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
7	H08.08.04.07	Minh chứng miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
8	H08.08.04.08	Báo cáo hằng năm về tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (2018-2023); báo cáo ba công khai.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
9	H08.08.04.09	Minh chứng cho việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
10	H08.08.04.10	Minh chứng về việc sinh viên được giải thưởng về phim.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
11	H08.08.04.11	Mô tả vị trí việc làm của giảng viên Khoa NTĐA; Kế hoạch hằng tháng (giao ban); Kế hoạch P. CTHSSV; Kết luận của HT về công tác HSSV.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
12	H08.08.04.12	Danh sách sinh viên được đề nghị xét học lớp tài năng	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
13	H08.08.04.13	Biên bản về việc tổ chức sinh hoạt lớp	Giai đoạn 2019 - 2024	Khoa NTĐA	
14	H08.08.04.14	Minh chứng được cung cấp từ Khoa về	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV

			các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV			
	15	H08.08.04.15	Minh chứng được cung cấp từ Đoàn TNCSHCM	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Đoàn TN
	16	H08.08.04.16	Danh mục danh hiệu thi đua của SV Khoa NT ĐA đạt được	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Khoa NTĐA
Tiêu chuẩn 9	9					
Tiêu chí 9.1	1	H09.09.01.01	Công khai cơ sở vật chất hằng năm (Báo cáo Ba công khai) Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Phụ lục 19, báo cáo Ba công khai hằng năm Quyết định 223/BC –SKĐA HN ngày 19/6/2019	ĐH SKĐA HN	P.KTĐB CLGD; P.HCTH
	2	H09.09.01.02	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng... Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	3	H09.09.01.03	Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý.	Sơ đồ trường ĐHSKĐA HN - 2020	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	4	H09.09.01.04	Quy chế hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ Phòng HCTH)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐA HN ngày 5/11/2014	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	5	H09.09.01.05	Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất. Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Thông báo số 112/TB-HCTH ngày 19/3/2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	6	H09.09.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ	Quyết định số 1714 /QĐ-	Bộ VHTTDL	

			sở vật chất (Dự án xây dựng Trường ĐHKĐAHN thành trường ĐH trọng điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B	BVHTTDL ngày 26/5/2021		
	7	H09.09.01.07	Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	P. HCTH (TV)
	8	H09.09.01.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	P.KTĐ BCLGD
Tiêu chí 9.2	1	H09.09.02.01	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (2018-2023) (tiêu chí 9.2)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	P.KTĐ BCLGD
	2	H09.09.02.02	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.	Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL	ĐHKĐAHN	P. HCTH
	3	H09.09.02.03	Sơ đồ bố trí thư viện.	Sơ đồ	ĐHKĐAHN	P. HCTH
	4	H09.09.02.04	Minh chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	TTTTTV
	5	H09.09.02.05	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	K.NTĐA
	6	H09.09.02.06	Minh chứng về thư viện điện tử	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	TTTTTV
	7	H09.09.02.07	cơ sở dữ liệu của Trung tâm thông tin thư viện	danh sách thống kê thư viện	ĐHKĐAHN	TTTTTV
	8	H09.09.02.08	Thống kê sách, tài liệu của ngành QPĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	K.NTĐA
	9	H09.09.02.09	Thống kê sách, tài liệu của ngành QPĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	K.NTĐA; TTTTTV
	10	H09.09.02.10	Thông báo của TTTTTV về bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHKĐAHN	K.NTĐA; TTTTTV

			hợp với chuyên ngành đào tạo.(Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện như: sách báo, tạp chí, tài liệu....)			
	11	H09.09.02.11	Mình chứng về việc khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện (phiếu khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu...)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	12	H09.09.02.12	Mình chứng về việc học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ TTTTTV.	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 9.3	1	H09.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sản tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành SK-ĐA	Trong sơ đồ trường	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận HCQT
	2	H09.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Trong sơ đồ trường	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận HCQT
	3	H09.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận HCQT
	4	H09.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành mà Khoa NTĐA sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim	Văn bản thống kê	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	5	H09.09.03.05	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	6	H09.09.03.06	Mình chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm	Dùng chung minh chứng H09.09.03.05	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT

			việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)			
	7	H09.09.03.07	Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).	Dùng chung minh chứng H09.09.03.05	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	8	H09.09.03.08	Quy chế tổ chức hoạt động (P. HCTH - Bộ phận HCQT) Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. (cung cấp số, ngày tháng ban hành QĐ) Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành). Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	9	H09.09.03.09	Kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất; Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của Khoa NTĐA (2018-2023);	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	10	H09.09.03.10	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT

	11	H09.09.03.11	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	12	H09.09.03.12	Danh sách các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình; Danh mục thiết bị mua sắm cho Khoa TH, NA, KTĐA...	biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	13	H09.09.03.13	Dữ liệu phản hồi của NH và các BLQ về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị		ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	15	H09.09.03.14	Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn (2018-2023)	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	Bộ phận HC, QT
Tiêu chí 9.4	1	H09.09.04.01	Thông kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử	Biên bản kiểm kê tài sản năm 20119-2024	ĐHSKĐAHN	P. HCTH
	2	H09.09.04.02	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐHSKĐAHN	(Năm 2017- tiêu chí 9.4)	ĐHSKĐAHN	P. KT& ĐBCLGD
	3	H09.09.04.03	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2018-2023.	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2019-2024	ĐHSKĐAHN	P. HCTH
	4	H09.09.04.04	Thư viện điện tử; Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH TT thư viện
	5	H09.09.04.05	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử.	Quyết định số 962/QĐ/-SKĐAHN ngày 16/9/2019	ĐHSKĐAHN	P.HCTH Bộ phận TCCB

			Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT; Quy chế hoạt động của Trường Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng			
6	H09.09.04.06	Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HCTH	
7	H09.09.04.07	Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.HCTH	
8	H09.09.04.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐA HN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN; Báo cáo tài chính (2018-2023) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm (2018-2023).	Dùng chung minh chứng H09.09.04.02 Báo cáo tài chính Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN	P.Khảo thí &ĐBCLGD Bộ phận tài vụ	
9	H09.09.04.09	Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên	Thông báo số 153/TB-SKĐA HN ngày 19/5/2020	ĐH SKĐA HN	P.HCTH	
10	H09.09.04.10	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐA HN (để đăng ký kiểm định và được đánh giá ngoài năm 2017)	Dùng chung minh chứng H09.09.04.02	ĐH SKĐA HN	Khảo thí & ĐBCLGD	
11	H09.09.04.11	Kết quả tốt nghiệp năm 2020 ngành QPĐA		ĐH SKĐA HN	P. ĐT, QLKH & HTQT	

Tiêu chí 9.5	1	H09.09.05.01	Văn bản của quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục	Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 Chỉ thị số 6036 /CT-BGĐT ngày 17/12/2014	Chính phủ ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
	2	H09.09.05.02	Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường	Có minh chứng ảnh	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	3	H09.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.	Dùng chung minh chứng H09.09.03.02	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	4	H09.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Hợp đồng 1/7/2021	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	5	H09.09.05.05	Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.	Biên bản giám sát ngày 28/5/2019	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	6	H09.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Biên bản giám sát ngày 28/5/2019	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	7	H09.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường Giai đoạn 2019 - 2024)	Kế hoạch số 435/KH-SKĐA HN ngày 28/9/2018	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	8	H09.09.05.08	Minh chứng khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất và bảo hiểm y tế cho sinh viên.	Kế hoạch số 435/KH-SKĐA HN ngày 28/9/2018	ĐH SKĐA HN P. CT HS,SV	Bộ phận HC, QT
	9	H09.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.	Thông báo 18/TB-SKĐA ngày 17/1/2020	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	10	H09.09.05.10	Minh chứng về Hội thảo văn hoá ứng	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN P.	Bộ phận

			xử....		HCTH	HC, QT
	11	H09.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	12	H09.09.05.12	Phương án phòng chống cháy nổ	Dùng chung minh chứng H08.08.05.12	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
	13	H09.09.05.13	Quy chế tổ chức hoạt động	Dùng chung minh chứng H6.06.07.01	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận TCCB
	14	H09.09.05.14	-Hệ thống camera Minh chứng về: - Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên <u>kế hoạch</u> rõ ràng -Dữ liệu về tập huấn/điễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm -Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,...	Có minh chứng	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận TCCB
	15	H09.09.05.15	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ	Quyết định số 458/QĐ- SKĐA HN ngày 27/5/2016	ĐH SKĐA HN P. HCTH	Bộ phận TCCB
Tiêu chuẩn 10	10					
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Minh chứng về: năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/trung tâm đào tạo.	Kế hoạch số 558/KH SKĐA HN ngày 30/8/2017	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	2	H10.10.01.02	Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các	Quyết định số 869/QĐ- SKĐA HN ngày 20/8/2019	ĐH SKĐA HN	K.NTĐA

			BLQ để xây dựng và phát triển CTDH (trích thông tin từ Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban – Có phần nói về việc chuẩn bị cho CTĐT tài năng). Minh chứng việc tổ chức hội thảo chương trình đào tạo tài năng của Khoa NTĐA.			
3	H10.10.01.03	Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bản của Trường ĐHSKĐAHN về vấn đề này.	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2019	Bộ GD & ĐT ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT	
4	H10.10.01.04	Danh sách các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) được thiết lập từ khi chuẩn bị cho công tác KĐCLGD (năm 2017).	Danh sách các BLQ chuẩn bị cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD; P.ĐT, QLKH & HTQT	
5	H10.10.01.05	- Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT. Biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao	Tổng hợp kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra 2019-2020	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD	

			nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ -Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTDH			
	6	H10.10.01.06	Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học	Thông báo kèm bảng thống kê Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD
	7	H10.10.01.07	Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại Khoa NTĐA.	Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2021 Kế hoạch 193 /KH-SKĐAHN ngày 16/5/2021 Thông báo 192 TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021 Kết luận thanh tra 274 /KL_SKĐAHN ngày 2021	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD
Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;	Thông tư 7/2015/2017/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD & ĐT	ĐT, QLKH & HTQT
	2	H10.10.02.02	Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT:	Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018 Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN ngày 26/7/2018	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT

			Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của P. ĐT QLKH & HTQT về vấn đề này) Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT bảo đảm chất lượng đào tạo.(P. ĐT QLKH & HTQT về sơ đồ này dựa trên những việc đã làm để hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019)	Quyết định số 1221/QĐ-SKĐAHN ngày 7/11/2017 Quyết định số 1476/QĐ-SKĐAHN ngày 28/12/2017 Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018		
3	H10.10.02.03		Minh chứng về quá trình Khoa NTĐA rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)	Dùng chung minh chứng H2.02.01.01	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
4	H10.10.02.04		Bảng đối sánh những nội dung chính đã cập nhật trong CTDH qua các năm (Giai đoạn 2018-2023)	Dùng chung minh chứng H2.02.01.01 Dùng chung minh chứng H2.02.01.03	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
5	H10.10.02.05		Các văn bản mẫu phiếu đề cương chi tiết do phòng đào tạo thiết kế	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN ngày 27/7/2018	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
6	H10.10.02.06		Khoa thống kê các nội dung điều chỉnh CTĐT QPĐA (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
7	H10.10.02.07		Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm 2019. Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi	Biên bản họp hội đồng Khoa học cấp trường ngày 25/4/2018	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT

			thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng.			
Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 12/2/2021	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H10.10.03.02	Thông báo của P. KT &ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi	Thông báo số 506/TB-SKĐAHN ngày 22/11/2018	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Minh chứng: Khoa Nghệ thuật điện ảnh cũng đề ra quy trình đánh giá học phần	Mô tả quy trình	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT
	4	H10.10.03.04	Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì	Minh chứng nằm trong ngân hàng đề thi	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT
	5	H10.10.03.05	Đề cương chi tiết học phần	Giai đoạn 2019 - 2024	ĐH SKĐAHN ĐT, QLKH & HTQT	Khoa NTĐA

	6	H10.10.03.06	Lấy ý kiến phản hồi các BLQ về các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành QPĐA	Giai đoạn 2019 - 2024		Phòng KT & ĐBCLGD Khoa NTĐA
	7	H10.10.03.07	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa nghệ thuật điện ảnh	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	8	H10.10.03.08	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT Khoa NTĐA
Tiêu chí 10.4	1	H10.10.04.01	Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H10.10.04.02	Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê việc tổ chức giải ong vàng, việc gửi phim đi dự thi, việc tham gia các hoạt động liên quan đến nghệ thuật điện ảnh được ghi nhận.	Các hoạt động nghề nghiệp cải tiến việc dạy học (Giai đoạn 2019 - 2024)	SKĐAHN	K. NTĐA
	3	H10.10.04.03	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa NTĐA	Danh sách giải thưởng của giảng viên Khoa NTĐA (Giai đoạn 2019 - 2024)	K. NTĐA	K. NTĐA
	4	H10.10.04.04	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV Khoa NTĐA	Danh sách giải thưởng của sinh viên Khoa NTĐA (Giai đoạn 2019 - 2024)	K. NTĐA	K. NTĐA
	5	H10.10.04.05	Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm điện ảnh được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV Khoa NTĐA)	Danh sách giải thưởng của giảng viên Khoa NTĐA (Giai đoạn 2019 - 2024)	K. NTĐA	K. NTĐA
	6	H10.10.04.06	Sự cực đoan và dịu dàng của tay máy vàng Lý Thái Dũng (tác giả Ngọc Diệp)	Danh sách các bài viết về tác phẩm ,thực hành của giảng viên Khoa NTĐA	K. NTĐA	K. NTĐA
	7	H10.10.04.07	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Quyết định số 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020	SKĐAHN	Bộ phận TCCB

	8	H10.10.04.08	Danh sách tên Hội nghị, hội thảo của Trường tổ chức - Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Viện SKĐA
	9	H10.10.04.09	Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm điện ảnh đạt giải có sự góp mặt của GV Khoa NTĐA.		Tạp chí SKĐAHN	Tạp chí ĐA
	10	H10.10.04.10	Danh sách chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường (2018-2023).	Bảng thống kê kế hoạch công tác với giảng viên, chuyên gia nước ngoài đến trường giảng dạy Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT Bộ phận Đối ngoại
	11	H10.10.04.11	Liệt kê sách, giáo trình phục vụ học tập do GV Khoa NTĐA thực hiện.	Danh sách giáo trình phục vụ học tập Khoa NTĐT Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	K. NTĐA
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2018-2023)	Kế hoạch và kết luận Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	P.CT HS,SV
	3	H10.10.05.03	Sổ theo dõi CSVC thường xuyên Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Biên bản kiểm kê tài sản ngày 31/12/2019	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (các năm từ 2018-2023)	Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 2020 và dự toán ngân sách 2021	SKĐAHN	Bộ phận Tài vụ

	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các Khoa, các phòng	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	6	H10.10.05.06	-Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá - Mẫu phiếu khảo sát	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	7	H10.10.05.07	Đề xuất của Khoa NTĐA hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp) cho Thư viện	Biên bản bàn giao bài tốt nghiệp Khoa	K. NTĐA	K. NTĐA
	8	H10.10.05.08	chính sách xã hội hoá (trích nội dung hợp giao ban về vấn đề lấp điều hoà khu nhà C)	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	9	H10.10.05.09	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	10	H10.10.05.10	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.	Quyết định số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 1/9/2015	SKĐAHN	Bộ phận TCCB
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL ngày 06/3/2014	BVHTTDL	Bộ phận TCCB
	2	H10.10.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014 Trường ĐHSKĐAHN	SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H10.10.06.03	Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hằng năm từ 2018-2023).	Kế hoạch, Bảng kế hoạch công tác, báo cáo tiến độ từ 2018 đến 2023	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	4	H10.10.06.04	- Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản	Quyết định số 1158/QĐ-	SKĐAHN	P.Khảo thí

			hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổng hợp phiếu phản hồi. -Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ	SKĐAHN ngày 30/9/2016		& ĐBCLGD
	5	H10.10.06.05	Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	Bộ phận TCCB
Tiêu chuẩn 11	11					
Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. CTHSSV)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H11.11.01.02	Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của K.NTĐA về P. Đào tạo, QLKH & HTQT...	Sổ tay GVCN năm Giai đoạn 2018-2023	ĐHSKĐAHN	K. TKMT
	3	H11.11.01.03	Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...	Biên bản Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	5	H11.11.01.05	Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường).	Quyết định số 1208/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp DV Kịch, ĐA-TH K36	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	6	H11.11.01.06	các quy định của Bộ GD&ĐT; của	Quyết định số 1111/QĐ-	Đại học	P.CTHSSV, P. ĐT

			Trường về công tác đào tạo, QLHSSV	SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của Trường ĐH SKĐA HN	SKĐAHN	QLKH & HTQT
	7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây (2018-2023)	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	9	H11.11.01.09	Minh chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKDAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKDAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKDAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
	10	H11.11.01.10	Minh chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên (Thông báo, biểu mẫu thống kê...)	Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Quy trình đề 1 SV Khoa NTĐA được công nhận tốt nghiệp.	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT
	2	H11.11.02.02	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV ngành Đạo diễn ĐA từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016. (cột 5)	Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2024.	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H11.11.02.03	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV QPĐA (2018-2023).	Biên bản Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV,

	4	H11.11.02.04	Thông báo lùi lịch bảo vệ TN dự kiến do dịch bệnh covid 19. Hoặc các lý do khác....	Thông báo số ngày tháng năm ban hành	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	5	H11.11.02.05	Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN	Đại học SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	Công văn 2919/BGDĐT-GDĐH của Bộ giáo dục và Đào tạo về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp Công văn 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgddt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx https://www.dropbox.com/	BGDĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.03.02	Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2018-2023	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	3	H11.11.03.03	Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành QPĐA	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	4	H11.11.03.04	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
Tiêu chí 11.4	1	H11.11.04.01	Thông tư 22 Quy định về hoạt động Khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.	Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGDĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.04.02	Quy định Về hoạt động NCKH của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học	Thông tư số 19/ 2012/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	BGDĐT	P. CTHSSV

	3	H11.11.04.03	Số liệu bổ sung tài liệu cho thư viện	Có danh sách hợp danh mục	SKĐAHN	Khoa NTĐA
	4	H11.11.04.04	Danh mục các giải thưởng do SV chuyên QPĐA, Khoa NTĐA	Danh sách tổng hợp giải thưởng	SKĐAHN	Khoa NTĐA
	5	H11.11.04.05	Các quy định về khen thưởng học sinh sinh viên	Giai đoạn 2019 - 2024	SKĐAHN	P. CTHSSV
	6	H11.11.04.06	Liên hoan phim Ong vàng – Cơ hội dành cho nhà làm phim trẻ	https://nhandan.com.vn/dong-chay/lien-hoan-phim-ong-vang-co-hoi-danh-cho-nha-lam-phim-tre-249311/	SKĐAHN	Khoa NTĐA
	7	H11.11.04.07	152 phim dự Liên hoan phim ngắn Ong vàng	https://tuoitre.vn/152-phim-du-lien-hoan-phim-ngan-ong-vang-524847.htm	SKĐAHN	Khoa NTĐA
		H11.11.04.08	Liên hoan phim ngắn 2020 dành cho các cựu sinh viên và sinh viên	https://baotintuc.vn/van-hoa/lien-hoan-phim-ngan-2020-danh-cho-cac-cuu-sinh-vien-va-sinh-vien-20201215175008171.htm	SKĐAHN	Khoa NTĐA
Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2019-2024	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H11.11.05.02	Tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu)	Mẫu phiếu	Đại học SKĐAHN	K. NTĐA
	3	H11.11.05.03	Dự thảo Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ	Giai đoạn 2019 - 2024	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp, họp Khoa NTĐA	Biên bản họp	Đại học SKĐAHN	K. NTĐA
	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu sinh viên Khoa NTĐA	Danh sách		K. NTĐA
	6	H11.11.05.06	Khảo sát việc làm của cựu SV (phiếu khảo sát, thư ngỏ....)	Phiếu khảo sát		K. NTĐA

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Số: 300 /QĐ-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Quay phim điện ảnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

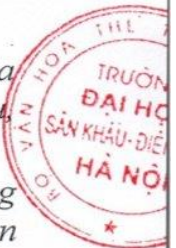
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Quay phim điện ảnh gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Quay phim điện ảnh theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày



14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD(25).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi





DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Kèm theo Quyết định số 300/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 4 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Trưởng Ban thư ký
2	Đặng Thu Hà	TS. Phó trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên
3	Trịnh Ngọc Sơn	ThS. Phó trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên
4	Lý Thái Dũng	CN. NSND. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên
5	Nguyễn Quốc Phương	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên
6	Trần Diệu Hiền	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên
7	Trần Tuấn Anh	ThS. Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kèm theo Quyết định số 387/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	HÀ NỘI	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1,2,3		Trần Quang Minh	TS. Trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Trưởng nhóm
		Nguyễn Quốc Phương	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thư ký
		Bùi Kim Quy	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên
		Ngô Thị Thắm	ThS. Giảng viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4,5,8		Đặng Thu Hà	TS. Phó trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Trưởng nhóm
		Trần Diệu Hiền	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thư ký
		Ngô Thị Thắm	ThS. Giảng viên Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
		Trần Tuấn Anh	ThS. Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
		Đặng Khánh Huyền	ThS. Chuyên viên Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
		Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6,7,9		Trịnh Ngọc Sơn	ThS. Phó trưởng Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Trưởng nhóm
		Lý Thái Dũng	CN. NSND. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thư ký
		Nguyễn Đức Anh	ThS. Chuyên viên Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ)	Thành viên
		Đinh Quang Trung	PGS. TS. Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên
		Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Quản trị)	Thành viên
		Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 10, 11		Nguyễn Quốc Phương	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Trưởng nhóm
		Trương Quế Chi	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thư ký
		Nguyễn Thị Hường	CN. Chuyên viên Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên

	Trần Tuấn Anh	ThS. Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Nguyễn Thị Huyền Trang	ThS. Giảng viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	Thành viên



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/KH-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

**07 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2024**

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Công tác tự đánh giá chương trình đào tạo (TĐG CTĐT) được áp dụng đối với 07 CTĐT hệ chính quy gồm: Nhiếp ảnh nghệ thuật (thuộc Khoa Nhiếp ảnh); Biên đạo múa đại chúng (thuộc Khoa Múa); Nhạc công kịch hát dân tộc (Khoa Kịch hát dân tộc); Đạo diễn sự kiện lễ hội (Khoa Sân khấu); Công nghệ dựng phim (Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình); Biên tập Truyền hình (Khoa Truyền hình); Quay phim Điện ảnh (Khoa Nghệ thuật Điện ảnh) giai đoạn từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024. Thời gian thu thập thông tin, lấy số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tính đến hết ngày 30/7/2024.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD V/v điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT **Nhiếp ảnh nghệ thuật** được thành lập theo Quyết định số 294/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Biên đạo múa đại chúng** được thành lập theo Quyết định số 295/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Nhạc công Kịch hát dân tộc** được thành lập theo Quyết định số 296/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Đạo diễn Sự kiện lễ hội** được thành lập theo Quyết định số 297/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Biên tập Truyền hình** được thành lập theo Quyết định số 298/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Công nghệ dựng phim** được thành lập theo Quyết định số 299/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu –

Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 23 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Quay phim Điện ảnh** được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2024 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 21 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

2. Phân công thực hiện nhiệm vụ

2.1. Nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá

Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch TĐG CTĐT; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo TĐG; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai TĐG CTĐT.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp Trường: Khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền, góp ý cho bản Báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa: điều hành chung các hoạt động đánh giá chương trình của Khoa, chủ động tổ chức họp để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn trước Chủ tịch Hội đồng, chỉ đạo các thành viên cấp khoa việc rà soát thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo TĐG theo kế hoạch TĐG của Trường.

Thành viên HĐ TĐG cấp trường: tham gia xây dựng, đóng góp và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của cấp khoa và báo cáo chung.

Thành viên HĐ TĐG cấp khoa: xây dựng báo cáo TĐG CTĐT theo sự phân công của Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa, tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hồ sơ minh chứng, tìm kiếm thông tin cho bản báo cáo TĐG.

Hội đồng TĐG CTĐT họp khoảng 06 lần trong suốt quá trình TĐG, có trách nhiệm phản biện, góp ý cho bản báo cáo đánh giá sơ bộ, báo cáo cuối cùng và tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng khi làm kế hoạch TĐG.

2.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký và các nhóm công tác

Ban Thường trực Hội đồng (bao gồm Trưởng Ban thư ký và các cán bộ chuyên trách Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) có trách nhiệm triển khai kế hoạch, tổng hợp dữ liệu, giám sát tiến độ thực hiện của Hội đồng TĐG CTĐT, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện lên Chủ tịch Hội đồng xem xét, duyệt nội dung. Chuẩn bị cơ sở vật chất và tài liệu cần thiết cho các buổi họp của Hội đồng.

Nhóm trưởng công tác: chịu trách nhiệm trước Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa về nội dung báo cáo TĐG, hồ sơ minh chứng, cơ sở dữ liệu theo nhóm tiêu chuẩn đã được phân công; phân công, đôn đốc các thành viên và thư ký cấp khoa trong nhóm công tác đảm bảo đúng tiến độ.

Thành viên/Thư ký cấp khoa: thực hiện phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo chung. Tiến hành tìm kiếm minh chứng, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện tài liệu hồ sơ có liên quan.

Thư ký thường trực cấp khoa: thực hiện nhiệm vụ của thư ký cấp khoa; chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí; viết biên bản, phân loại và quản lý hồ sơ minh chứng của nhóm công tác.

Thư ký cấp trường: có trách nhiệm hỗ trợ các khoa trong việc tìm kiếm thông tin, cơ sở dữ liệu, hồ sơ minh chứng; tham gia phản biện báo cáo TĐG.

2.3. Nguyên tắc thực hiện công việc

Chủ tịch Hội đồng TĐG phân công nhiệm vụ các thành viên trong hội đồng;

Định kỳ Hội đồng TĐG CTĐT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số;

Hội đồng TĐG CTĐT được tập huấn về các nội dung: giới thiệu hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ đánh giá CTĐT; hướng dẫn TĐG CTĐT; một số kinh nghiệm TĐG CTĐT trong và ngoài nước; kỹ năng

nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan; kỹ năng viết báo cáo và tìm kiếm minh chứng phù hợp;

Hội đồng TĐG CTĐT tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Các bộ phận có liên quan khác trong trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cho Hội đồng TĐG CTĐT để hoàn thiện công tác xây dựng báo cáo TĐG CTĐT;

Ban lãnh đạo Khoa, Phòng chức năng có liên quan có nhiệm vụ triển khai một số nội dung sau:

- Triển khai thực hiện kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể giảng viên, cán bộ, viên chức, sinh viên thuộc đơn vị;

- Phối hợp, thực hiện tốt các yêu cầu của thư ký hội đồng TĐG trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm minh chứng nhằm giúp cho việc TĐG của Trường thực hiện kịp thời.

3. Các nhóm công tác cá nhân

Thời gian thu thập thông tin và minh chứng: Từ 16/4/2024 đến 30/10/2024.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, đơn vị chịu trách nhiệm
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Nhóm công tác 1 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 11	- Nhóm công tác 2 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
3	Tiêu chuẩn 6, 7	- Nhóm công tác 3 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp
4	Tiêu chuẩn 9	- Nhóm công tác 4 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ)

		- Trung tâm Thông tin, Thư viện
5	Tiêu chuẩn 8, 10	- Nhóm công tác 5 - Đơn vị khoa - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - Viện Sân khấu – Điện ảnh - Phòng Công tác học sinh, sinh viên

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian dự kiến: Tháng 5/2024 (sẽ có kế hoạch riêng). Có chuyên gia tư vấn từ xa trong suốt quá trình diễn ra công tác TĐG CTĐT của Nhà trường.

2. Thành phần tham dự: tất cả các thành viên trong Hội đồng TĐG căn cứ theo các quyết định thành lập hội đồng đã ban hành; cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người lao động và người học trong toàn Trường quan tâm.

3. Nội dung, chương trình tập huấn

Giới thiệu về bộ tiêu chuẩn và tiêu chí được sử dụng cho đợt TĐG CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT;

Quy trình đánh giá;

Kỹ thuật phân tích, thu thập, xử lý, sử dụng minh chứng, lưu trữ và bảo quản minh chứng, cách mã hóa minh chứng;

Kỹ thuật viết phiếu đánh giá tiêu chí: bao gồm quy trình viết phiếu đánh giá tiêu chí; phân tích, mô tả thực trạng CTĐT, cách xác định điểm mạnh, điểm yếu; lập kế hoạch hành động;

Cách thức thu thập, phân tích cơ sở dữ liệu sử dụng trong quá trình viết báo cáo TĐG;

Cách sử dụng hiệu quả kết quả lấy ý kiến thăm dò của các bên liên quan tới quá trình TĐG CTĐT.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Khoảng thời gian cung cấp số liệu từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024.

Thời điểm huy động toàn bộ nguồn lực diễn ra trong vòng 28 tuần (từ ngày 16/4/2024 đến ngày 30/10/2024).

Tài chính: nguồn tài chính hỗ trợ công tác TĐG từ phía Nhà trường, khoa tài trợ...

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nhân lực
1	Tiêu chuẩn 01: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	- Xây dựng CTĐT bám sát mục tiêu. - Các hoạt động về CĐR, cách thức thực hiện, đáp ứng yêu cầu các bên liên quan.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	- Thông tin về bản mô tả CTĐT; bản đề cương. - Việc tiếp cận của các bên liên quan tới bản mô tả CTĐT.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
3	Tiêu chuẩn 03: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH)	- Việc xây dựng và thiết kế CTDH dựa vào CĐR. - Nội dung mỗi học phần đóng góp cho việc đạt CĐR của sinh viên.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
4	Tiêu chuẩn 04: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Việc công bố, phổ biến triển khai phương pháp giảng dạy tới các bên liên quan. - Cách thức triển khai phù hợp với CĐR, rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của sinh viên.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
5	Tiêu chuẩn 05:	- Các hoạt động về việc	Đơn vị Khoa có CTĐT

	Đánh giá kết quả của người học	đánh giá kết quả học tập của người học, các quy định, quy chế được ban hành, phương pháp đánh giá, sự phản hồi kịp thời giúp người học đánh giá đúng việc học tập.	làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và các bên liên quan.
6	Tiêu chuẩn 06: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	- Các hoạt động liên quan tới công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học để xác định tỷ lệ giảng viên/sinh viên. - Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng năng lực, tiêu chí theo yêu cầu chung.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.
7	Tiêu chuẩn 07: Đội ngũ nhân viên	- Các hoạt động quy hoạch đội ngũ cán bộ phù hợp với từng vị trí việc làm. - Công tác quy hoạch, tiêu chí tuyển chọn được công bố rộng rãi dựa vào nhu cầu, năng lực, trình độ đáp ứng công việc từng vị trí. - Các hoạt động liên quan tới đánh giá định kỳ, thi đua khen thưởng, kỷ luật, học tập, bồi dưỡng.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.

8	Tiêu chuẩn 08: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Các hoạt động hỗ trợ người học về công tác tuyển sinh, giám sát kết quả học tập rèn luyện, hoạt động chính sách, hỗ trợ hoạt động ngoại khóa, việc làm, môi trường học tập, NCKH.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
9	Tiêu chuẩn 09: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Các công việc triển khai tới công tác cơ ở vật chất của Nhà trường bao gồm: hệ thống phòng học phục vụ công tác đào tạo, NCKH, hệ thống phòng làm việc, thực hành, thư viện, nhà hát...	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Hành chính, Quản trị), Ban dự án và các bên liên quan.
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Các hoạt động liên quan tới thu thập thông tin, ý kiến phản hồi, nâng cao chất lượng CTĐT thông qua các bên liên quan, căn cứ để phát triển CTDH. Việc phát triển CTDH được thiết kế, đánh giá cải tiến phù hợp với CDR và nhu cầu xã hội.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Xác định được các thống kê hàng năm liên quan tới công tác học tập của sinh viên: tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ buộc	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học

		thời học để lấy số liệu đối sánh, có sự giám sát, kiểm tra chất lượng đầu vào và đầu ra của người học.	và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
--	--	--	--

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các đơn vị sẽ lấy ý kiến đóng góp về CTĐT, CDR và các yêu cầu từ các bên liên quan trong đó có các thông tin từ bên ngoài Trường. Trong quá trình làm công tác TĐG, các Khoa tự lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để thu thập, xử lý thông tin một cách chính xác, có độ tin cậy cao. Dự trù về nguồn lực cần huy động để hoàn thành việc thu thập và tìm kiếm thông tin.

Đối với việc thu thập thông tin, cơ sở dữ liệu đối với các đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị có liên quan khác trong Trường thì căn cứ vào phụ lục 7 – Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT trích trong Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Ban thường trực Hội đồng TĐG sẽ lập kế hoạch, chương trình làm việc cụ thể về việc thuê chuyên gia tư vấn về làm việc với Nhà trường, giúp cho công tác TĐG được hoàn thiện một cách chính xác, đúng mục đích và yêu cầu đặt ra.

Nội dung làm việc với chuyên gia sẽ bao gồm: lĩnh vực cần thuê chuyên gia; mục đích thuê chuyên gia; vai trò của chuyên gia; số lượng chuyên gia; thời gian cần thuê chuyên gia; kinh phí thuê chuyên gia...

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hóa các minh chứng

thu được, Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục minh chứng.

Bảng danh mục mã hóa minh chứng được trình bày ở bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần phụ lục của Báo cáo TĐG). Việc sử dụng, xử lý phân tích các thông tin từ minh chứng được hướng dẫn cụ thể trong mục II – Quy trình TĐG của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 01 – 02 Từ ngày 16/4/2024 đến ngày 29/4/2024	- Hợp Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT - Hợp Hội đồng TĐG CTĐT để: + Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; + Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; + Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 03 – 04 Từ ngày 02/5/2024 đến ngày 15/5/2024	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị; tập huấn về chuyên

	môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho Hội đồng TĐG và các thành viên khác. - Hợp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: + Bản kế hoạch TĐG CTĐT; + Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của các Khoa thực hiện CTĐT) + Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 05 – 12 Từ ngày 16/5/2024 đến ngày 10/7/2024	- Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 13 – 20 Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 04/9/2024	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 21 Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 11/9/2024	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;

	- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 22 - 23 Từ ngày 12/9/2024 đến ngày 25/9/2024	- Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu có); - Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 24 - 25 Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 09/10/2024	- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 26 - 27 Từ ngày 10/10/2024 đến ngày 23/10/2024	- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. - Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. - Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 28 Từ ngày 24/10/2024 đến ngày	- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp Bộ GDĐT.

30/10/2024	- Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.
------------	---

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá 07 chương trình đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Hiệu trưởng yêu cầu trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung và tiến hành thực hiện kế hoạch theo thời gian đã quy định./.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT, BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD, NTP.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH QUAY PHIM ĐIỆN ẢNH

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Mã: **52210244**

Tên CTĐT: **Chuyên ngành Quay phim điện ảnh**

Mã CTĐT: **7210236A**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1					X					
Tiêu chí 1.2				X						
Tiêu chí 1.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				X						
Tiêu chí 2.2				X						
Tiêu chí 2.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				X						
Tiêu chí 3.2				X						
Tiêu chí 3.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				X						
Tiêu chí 4.2				X						
Tiêu chí 4.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				X						
Tiêu chí 5.2				X						
Tiêu chí 5.3				X						
Tiêu chí 5.4				X						
Tiêu chí 5.5				X						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,57	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1					X					
Tiêu chí 6.2					X					
Tiêu chí 6.3					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1					x					
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5					x					
Tiêu chuẩn 8								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5				x						
Tiêu chuẩn 9								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5				x						
Tiêu chuẩn 10								4,17	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.3				X				4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.4				X						
Tiêu chí 11.5				X						
Đánh giá chung CTĐT								4.20	50/50	100%

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi